

# THÔNG LUẬN

NGUYỄN VĂN HUY

Publiée par Association Vietnam Fraternité, 7 allée Bouleau Carreau, 77600 Bussy-Saint Georges, France  
Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le N° 0708 G 88353  
Adresse Web : <http://www.thongluan.org> - Directeur de la publication: Nguyễn Văn Huy

Xã luận



Revue mensuelle Thông Luận, imprimée en France par la SARL Point Concept - 51 avenue Paul-Voillant Couturier - 94400 Vitry sur Seine.  
Prix du numéro : 3,5 EUR - Abonnement un an (11 numéros) : 35 EUR

ISSN 1145-9557 - Số 216 - Năm thứ 20, tháng 07&08-2007

## Cột mốc của một tiến trình không thể đảo ngược ?

Chuyến công du Hoa Kỳ cuối tháng 6 vừa qua có thể tóm tắt trong hai chữ : ê chề. Ông Triết đã không được tiếp đón như một nhân vật quan trọng, chưa nói là như một quốc trưởng của một nước với 85 triệu dân. Ông chỉ thảo luận với tổng thống Mỹ trong vòng một giờ, sau đó không có họp báo và thông cáo chung. Tại quốc hội Mỹ, ông đã chỉ gặp được bảy dân biểu để nghe họ phê phán thành tích tồi tệ về nhân quyền của chính quyền cộng sản Việt Nam. Trong các tiểu bang ông đã đi qua, không một thống đốc nào tiếp ông. Đã thế, ông còn bị chính các đồng bào của ông tại Mỹ biểu tình đả đảo rầm rộ. Các di chuyển của ông đều phải giữ kín về thời điểm và lộ trình. Ông đến một cách lấm lét và về một cách lủi thủi.

Bất cứ một nguyên thủ quốc gia bình thường nào cũng không thể chấp nhận một cuộc thăm viếng như vậy. Nhưng ông Triết đã rất nhẫn nhục để thực hiện chuyến đi này, và đó chính là điều đáng nói. Nó chứng tỏ rằng chính quyền cộng sản, hay ít nhất một khuynh hướng trong đảng cộng sản, muốn đến gần với Hoa Kỳ bằng mọi giá.

Chắc chắn là đã có một thế lực áp đảo trong đảng cộng sản không muốn đi xa hơn trong quan hệ hợp tác với Hoa Kỳ và đã làm tất cả để phá hoại chuyến công du này. Họ đã có đủ quyền lực để buộc ông Triết phải sang Bắc Kinh trước và tung ra một đợt đàn áp thô bạo đối với những người dân chủ. Như để khiêu khích và

gây phẫn nộ tối đa, họ còn cho truyền hình những phiên tòa thô bỉ trong đó những người đòi dân chủ một cách ôn hòa bị bịt miệng, không có luật sư bào chữa, không có quyền tự bào chữa và bị xử những án tù rất nặng sau một thủ tục chớp nhoáng. Họ đã đủ mạnh để lộng hành trước sự bất lực của ông Triết, nhưng họ đã không thể hủy bỏ chuyến đi này bởi vì chính họ cũng cần sự hợp tác với Hoa Kỳ để có thể tồn tại. Hoa Kỳ đã là đối tác ngoại thương quan trọng nhất của Việt Nam.

Chính quyền cộng sản Việt Nam đã thất bại trên mọi mặt. Tham nhũng, chênh lệch giàu nghèo, tụt hậu khoa học kỹ thuật đã trầm trọng và còn tiếp tục trầm trọng thêm. Y tế, giáo dục tiếp tục phá sản. Điểm son duy nhất của chính quyền là mức tăng trưởng kinh tế 8%, tuy chưa đạt mức độ có thể có đối với một nước nhiều tiềm năng và khởi hành ở mức độ thấp như Việt Nam nhưng cũng khả quan.

Chính quyền cộng sản không có chọn lựa nào khác là duy trì mức tăng trưởng ngày càng khó giữ này và như thế họ phải chấp nhận ngày càng lệ thuộc vào Mỹ hơn, với hậu quả tất nhiên là sau cùng sẽ phải chấp nhận dân chủ. Đó là một tiến trình, và việc ông Triết và đảng của ông phải chấp nhận chuyến công du không vinh quang này, hơn thế nữa còn cảm thấy nhẹ nhõm khi ký được một thỏa ước khung về thương mại và đầu tư, chứng tỏ rằng tiến trình này không thể đảo ngược được nữa.

Thông Luận

# Cố gắng xây dựng một lý thuyết mới để duy trì chế độ

Nguyễn Minh

## Tổng quát

Sau gần 7 năm gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới ngày 11-12-2001, ban lãnh đạo Đảng Cộng Sản Trung Quốc đang tìm một lý thuyết mới để chính thống hóa vai trò lãnh đạo của mình trên toàn xã hội Trung Hoa và đã làm đủ mọi cách để bảo vệ quyền lãnh đạo này. Cố gắng này đã được khích lệ bởi sự tăng trưởng cao và đều về kinh tế, nhờ đó tăng cường sức mạnh quân sự.

Chính qua cố gắng tăng cường sức mạnh quân sự này mà nhân dân Trung Quốc đã phần nào chấp nhận vai trò lãnh đạo của đảng cộng sản để có thể tự hào trước thế giới về sự hùng mạnh của quốc gia mình. Từ cuối thập niên 1990 đến nay, kinh phí quốc phòng hàng năm của Trung Quốc không ngừng gia tăng, chủ yếu vào hai lực lượng chính là hải quân và không quân để trong 10 năm tới có thể đối đầu ngang hàng với Hoa Kỳ, ít nhất trên biển Đông và khu vực phía tây Thái Bình Dương (Đông Á).

Trong cuộc Triển lãm IMDEX ASIA 2007 tại Singapore từ ngày 15 đến 18-5-2007 vừa qua, Bắc Kinh cho biết Trung Quốc đã đặt mua thêm 5 tàu ngầm mang đầu đạn nguyên tử SSN MIRV và 30 tàu ngầm loại tấn công khác. Về không quân, ngay trong năm 2007, bộ quốc phòng Trung Quốc đã đặt mua hoặc bắt đầu sản xuất theo bằng sáng chế của Nga từ 10 đến 20 oanh tạc cơ siêu âm Backfire TU-22M có phạm vi hoạt động 4.000 km, v.v.

Nhưng sự hùng mạnh của Trung Quốc không chủ yếu nằm trong lãnh vực quân sự mà là tư tưởng. Theo ban lãnh đạo Đảng Cộng Sản Trung Quốc, chủ nghĩa Marx-Lenin, tư tưởng Mao Trạch Đông và đường lối Đặng Tiểu Bình không còn sức thuyết phục nữa, nhất là đối với các thế hệ thứ 5 (sinh từ 1950 đến 1969) và thế hệ thứ 6 (sinh từ 1970 đến 1989), phải tìm cho ra một tư tưởng mới và một cách thức quản trị mới để duy trì sự lãnh đạo của đảng cộng sản trên toàn lãnh thổ Trung Quốc, kể cả Đài Loan.

Cuối tháng 2-2007, thủ tướng Ôn Gia Bảo đã khai mạc cuộc hội luận về "nhiệm vụ lịch sử của chặng đường đầu tiên của chủ nghĩa xã hội và một số vấn đề liên quan đến chính sách đối ngoại của đảng ta". Tiếp đó, ngày 16-3, Hội nghị lần thứ 5 của quốc hội kỳ 10 Trung Quốc đã thông qua dự thảo "luật vật quyền", hay luật về quyền sở hữu tài sản, dự định sẽ ban hành vào ngày 1-10 sắp tới. Đây là hai lý luận mới mà ban lãnh đạo Bắc Kinh muốn Đại hội đảng cộng sản Trung Quốc tổ chức vào mùa thu năm nay thông qua, trước khi chính thức được áp dụng vào thực tế.

## Luật về quyền sở hữu tài sản

Để đối phó với nạn đầu cơ về nhà đất và chứng khoán,

ban lãnh đạo đảng cộng sản vừa ban hành đạo luật về quyền sở hữu để giải nhiệt cơn sốt nhà đất và chứng khoán đang sắp bùng nổ.

Dự luật này đã được ra đời một cách khó khăn. Nó được phôi thai từ năm 1993, nhưng sau nhiều tranh cãi gay gắt về ý thức hệ, "luật này mâu thuẫn với nguyên tắc công hữu của chủ nghĩa xã hội", tất cả đều bị xếp lại. Từ sau ngày đó, sinh hoạt kinh tế của xã hội Trung Quốc đã thay da đổi thịt, không còn liên quan gì đến lý thuyết của chủ nghĩa xã hội nữa. đổi hẳn. Tháng 12-2002, dự luật về quyền sở hữu tài sản này được đưa bàn cãi và mãi tới ngày 16-3-2007, nội dung của nó mới được quốc hội chấp nhận với khá nhiều sửa đổi.

Dự luật này có nhiều mục đích. Trước hết nó nhằm giải quyết các cuộc tranh giành tài sản giữa tư

nhân và nhà nước, đang đe dọa xã hội Trung Quốc. Thứ hai là để đối phó với những tranh chấp quyền sở hữu bất động sản giữa các cá nhân, do mức sống được nâng cao. Thứ ba là để ngăn ngừa sự nhũng lạm của các cấp lãnh đạo địa phương trong việc thu dụng đất đai của nông dân và nhà cửa của cư dân đô thị cho nhu cầu riêng. Sau cùng là để hạn chế việc chiếm hữu tài sản nhà nước khi giải tư các xí nghiệp quốc doanh dự định sẽ tiến hành đều đặn từ đây.

Thực tế tại Trung Quốc từ 15 năm trở lại đây, cùng với việc khai thác đất đai và chỉnh trang đô thị trên khắp lãnh thổ, trình trạng những người bị buộc phải rời khỏi nhà đất của mình không được đền bù xứng đáng xảy ra tràn lan, gây thành vấn nạn xã hội lớn. Thêm vào đó, các chính quyền địa phương gia tăng tốc độ khai thác bất động sản một cách mù quáng làm thiệt hại khá nhiều công quỹ làm sinh hoạt kinh tế địa phương không bình thường.

Dưới chế độ cộng sản, mặc dù được ghi trong được ghi trong hiến pháp và dân luật, quyền sở hữu tư nhân vẫn chưa được công nhận. Lần này luật về quyền sở hữu xác định rằng tại Trung Quốc nhà nước, tập đoàn, cá nhân đều có quyền sở hữu tài sản riêng.

Bộ Luật về quyền sở hữu này có năm thiên, 19 chương, 241 điều, có thể tóm tắt lại như sau : chính quyền bảo vệ tài sản của nhà nước, các tập đoàn và tư nhân bằng pháp luật, không một tổ chức hay cá nhân nào có quyền xâm phạm. Trong trường hợp trưng dụng đất đai và nhà cửa vì lợi ích chung, chính quyền phải bồi thường thiệt hại một cách xứng đáng cho người bị truất hữu hay bị thu mua nhà đất. Không ai được quyền chiếm đoạt hay phá hoại tài sản hợp pháp đó.

Nhưng một vấn đề lớn đang đặt ra cho xã hội Trung Quốc là nếu luật này được áp dụng, nghĩa là quyền tư hữu được chấp nhận, giá bất động sản tại Trung Quốc sẽ nổ



bùng và đào sâu thêm hố sâu cách biệt giữa nông thôn và thành thị, chênh lệch giàu nghèo càng thêm rõ nét. Nếu không kiểm soát được sự đầu cơ nhà đất, thị trường bất động sản sẽ có nguy cơ phá sản như các thị trường chứng khoán không có kiểm soát. Tuy nhiên, với luật mới này, sinh hoạt kinh tế sẽ phát triển hơn vì người sở hữu nhà đất có quyền thế cầm cố tài sản của mình để vay thêm vốn đầu tư. Tình trạng những làm quyền thế cũng sẽ giảm đi vì sự chuyển nhượng bất động sản sẽ không qua trung gian nhà nước và người bị di dời đi nơi khác sẽ được đền bù xứng đáng theo giá thị trường.

Chính vì muốn phát huy những ưu điểm và hạn chế những khuyết điểm của luật về quyền sở hữu này, chính quyền Trung Quốc đã thảo dự luật để đón nhận những ý kiến khác nhau trước khi áp dụng. Nếu không có gì trở ngại, dự luật này "sẽ được quốc hội thông qua" nhân dịp quốc khánh 1-10 sắp tới. Từ đây tới đó những nhà lập pháp Trung Quốc đang suy nghĩ về những thủ tục áp dụng luật nào vào thực tế để tiếp tục lôi kéo đầu tư nước ngoài và giữ vững tốc độ tăng trưởng kinh tế.

Nói chung, với bộ luật về quyền sở hữu này, Trung Quốc đã làm một cố gắng lớn để hội nhập một cách bình thường vào sinh hoạt kinh tế chung của thế giới.

### **Lý luận mới về chặng đường đầu tiên**

Khác với Nga và các nước Đông Âu, cho đến đầu thế kỷ 21 này Trung Quốc đã không phủ nhận chủ nghĩa xã hội mà còn từng bước tu chỉnh ý thức hệ này.

Vào giữa thập niên 1980, dưới sự chỉ đạo của Đặng Tiểu Bình, Hồ Diệu Bang và Triệu Tử Dương, một số thành phần cấp tiến trong đảng cộng sản đã tổ chức nhiều cuộc hội thảo về "chặng đường phát triển đầu tiên của chủ nghĩa xã hội". Trong đại hội lần thứ 13 của đảng cộng sản mùa thu 1987, tổng bí thư Triệu Tử Dương (bị thất sủng vào tháng 6-1989 vì lắng nghe ý kiến của sinh viên ở Thiên An Môn và muốn hiện đại hóa chính trị) đã tạo điều kiện để triển khai hệ thống lý luận này. Ôn Gia Bảo, lúc đó đang là bí thư của Triệu Tử Dương, phát biểu rằng nếu biến chủ nghĩa xã hội thành một "lý tưởng" và hợp thức hóa một số yếu tố của chủ nghĩa tư bản, như tự do kinh doanh và quyền tư hữu, chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ có thể kéo dài 100 năm dưới sự lãnh đạo chuyên chính của một đảng.

Lý luận này được đưa ra từ ý thức nguy cơ sau 30 năm dưới sự lãnh đạo của đảng cộng sản, khả năng sản xuất của Trung Quốc vẫn không gia tăng, khả năng xây dựng một xã hội lý tưởng theo khuynh hướng xã hội chủ nghĩa đúng nghĩa vẫn chưa thể thực hiện. Dưới sự chỉ đạo của Đặng Tiểu Bình, khi bắt đầu đường lối cải cách, mở cửa và thực hiện bốn hiện đại hóa từ 1978, nhiều chỉ dấu tốt đẹp bắt đầu thành hình. Ban lãnh đạo cộng sản Trung Quốc nhận thấy rằng muốn gia tăng sản xuất không phải bằng kinh tế kế hoạch mà bằng các yếu tố tư bản chủ nghĩa, nghĩa là chấp nhận kinh tế thị trường, tôn trọng quyền tư hữu, cho phép cá nhân làm giàu và các vùng có điều kiện địa lý thuận lợi phát triển nhanh hơn những nơi khác. Chủ trương này có tên là "tiên phú luận".

Sau gần 30 năm áp dụng, từ 1978 đến nay, kết quả đã vượt ngoài ước muốn của ban lãnh đạo đảng cộng sản. Tỷ lệ tăng trưởng kinh tế gia tăng chưa từng thấy, bộ mặt kinh tế của Trung Quốc cũng thay đổi hẳn. Những nơi nhận đầu tư nước ngoài phát triển vượt trội hơn các nơi khác; những trung tâm trao đổi chính như Quảng Châu, Thượng Hải, và Bắc Kinh trở thành những đầu cầu phát triển mới.

Ngày 26-2-2007, thủ tướng Ôn Gia Bảo, nhà lý luận chính thống của đường lối cải cách mở cửa, nhắc lại "nhiệm vụ lịch sử của chặng đường đầu tiên để phát triển vững chắc chủ nghĩa xã hội". Ông cho rằng phải giải phóng sức sản xuất, gia tăng không ngừng tài sản vật chất của chủ nghĩa xã hội bằng cách thực hiện từ từ công bình, dân chủ và pháp trị.

Ông nói: "Khoa học dân chủ, pháp chế, tự do, nhân quyền không phải là thứ đặc hữu riêng của chủ nghĩa tư bản, đó là những giá trị trong quá trình lịch sử dài của loài người đạt được, đó là thành quả của văn minh sáng tạo. Đó đó chế độ xã hội chủ nghĩa và chính trị dân chủ không mâu thuẫn nhau, dân chủ cao độ, pháp chế hoàn bị thực ra là yêu cầu nội tại của chế độ xã hội chủ nghĩa... "Mục tiêu trước mắt của chúng ta là xúc tiến phát triển kinh tế, bảo vệ quyền lợi công dân, chống lại hành vi hủ bại, nâng cao uy tín của chính phủ, xúc tiến hòa giải xã hội, mở rộng dân chủ, chỉnh đốn pháp chế, tiếp tục cải cách thể chế chính trị. Làm được như thế chúng ta sẽ đạt được sự thông cảm và tán đồng rộng rãi về con đường mà nhân dân Trung Quốc đã chọn".

Ông chủ trương tiếp tục đường lối cải cách, vừa mở cửa vừa thông qua cải cách chính trị như điều chỉnh khoảng cách thu nhập quốc dân, xem dân chủ và pháp trị là trung tâm cải cách để nhằm đào tạo một xã hội hài hòa mà ông gọi là "cộng đồng phú dư" (cùng giàu với nhau).

Trong tình trạng xã hội Trung Quốc hiện nay, hố ngăn cách giàu nghèo còn rất sâu rộng mà Ôn Gia Bảo gọi là "giai đoạn đầu tiên của chủ nghĩa xã hội" để thực hiện không phải là một xã hội xã hội chủ nghĩa xã hội chín muồi mà là xã hội tư bản chủ nghĩa thành thực như Nhật Bản và các nước Âu Tây đã đạt được.

Khi muốn chuyển từ tiên phú luận sang cộng đồng phú dư luận, ông Ôn Gia Bảo và ban lãnh đạo thế hệ cách mạng thứ 5 của Trung Quốc đã nghĩ đến tiền đề cải cách chính trị và bỏ chuyên chính một đảng dù vẫn chuẩn bị cho đảng cầm quyền có cơ hội nắm quyền lần hơn. Sự khiêm tốn muốn học hỏi "tài sản chung của loài người là dân chủ và pháp chế" của thủ tướng Ôn Gia Bảo là một bước tiến lớn để thuyết phục các đồng chí của ông thoát khỏi chủ nghĩa công nghiệp, chủ nghĩa khoa học giản đơn. Trong kỳ họp đại hội đảng cộng sản lần thứ 7 vào mùa thu năm nay, ông sẽ đề nghị đổi tên đảng cộng sản Trung Quốc thành đảng Xã hội khoa học để cân bằng giữa phát triển và hài hòa xã hội, khai thác và giữ gìn môi trường. Cả vấn đề Đài Loan cũng có thể giải quyết tương đối dễ dàng nếu có một cộng hòa liên bang Trung Hoa dân chủ, pháp trị và đa nguyên.

**Nguyễn Minh (Tokyo)**

## Kịch bản nào cho cuộc cờ này ?

Nguyễn Gia Kiểng

Một người bạn bảo tôi : "Đọc những bài của anh hơi nhúc dẫu". Vậy thì lần này tôi phải đổi đề tài, nhất là lúc này bắt đầu vào hè, nhiều bạn đọc sắp hoặc đã đi nghỉ, bài này có thể sẽ được đọc trên bãi biển, dưới bóng dù che nắng trong thời gian nhàn hạ. Cũng có những bạn sẽ đánh cờ giải trí. Vậy xin hầu chuyện các bạn về môn cờ.

Tôi còn nhớ rất rõ cái ngày mà trình độ đánh cờ của tôi tiến một bước nhảy vọt. Đó là một buổi chiều mưa. Khác với những trận mưa hè của Sài Gòn, xối xả nhưng ngắn ngủi, như Nguyễn Sa mô tả (*em chợt đến chợt đi anh vẫn biết, trời chợt mưa chợt nắng chẳng vì dẫu*), cơn mưa này khá dài. Anh em tôi đang chơi cờ dưới mái hiên thì một bác đạp xích-lô dừng lại, đậu xe ở trước cửa và đến bên cạnh chúng tôi để trú mưa. Bác ngồi xuống cái ghế dẫu và nhìn chúng tôi đánh cờ. Một lúc sau bác nói : "Các cậu chưa biết đánh cờ".

Chưa biết đánh cờ ? Lúc đó tôi đã 14, 15 tuổi rồi. Anh em tôi đều đánh cờ từ hồi năm, sáu tuổi. Như vậy là chúng tôi đã có gần mười năm kinh nghiệm rồi. Chúng tôi không những biết đi quân (mã nhật, tượng điền, xe liễn, pháo cách) mà còn biết nhiều nước : chiếu tướng bắt xe, tiễn mã hậu pháo v.v. Chúng tôi biết đánh cờ. Ông xích-lô này đúng là nói bậy.

Thấy chúng tôi bất mãn, ông bèn đề nghị đánh thử vài bàn. Và quả nhiên là ông hạ chúng tôi chớp nhoáng. Ông này đi quân gần như không cần suy nghĩ. Hình như ông biết trước phải đi nước nào, có ai đó cầm tay ông đánh cờ. Ông làm chúng tôi ngạc nhiên và thán phục. Sau cùng, thấy chúng tôi có vẻ dễ thương, ông chỉ bảo :

- Đánh cờ là để bắt tướng chứ không phải để bắt con xe, con ngựa. Vậy các cậu phải học cách bắt tướng như thế nào. Đó là các thế làm thua. Có nhiều thế làm thua lắm. Đi quân, bắt quân chỉ là để dẫn dắt tiến đến những thế đó. Càng biết nhiều thế làm thua càng giỏi đánh cờ, thế này không được thì chuyển sang thế khác. Quen với những thế làm thua các cậu sẽ dần dần biết cách tiến đến đó. Đánh cờ là như thế.

Rồi ông chỉ cho chúng tôi những thế chiếu bí. Tất cả những nước đó chúng tôi đều đã biết, nhưng chỉ thấy khi chúng đã hiện ra trước mắt. Điều độc đáo là bằng một vài thí dụ ông dạy cho chúng tôi hiểu rằng đánh cờ là tìm cách đi đến những thế cờ đó. Tôi chợt hiểu tại sao ông cụ bên cạnh nhà tôi tối ngày cứ đem những cuốn sách cờ thế ra đánh một mình. Thì ra ông ấy học đánh cờ.

Cơn mưa tạnh, ông xích-lô từ giã ra đi, sau khi dặn riêng tôi một lần chót, có lẽ vì thấy tôi nghe chăm chú nhất :

- Cậu nên học thuộc lòng càng nhiều thế cờ càng hay. Học thật kỹ và tìm cách đưa địch thủ vào những thế đó.

Ông ra đi và tôi bắt đầu hiểu thế nào là đánh cờ. Tôi bắt đầu biết học cách đánh cờ. Tôi khám phá ra một điều kỳ thú là từ trước tôi cứ tưởng mình biết đánh cờ mà thực ra không biết gì, ngay cả học đánh cờ !

Tôi đem câu chuyện kể với bố tôi. Bố tôi đáp : "Thì đúng là thế chứ còn gì nữa". Thế nhưng bố tôi không hề chỉ cho tôi điều đó. Lý do một phần là vì ông không muốn chúng tôi đánh cờ. Ông thường nói : "*Gia trung hữu kỳ nam tử tất suy, gia trung hữu cầm nữ tử tất dâm*" (Nhà có bàn cờ con trai không khá, nhà có đàn con gái lẳng lơ). Ông muốn chúng tôi để hết thì giờ học hành. Một phần khác có lẽ là vì ông cho đó là sự thực hiển nhiên, không nói cũng biết. Nhưng thực tế là chúng tôi không biết, nếu không tình cờ có cơn mưa làm ông xích-lô dừng lại nhà tôi.

Từ hôm đó, tôi bớt đánh cờ đi mà thường đem các thế cờ ra quan sát, từ những thế đơn giản nhất, những "thế làm thua" như sư phụ xích-lô của tôi nói, dần dần đến những thế phức tạp hơn. Và tôi hiểu thế nào là đánh cờ. Sự hiểu biết này có hai tác dụng trái ngược nhau lên tôi : một mặt tôi đánh cờ khá hẳn lên, mặt khác tôi ý thức được rằng mình đánh cờ rất kém nhưng lại vui vì ít nhất biết mình phải học cái gì. Và tôi cũng hiểu tại sao có những người đánh cờ cao như tiên, có những người đánh cờ thấp như đế. Lý do không phải ai thông minh hơn ai như người ta thường nghĩ mà chủ yếu là vì có những người chỉ đánh cờ mà không học đánh cờ, hay học không đúng phương pháp, do đó chỉ biết đi những nước đuổi xe, bắt ngựa, chiếu tướng linh tinh không nằm trong một kịch bản tổng quát nào, và thua.

Sự nghiệp đánh cờ của tôi dừng lại ở đó vì chẳng bao lâu tôi phải học thi trung học, rồi tú tài; các anh tôi, người nhập ngũ, người bận học. Bàn cờ bỏ đó.

Rồi tôi du học Pháp và trong những ngày cuối tuần ở nhà nội trú được các bạn Pháp dạy cho một môn cờ khác : cờ vua. Tôi không có thì giờ, họa hiếm một tháng chỉ đánh được một vài bàn thôi. Và dĩ nhiên là đánh cờ rất dở, nhưng tôi vẫn thường thắng các bạn Pháp của tôi vì ít nhất tôi hơn họ ở một điểm : tôi biết thế nào là đánh cờ. Họ cứ tưởng tôi thông minh hơn họ. Sai lầm lớn. Sau này khi đã ra trường, tôi có thì giờ hơn và đọc một số sách về cờ vua, nghiên cứu được một số thế cờ. Tuy vậy, môn cờ của tôi vẫn chỉ đủ để thắng những người mà chắc ông thầy xích-lô của tôi sẽ gọi là "chưa biết đánh cờ", dù có thể họ chơi cờ nhiều. Tôi đánh cờ dở nhưng rất thoải mái vì tôi hiểu tại sao mình kém : đó là vì tôi không có thì giờ để học hỏi thêm. Và tôi cũng hiểu tại sao có những tay "kỳ thánh" như Murphy (anh chàng này quá mê đánh cờ đến phát điên lên mà chết), Steinitz (ông

này cũng là một nhà toán học lớn), Fisher, Karpov, Kasparov (anh này giờ đây bỏ cờ vua để tranh đấu cho dân chủ tại Nga), và cũng có những người đánh cờ như tôi. Tôi không mặc cảm, không ghen tức mà còn thích thú chấp nhận và giữ nguyên sự tối đở của mình vì tôi đã giác ngộ. Không nhất thiết phải là hào kiệt mới có được hạnh phúc.

Sở dĩ tôi không luyện thêm về môn cờ vua vì từ khi tới Pháp tôi còn có một đam mê khác : chính trị. Thực ra tôi không thích chính trị, tôi mê nhiều môn khác hơn, đọc tiểu thuyết chẳng hạn. Tôi đi vào hoạt động chính trị như một nghĩa vụ rồi ra không được vì làm chưa xong và tính tôi không thích bỏ cuộc. Một duyên hai nợ âu đành phận !

Một điều tôi nhận xét là chính trị và cờ, cờ tướng cũng như cờ vua, rất giống nhau. Chả thế mà người Pháp có thuật ngữ "bàn cờ chính trị", *l'échiquier politique*. Điểm giống nhau nổi bật là trong cả hai môn này người ta rất dễ tưởng là mình đã biết hết lý thuyết dù thực ra không biết và cứ lẩn xả vào hành động, rồi bực tức vì thấy mình không khá và ganh tị với những người khá hơn mình, coi như một vấn đề danh dự. Không thiếu trường hợp người ta đánh cờ giao hữu rồi cãi nhau, giống hệt như trong chính trị người ta chơi xấu lẫn nhau ngay cả trong cùng một phe. Trong cả hai bộ môn, tuyệt đại đa số, nhất là người Việt Nam, cho rằng không cần học nhiều, cứ hành động và học hỏi qua kinh nghiệm. Cứ nhìn người khác đánh cờ, hay làm chính trị, rồi theo đó mà làm là xong. Cao hay thấp, giỏi hay dở là do thiên tư. Và dĩ nhiên là không ai chấp nhận là mình thiếu thông minh. Thế là không ai chịu ai, và lộn xộn.

Nhiều người đánh cờ cũng rất chịu khó quan sát người khác đánh cờ và trong lúc đánh cờ cũng cố gắng để suy nghĩ nhiều nước trước, nhưng họ thiếu cái nhìn tổng quát về triết lý của môn cờ là phải biết rõ những thế thắng để trong mỗi trường hợp nhìn thấy mình có khả năng tiến đến thế thắng nào và mỗi nước đi phải là một bước tiến gần tới thế đó. Nói tóm lại, phải có một kịch bản chiến thắng và mỗi nước đi phải nằm trong kịch bản đó. Vì không có cái nhìn chiến lược tổng quát đó họ đánh cờ một cách lảng nhãng, dù cố nặn óc suy nghĩ, và sau cùng thua, trừ khi đối thủ cũng là người "chưa biết đánh cờ" như mình.

Một cách tương tự, trong hoạt động chính trị, trong rất nhiều trường hợp, có thể nói là trong tuyệt đại đa số các trường hợp của những người đối lập Việt Nam, người ta có thể đọc rất nhiều sách báo, sưu tầm rất nhiều tài liệu nhưng trước đó không đặt câu hỏi thế nào là thắng, kịch bản nào đưa đến thắng lợi, và muốn thực hiện kịch bản đó ta cần biết những gì và làm những gì. Cũng như trong môn đánh cờ, người ta tưởng cứ biết đi quân, bắt xe, chiếu tướng là biết đánh cờ, trong đấu tranh cho dân chủ người ta cũng tưởng rằng khi đã biết rằng một chế độ dân chủ phải có hành pháp, lập pháp và tư pháp, phải có tự do ngôn luận và báo chí, phải có đối lập và bầu cử tự do là người ta đã biết hết, vấn đề còn lại là hành động. Và người ta hành động. Viết báo, viết sách, rủ nhau ra tuyên ngôn, tổ chức biểu tình, hội thảo... Khi bài báo hay cuốn sách gây được một chút tiếng vang, khi những cuộc hội thảo qui tụ được 100 người, những cuộc biểu tình

tập hợp được 1.000 người (có thể chỉ là những cuộc biểu tình chống Trần Trường hay một vài ca sĩ từ trong nước ra), những bản tuyên ngôn thu thập được vài trăm chữ ký, người ta cho là đã thành công. Trong hơn 30 năm qua đã có biết bao nhiêu là thành công như vậy, nhưng chúng chẳng đóng góp bao nhiêu cho cuộc vận động dân chủ bởi vì chúng không nằm trong một kịch bản thắng lợi nào cả. Dĩ nhiên những hành động này cũng có thể có tác dụng tốt - thí dụ như việc vận động yểm trợ các hoạt động dân chủ trong nước với điều kiện là yểm trợ đúng người, đúng việc và đúng mức - nhưng chúng không đưa ta tới gần thắng lợi của dân chủ nếu không nằm trong một kịch bản thắng lợi.

Có kịch bản thắng lợi nào cho cuộc vận động dân chủ không ? Tôi tin là có.

Trước hết phải định nghĩa thế nào là thắng lợi. Chúng tôi coi thắng lợi là khi Việt Nam có dân chủ thực sự, nghĩa là nếu có tự do ngôn luận, có tự do đảng phái và có tự do bầu cử, ngay cả nếu trong chế độ dân chủ đó đảng cộng sản tiếp tục cầm quyền. Cuộc đấu tranh cho dân chủ vì vậy là tạo ra hoặc tăng cường áp lực buộc đảng cộng sản chấp nhận luật chơi dân chủ.

Có hai loại áp lực, những áp lực từ bối cảnh quốc tế và những áp lực đến từ xã hội và quần chúng Việt Nam, trong đó áp lực quyết định - đồng thời cũng là áp lực mà chúng ta có thể tác động - là áp lực quần chúng. Cố gắng của các lực lượng dân chủ như vậy chủ yếu là vận động quần chúng. Phân tích này chẳng có gì mới, trừ ra là để ý thức được hai điều : một là cần khuyến khích thay vì ngăn cản những quan hệ hợp tác của Việt Nam với nước ngoài, càng hợp tác với các nước dân chủ phát triển nhà nước cộng sản Việt Nam càng bị áp lực dân chủ hóa từ bối cảnh quốc tế ; hai là đừng nên quá trông cậy vào các nước dân chủ phát triển, Hoa Kỳ và Liên Hiệp Châu Âu ; áp lực từ xã hội Việt Nam mới là quyết định và áp lực này chúng ta có thể và phải tạo ra

Điều đáng nói là kịch bản chiến thắng rút ra từ phân tích này. Ở đây rõ ràng là có sự giống nhau giữa những người đánh cờ như tôi trước khi gặp sư phụ xích-lô và đa số những người tự coi là đấu tranh cho dân chủ : không chịu học hỏi và do đó không hiểu kịch bản chiến thắng. Đành rằng phải vận động quần chúng, cũng như đánh cờ phải có chiếu bí, nhưng vận động quần chúng như thế nào là một vấn đề rất khác. Nếu chịu bỏ thì giờ nghiên cứu và học hỏi người ta sẽ thấy ngay rằng mọi chuyên gia về tâm lý xã hội và chính trị xã hội đều nhất trí trên một điều : một khối quần chúng dù đông đảo đến đâu và dù hoàn toàn đồng ý rằng mình bị ức hiếp cũng *không* nổi dậy đánh đổ tập đoàn thống trị. Họ chỉ nổi dậy khi đã hội đủ hai điều kiện :

- Một là họ ý thức một cách rõ rệt rằng họ là một khối người liên đới trong một số phận chung đang bị một nhóm người khác ức hiếp. Nói cách khác, phải có sự hiện hữu được nhìn nhận một cách rõ rệt của *hai tập thể* : một tập thể ta và một tập thể địch. Các phong trào cộng sản trước đây đã thành công ở một số nước nhờ tạo được ý thức về một giai cấp vô sản (hay bản cổ nông) bị giai cấp chủ nhân (hay địa chủ) bóc lột.

- Hai là quần chúng chỉ đứng dậy tranh đấu khi có niềm tin ở thắng lợi. Các dân tộc không khác nhau bao nhiêu về bản chất, cái khác nhau là ở chỗ trong một hoàn cảnh lịch sử nào đó có những dân tộc có được niềm tin rằng có thể thay đổi được số phận. Niềm tin này cũng đã được mọi nhà nghiên cứu tâm lý, xã hội và chính trị nhìn ra : nó đòi hỏi phải có một tổ chức lãnh đạo và tổ chức này phải mạnh, phải có đủ phương tiện và phải rất gắn bó. Những tổ chức nhỏ dĩ nhiên là không thể động viên được quần chúng, và nếu có động viên được một phần quần chúng nhỏ thì cũng chỉ là để gây thất vọng sau đó, vì động viên không phải là tất cả, điều quan trọng hơn nhiều là lãnh đạo và tổ chức quần chúng sau đó, và điều này chỉ những tổ chức mạnh mới làm được. Nhiều tổ chức thi đua nhau kêu gọi quần chúng chỉ gây hỗn loạn tâm lý, chia rẽ quần chúng và cuối cùng kìm giữ quần chúng trong thế thụ động bất lực.

Trường hợp mà mọi người dân chủ mong đợi, ít nhất trong lời nói, là thay vì có quá nhiều tổ chức nên có một vài tổ chức dân chủ mạnh. Nhưng ngay cả trong trường hợp này (được coi là lý tưởng vì chúng ta đa nguyên không nên chỉ có một tổ chức thôi, như thế không khác độc đảng là bao v.v.) sức mạnh quần chúng cũng không vận động được. Quần chúng đòi hỏi lãnh đạo và họ không thể nhận cùng một lúc nhiều chỉ thị. Và nếu do một phép mầu nào đó tất cả mọi người dân chủ qui tụ trong một tổ chức ? Cũng chưa đủ nếu tổ chức đó thiếu gắn bó và lãnh đạo thống nhất. Một tổ chức không có nhất trí dưới mắt quần chúng giống như một người phân vân chưa biết mình muốn gì. Quần chúng đòi hỏi một đường lối và những chỉ thị rõ rệt, xuất phát từ những cấp lãnh đạo bằng xương bằng thịt mà họ biết và tin nhiệm.

Những gì vừa nói trên đây không phải là một lý thuyết của riêng ai, đó là những kết luận của mọi nghiên cứu về quần chúng. Nhưng hình như đa số những người đấu tranh cho dân chủ không biết hoặc cố tình làm như không biết. Kết quả là ngay cả những tổ chức vừa mới thành lập với một số người ít ỏi, chưa có gì bảo đảm là có khả năng và cũng chưa có gì bảo đảm là có thể làm việc lâu dài với nhau, đã vội vã ra tuyên ngôn, tuyên cáo kêu gọi quần chúng đứng dậy. Có khác gì những người "chưa biết đánh cờ" chiếu tướng một cách vô tác dụng ?

Nhiều vị sẽ trả lời rằng những lời kêu gọi đó, cũng như những bài báo, bài thuyết trình, những cuốn sách công kích chế độ cộng sản và vận động cho dân chủ cũng có tác dụng thức tỉnh và giáo dục quần chúng. Đúng, với điều kiện là phải rất đặc sắc, đó không phải là trường hợp của đại đa số những văn bản này. Và cũng chỉ đúng một phần thôi, vì thực ra quần chúng Việt Nam không còn cần được thuyết phục rằng chế độ cộng sản hiện nay là độc tài, tham nhũng, bạo ngược nữa. Họ cần một giải pháp và một niềm tin vào thắng lợi, họ cần được tổ chức và lãnh đạo. Họ cần một tổ chức dân chủ thực sự mạnh. (Chúng ta có thể nhận xét rằng chính quyền cộng sản có thể nương tay với những chống đối cá nhân nhưng họ rất thẳng tay với các tổ chức và những người mà họ nghĩ là có thể trở thành những "ngọn cờ" cho một kết hợp. Họ sợ nhất là đối lập có tổ chức. Họ tỏ ra hiểu biết hơn nhiều người chống lại họ).

Áp lực quần chúng không phải là tất cả, cũng phải kể đến sức đề kháng của chính quyền. Một đảng cầm quyền mạnh có thể đương đầu được với những áp lực lớn, trái lại một chính quyền chao đảo có thể không chịu đựng nổi những áp lực nhỏ. Ở giai đoạn này, khi sự chán ghét chính quyền đã là một sự thực, thuyết phục chủ yếu là thuyết phục những người trong guồng máy đảng và nhà nước cộng sản về sự cần thiết của một chuyển hóa nhanh chóng về dân chủ; những phản kháng từ trong lòng chế độ có sức tàn phá đặc biệt. Điều này không phải ai cũng làm được. Nhận xét của tôi qua một số tiếp xúc là những người trong guồng máy đảng và nhà nước cộng sản không đánh giá cao cả lực lượng đối lập lẫn đa số những gương mặt đối lập. Đây là hậu quả của tình trạng phân tán xô bồ.

Từ những nhận thức trên, kịch bản đấu tranh tự nhiên là xây dựng tổ chức và làm yếu đi lực lượng bảo thủ trong đảng cộng sản. Việc xây dựng tổ chức tự nó cũng là một kịch bản trong kịch bản chiến thắng của dân chủ. Nó không giản dị như người ta có thể nghĩ : chỉ cần tìm một số người có uy tín, tạo một số thành tích và kêu gọi hưởng ứng. Nếu dễ như vậy thì phe dân chủ đã có một tổ chức mạnh từ lâu rồi, đâu đến nỗi sau hơn 30 năm dưới chế độ cộng sản vẫn chưa có nổi một tổ chức dân chủ có tầm vóc. Kịch bản xây dựng tổ chức phải qua hai giai đoạn đầu khó khăn : xây dựng một cơ sở tư tưởng và tạo dựng một đội ngũ cán bộ nòng cốt. Hai giai đoạn này có thể đòi hỏi nhiều thập niên nhưng nhất định phải trải qua, và một khi đã hoàn tất thì tất cả phần còn lại của kịch bản thắng lợi có thể thực hiện nhanh chóng, trong vài năm, thậm chí vài tháng. Nhưng cho tới nay hai giai đoạn này không được đánh giá đúng tầm quan trọng và mức độ khó khăn của chúng.

Có cần một bằng chứng không ? Trong nhiều năm lập trường dân chủ đa nguyên, hòa giải dân tộc, bất bạo động bị đả kích, rồi sau đó được chấp nhận. Nhưng người ta lại nghĩ rằng như thế là đủ, không cần những người chủ xướng nữa, họ chỉ gây sự khó chịu là nhắc lại rằng chúng ta đã lầm lẫn trước đây. Nhưng một lập trường chính trị không thể vay mượn. Phải hiểu triết lý nền tảng của nó và thực sự chấp nhận nó trong trí tuệ và tâm hồn người ta mới có thể tránh được những mâu thuẫn, nhìn thấy mối quan hệ của nó với thực tại, nhất là nhìn ra cách khai dụng nó trong một kịch bản thắng lợi. Một cách ngây thơ tương tự, người ta nghĩ rằng một số nhân sĩ có thể «ngồi lại với nhau» và nhanh chóng tạo được một «lực lượng». Chỉ khi hai yếu tố cần thiết, dự án chính trị và đội ngũ nòng cốt, đã tạm giải quyết xong mới có thể nghĩ đến giai đoạn thứ ba là phát triển tổ chức về số lượng, và cũng phải luôn luôn giữ một tỷ lệ hợp lý giữa số cán bộ nòng cốt và số thành viên, hay đảng viên cơ sở. Không thiếu trường hợp những tổ chức tan vỡ vì phát triển quá nhanh.

Chỉ sau khi đã có tổ chức thực sự và kiểm điểm những phương tiện cần thiết người ta mới có thể nghĩ đến những bước kế tiếp. Xây dựng và kiểm điểm phương tiện tự nó cũng phải được coi là một giai đoạn trong tiến kịch bản thắng lợi, bởi vì hoặc là ta có những phương tiện cần thiết để thực hiện dự án của ta; hoặc là ta sẽ phải thực hiện dự án của kẻ cung cấp phương tiện.

Và những bước kế tiếp? Một cách giản dị, đó là xây dựng cơ sở và hậu thuẫn quần chúng, để rồi sau cùng, nếu cần, tổ chức sự nổi dậy của quần chúng để áp đặt chế độ dân chủ.

Xét cho cùng thì cuộc đấu tranh cho dân chủ, cũng như mọi cuộc đấu tranh đổi đời, là một cuộc chiến tranh động viên, *une guerre de mobilisation* như người Pháp nói. Một bên là chính quyền lập luận rằng mỗi người có thể giải quyết những vấn đề cá nhân của mình bằng những giải pháp cá nhân, trong khuôn khổ của chế độ hiện tại; một bên là những người đối lập cổ thuyết phục quần chúng rằng phải có giải pháp cho toàn dân tộc bằng một thay đổi chế độ. Một bên khuyến khích chủ nghĩa luồn lách, một bên kêu gọi kết hợp đấu tranh cho một giải pháp chung. Đây là cuộc đấu rất không cân xứng bởi vì một mặt chính quyền có rất nhiều phương tiện, kể cả khả năng làm những nhượng bộ mị dân nhất thời và, mặt khác, tâm lý chung của mọi người là tránh gian nguy và trước hết tìm giải pháp cho cá nhân mình. Bình thường chính quyền thắng. Đối lập chỉ có hy vọng nếu chứng minh được rằng mình là giải pháp đáng tin cậy của một tương lai phải đến trong khi chính quyền hiện tại chỉ là cái đuôi của một quá khứ phải chấm dứt. Kẻ thù chính của cuộc cách mạng dân chủ không phải là chủ nghĩa cộng sản mà là chủ nghĩa luồn lách. Hiểu như thế thì cách làm chính trị nhân sĩ - đấu tranh không tổ chức hay trong những nhóm một vài người - không đóng góp cho cuộc vận động dân chủ mà còn gián tiếp hỗ trợ chính quyền vì đó chính là sự thể hiện chủ nghĩa luồn lách mà chính quyền cổ võ. Chính mình đã luồn lách thì có tư cách nào để thuyết phục quần chúng đừng luồn lách?

Một điểm quan trọng cần được nói rõ: việc vận động hậu thuẫn quần chúng có mục đích tạo ra một khả năng nổi dậy của quần chúng như đình công, biểu tình, chiếm đóng các cơ quan, xí nghiệp làm sụp đổ chính quyền. Tất cả những hành động này, nếu có, chỉ xảy ra trong một thời gian ngắn và không dùng tới bạo lực nên không ra ngoài khuôn khổ của một cuộc đấu tranh bất bạo động; trong trường hợp này chính quyền đổ vì không cấm quyền được nữa chứ không phải bị lật đổ. Tuy vậy chính quyền cộng sản vẫn có thể nguy hiểm rằng đây là một âm mưu gây bạo loạn. Điều này có vẻ gây bối rối cho nhiều người dân chủ, một số thừa nhận rằng cuộc đấu tranh giành tự do dân chủ tuy về bản chất là bất bạo động nhưng cũng bao hàm những "hành động mạnh". Một số còn bối rối đến độ lý luận một cách lúng túng rằng đấu tranh thuần túy bất bạo động là điều không thể có và do đó dù muốn hay không trên lý thuyết không thể loại bỏ một khả năng nào. Họ tưởng như vậy là lý luận chính xác và thành thực, nhưng họ sai và nổi giáo cho giặc. Họ không khác những người đánh cờ mà sư phụ tôi coi là "chưa biết đánh cờ".

Các bạn đã bao giờ thấy một bàn cờ trong đó con tướng thực sự bị bắt chưa? Tôi thì chưa bao giờ thấy cả, dù đã đánh và xem cả nghìn bàn cờ. Bao giờ cũng thế, người ta chịu thua khi thấy mình hoàn toàn tuyệt vọng. Chính trị cũng giống cờ tướng ở điểm này. Không cần phải đình công, xuống đường, chiếm đóng, *chỉ cần có khả năng đó là đủ*. Đảng cộng sản sẽ nhượng bộ trước. Họ không mù quáng đến độ ngoan cố

trong một tình thế tuyệt vọng; kiên trì trong tuyệt vọng là thái độ của những người chiến đấu cho một lý tưởng cao cả, không phải là trường hợp của những người lãnh đạo cộng sản hiện nay. Họ sẽ nhượng bộ nếu hiểu rằng quần chúng một mặt đã chán ghét chế độ của họ và mặt khác có thể nổi dậy bất cứ lúc nào theo tiếng gọi và dưới sự hướng dẫn của một tổ chức dân chủ. Nhất là nếu tất cả những gì chúng ta đòi hỏi không phải là để tiêu diệt hay hạ nhục họ mà chỉ là thực hiện hòa giải và hòa hợp dân tộc trong một nước Việt Nam dân chủ, nhìn nhận và bảo đảm quyền lợi, chỗ đứng và tiếng nói ngang nhau cho tất cả mọi người. Các «hành động mạnh» sẽ không xảy ra. Cuộc tranh đấu của chúng ta sẽ hoàn toàn không có bạo động.

Điều khó hiểu nhất trong cuộc vận động dân chủ này có lẽ là ở chỗ ta phải cố gắng động viên quần chúng tham gia, dù rằng những biến động quần chúng sẽ không cần. Tại sao? Vai trò của quần chúng là cung cấp phương tiện và nhân sự, kể cả cán bộ nòng cốt, nghĩa là nuôi dưỡng các tổ chức dân chủ và tạo ra một *khả năng* dứt điểm chế độ bằng hành động quần chúng. Khả năng này sẽ không cần dùng tới nhưng bắt buộc phải có.

Nhắc lại một lần nữa: khả năng này chỉ có được nếu dưới mắt quần chúng có *một tổ chức* dân chủ mạnh.

Như thế cuộc đấu tranh này chủ yếu là cuộc đấu giữa hai tổ chức, giữa đảng cộng sản và *một tổ chức dân chủ* mà ta phải xây dựng ra. Mọi hành động phải được đánh giá trong cái nhìn này. Những hành động có ích là những hành động hoặc có tác dụng làm phân hóa đảng cộng sản, hoặc giúp ta tiến thêm một bước trong tiến trình xây dựng một tổ chức dân chủ mạnh. Tất cả những hoạt động khác đều chỉ có tác dụng nhất thời vì không nằm trong kịch bản chiến thắng, và vì thế không được lôi kéo sự chú ý khỏi kịch bản chiến thắng.

Nhưng làm thế nào để tiến tới thống nhất trong một tổ chức giữa những người theo chủ nghĩa đa nguyên mà hệ luận hiển nhiên là có nhiều kết hợp khác nhau? Sự thống nhất đó có mâu thuẫn với tinh thần đa nguyên không?

Tôn trọng quyền thành lập các tổ chức không đồng nghĩa với bắt buộc phải có phân tán và chia rẽ, càng không cấm cản cố gắng thuyết phục để thống nhất hành động trong một giai đoạn nhất định. Ý thức đấu tranh có tổ chức sẽ dần dần khiến những hành động ngẫu hứng và những kết hợp lỏng lẻo nhất thời không được hưởng ứng nữa, sẽ chỉ để lại những tổ chức nghiêm túc. Giữa các tổ chức này cũng sẽ có asàng lọc và các tổ chức còn lại sẽ có đủ sáng suốt để kết hợp với nhau trong một mặt trận dân chủ với mục tiêu giai đoạn, nhưng lịch sử, là áp đặt dân chủ. Mặt trận này sẽ không nhốn nháo, nó sẽ có lãnh đạo đúng nghĩa bởi vì nó là kết hợp của những người hiểu biết, có quyết tâm và đã trải qua sự sàng lọc. Giữa những người hiểu biết, hợp tác trong một mục tiêu chung là điều hoàn toàn có thể được. Những người có bản lĩnh biết nhìn ra nhau. Sự hình thành của mặt trận dân chủ này là một cột mốc trong kịch bản dân chủ hóa Việt Nam.

Nguyễn Gia Kiểng

<http://www.thongluan.org>

Dư luận người Việt trong và ngoài nước "nóng" lên trong thời gian chủ tịch nước Việt Nam Nguyễn Minh Triết thăm Mỹ. Với dư luận Mỹ và thế giới thì chuyến thăm này không có gì đáng chú ý lắm, có chăng đó là việc Việt Nam được nhắc đến như một quốc gia thiếu tự do và dân chủ với dẫn chứng là các cuộc biểu tình của người Việt đang sống ở Mỹ. Đoàn của Nguyễn Minh Triết đi đến đâu cũng bị bà con người Việt phản đối. Thế nhưng với chính quyền Việt Nam thì đây là một chuyến đi đầy sóng gió và rất quan trọng. Việt Nam đã phải chấp nhận đòi hỏi thả những người bất đồng chính kiến trong nước (như nhà báo Nguyễn Vũ Bình và luật sư Lê Quốc Quân) của Mỹ để đổi lấy chuyến đi.

Cho dù chuyến đi gặp nhiều sóng gió nhưng với bộ máy truyền thông đã được đảng kiểm soát tuyệt đối, chuyến đi đã được loan tải tới người dân trong nước như những thắng lợi vĩ đại của phái đoàn Việt Nam tại Mỹ.

### Những thành quả đạt được

Chúng ta hãy cùng tổng kết những kết quả của phái đoàn Việt Nam tại Mỹ với những cái nhìn khách quan nhất. Đầu tiên và dễ nhìn thấy nhất là sự thành công về mặt kinh tế của phái đoàn Việt Nam, các hợp đồng kinh tế đã được ký kết và ghi nhớ với con số khá lớn là 11 tỉ đô-la như truyền thông đưa tin.

Sau thành công về kinh tế là những thành công về mặt ngoại giao. Ông Nguyễn Minh Triết đã gặp gỡ với hầu hết giới lãnh đạo Mỹ từ hành pháp đến lập pháp, cũng như với các doanh nghiệp hàng đầu của Mỹ về kinh tế, giáo dục... Chính bằng khả năng và sự chân tình của bản thân, ông Nguyễn Minh Triết đã làm hết sức mình và đã đạt được những thành công như trên. Đây là nỗ lực rất đáng ghi nhận đối với ông Triết. Trong nước ông Triết được biết đến như là một người thuộc thành phần "cải cách" với phong cách giản dị, hòa đồng và chân thành. Tại Mỹ ông cũng đã hoan nghênh nhiều lần bởi giọng Nam Bộ bình dân, mộc mạc (dù rằng không được hùng biện, bóng bẩy và trôi chảy cho lắm). Ông Nguyễn Minh Triết cũng đã nhận được những thông điệp rất rõ ràng của bà con người Việt tại Mỹ đó là phản đối ông và phái đoàn của ông. Tuy nhiên ông Triết đã có được phong cách xử sự tối thiểu của một chính khách đó là không "nổi giận" và phê phán những người biểu tình chống ông ta. Đây là một hành động dũng cảm và khôn khéo mà những người cộng sản không phải ai cũng làm được. (Chắc mọi người chưa thể nào quên được thái độ của ông tổng giám đốc hãng hàng không quốc doanh Việt Nam Nguyễn Xuân Hiển, ông ta đã nổi khùng như thế nào khi trả lời phỏng vấn BBC Việt ngữ).

Theo tôi tất cả những ai đã tham gia vào hoạt động chính trị hay đã trở thành người của công chúng thì phải biết chấp nhận sự chỉ trích hay phán xét của dư luận, phải biết nghe dân "chửi" dù "chửi" đúng hay sai.

Nếu không đề cập đến vấn đề dân chủ và nhân quyền thì có thể nói ông Triết đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của mình trong chuyến đi Mỹ lần này. Thế nhưng khi nói đến vấn đề nhân quyền thì phái đoàn Việt Nam nói chung và ông Triết nói riêng đã gây thất vọng cho cộng đồng người Việt trong và ngoài nước cũng như cho chính quyền Mỹ và dư luận thế giới. Thật lòng tôi không thể nào hiểu được tại sao ông Triết lại bảo rằng Việt Nam không cần cải thiện nhân quyền vì Việt Nam "có luật pháp riêng và những ai vi phạm pháp luật sẽ bị xử lý" khi ông Triết trả lời phỏng vấn của hãng AP

(Associated Press); thay vì nên nói rằng "Việt Nam sẽ hoàn thiện luật pháp theo đúng các tiêu chuẩn của thế giới về chính trị cũng như trong kinh tế". Nếu ông Triết vẫn khẳng định rằng Việt Nam cứ "xài luật riêng" của mình thì gia nhập vào WTO để làm gì? Ai dám đầu tư vào Việt Nam? Bài học từ việc "có luật pháp riêng" nên chính quyền Việt Nam phải lấy tiền dân hàng triệu, triệu đô-la trả cho ông luật sư người Ý và Việt kiều Hà Lan



Trịnh Vĩnh Bình vẫn chưa đủ hay sao?

Có một điều mà ông Triết, phái đoàn Việt Nam và đảng cộng sản Việt Nam phải thấy được qua chuyến đi này là thái độ rõ ràng và dứt khoát của cộng đồng người Việt tại Mỹ qua thông điệp: "*Cộng đồng người Mỹ gốc Việt là một thực thể không thể bỏ qua trong quan hệ Mỹ-Việt*" và "*Việt Nam cần đổi mới về văn hóa và chính trị, sau khi đã đổi mới kinh tế*" (theo giáo sư Đoàn Viết Hoạt-BBC). Không có đổi mới chính trị, tức là "chấp nhận tự do tư tưởng và chính trị" thì sẽ không có sự "hiểu biết" và "hợp tác" với nhau, bởi vì (cũng theo giáo sư Đoàn Viết Hoạt) "*đại đa số người Việt hải ngoại không thể và không bao giờ muốn đóng góp vào việc xây dựng một xã hội độc đoán, độc quyền về tư tưởng và chính trị*".

Cũng qua chuyến đi này, chính quyền Việt Nam phải nhận biết được thông điệp rõ ràng của chính quyền Mỹ và dư luận Mỹ. Chưa bao giờ trong nội bộ nước Mỹ, từ cơ quan hành pháp đến lập pháp lại có một sự đồng thuận trong vấn đề nhắc nhở chính quyền Việt Nam cần tôn trọng nhân quyền của nhân dân Việt Nam như lần này. Từ phát biểu của tổng thống Bush: "*Tôi cũng nói rất rõ ràng, để giúp cho sự giao hảo phát triển sâu rộng hơn, điều quan trọng cho tình hữu nghị của chúng ta là phải có sự quan tâm mạnh mẽ về nhân quyền, tự do và dân chủ. Tôi đã giải thích sự tin tưởng mãnh liệt*



*của tôi rằng xã hội chỉ có thể giàu mạnh khi người dân được cho phép phát biểu tự do và thờ phượng tự do". Cho đến những phán nân và chỉ trích của bà chủ tịch Hạ Viện Mỹ và các dân biểu Mỹ về nhân quyền của Việt Nam, bà Nancy Pelosi nói với báo chí : "Dân chủ ở Việt Nam và liên lạc thương mại giữa Việt Nam và Hoa Kỳ là hai vấn đề hàng đầu trong cuộc thảo luận".*

**Ai cần ai ?**

Nhân chuyến đi của phái đoàn ông Triết này, mối quan hệ tay ba giữa Mỹ-Việt Nam-Trung Quốc lại được nhắc đến và hâm nóng. Vị trí chiến lược của Việt Nam trong khu vực và thế giới quan trọng như thế nào ? Có thể nào vì mối đe dọa của Trung Quốc mà chính quyền Mỹ sẽ hy sinh "nhân quyền" để xích lại với chính quyền Hà Nội ?

Rất nhiều ý kiến khác nhau, nhưng tôi rất đồng tình và chia sẻ với nhận định của ông Hoàng Danh trong bài viết mới nhất trên *Talawas* (tác giả Hoàng Danh là cây bút quen thuộc trên diễn đàn *Talawas* và được biết đến như một người cổ vũ mạnh mẽ cho dân chủ, tự do và là một nhà nghiên cứu và bình luận chính trị rất sâu sắc). Ông cho rằng : "*Hà Nội cũng ảo tưởng quá sớm về vị thế chiến lược của mình trên bàn cờ toàn cầu và trong quan hệ với Hoa Kỳ. Với những gì đã thể hiện, giới cầm quyền toàn trị nghĩ rằng vị thế này có thể cho phép họ bất chấp dân chủ và nhân quyền, thậm chí buộc thế giới dân chủ phải dung dưỡng cho sự chuyên chế của họ*". Việt Nam luôn luôn cho rằng vấn đề khác biệt cách nhìn nhận vấn đề nhân quyền là "rất nhỏ bé" so với "lợi ích chiến lược" giữa hai nước Việt-Mỹ và luôn đem vấn đề "lợi ích chiến lược" này ra để mặc cả và đe dọa Mỹ khi Mỹ có ý kiến về nhân quyền.

Qua bài phân tích rất rõ ràng và sâu sắc của mình, tác giả Hoàng Danh đã nhận định về quan hệ Việt-Mỹ rằng "*Chọn Việt Nam, Hoa Kỳ đạt mục tiêu mà Việt Nam cũng được trực tiếp bảo đảm an ninh trước sự đe dọa tiềm tàng từ phương bắc. Không chọn Việt Nam, Hoa Kỳ vẫn sẽ đạt mục tiêu nhưng Việt Nam thì không có được sự bảo đảm đó, thậm chí sẽ bị bỏ rơi như đã từng hoàn toàn bị bỏ rơi*".

Bài học của Việt Nam Cộng Hòa trước đây thiết nghĩ rất bổ ích cho Việt Nam ngày nay. Đừng bao giờ nghĩ rằng Việt Nam là quá quan trọng và không thể thiếu được trên bàn cờ quốc tế để rồi dựa vào đấy mà "làm mình, làm mẩy" Mỹ. Nếu quá cứng rắn và cục đơan trong quan hệ với Hoa Kỳ, chính quyền Việt Nam hoàn toàn có thể bị "bỏ rơi" như thường, "già néo đứt dây". Với ưu thế "hải lục không quân" và các căn cứ quân sự cũng như các đồng minh trên khắp thế giới, Mỹ vẫn đạt được các mục tiêu cần thiết mà không cần Việt Nam, tuy nhiên nếu có Việt Nam thì vẫn tốt hơn. Nhưng không có Mỹ, Việt Nam sẽ khốn đốn, đó là điều mà ai cũng thấy được. Lợi ích kinh tế của Mỹ tại Việt Nam cũng không lớn lắm. Mỹ chỉ bán được cho Việt Nam hơn một tỉ đô-la tiền hàng hóa trong năm qua trong khi đó mua từ Việt Nam về gần 9 tỉ đô-la. Rõ ràng là Việt Nam có lợi hơn Mỹ về giao thương kinh tế.

Xét toàn cục thì chơi với Mỹ chỉ có lợi cho Việt Nam. Mối quan hệ hữu hảo đó chỉ có thể xây dựng trên một thái độ chân tình, thẳng thắn, tin cậy. Và dù muốn dù không Việt

Nam phải tôn trọng những giá trị căn bản của xã hội Mỹ, đó là tự do bày tỏ chính kiến và các quyền của con người phải được tôn trọng và thực thi trên thực tế. Nhân dân Mỹ không thể nào hy sinh các giá trị tối thượng của mình để lấy lòng một nước vừa bé vừa xa xôi như Việt Nam. Việt Nam phải thay đổi về chính trị như đã thay đổi về kinh tế, chỉ có khi đó Việt Nam mới có được sự phát triển bền vững và nhận được sự hậu thuẫn của Mỹ và cộng đồng quốc tế.

Luật pháp Việt Nam không thể tùy tiện và riêng biệt được mà phải tuân theo những tiêu chuẩn của thế giới. Cách nhìn nhận và hiểu biết về nhân quyền cũng phải tuân thủ *Tuyên ngôn quốc tế về nhân quyền* của Liên Hiệp Quốc mà Việt Nam đã tham gia ký kết. Điều luật nào đã cũ kỹ và lạc hậu thì phải thay đổi cho phù hợp, thời đại ngày nay là "toàn cầu hóa", Việt Nam không thể là một ốc đảo riêng biệt mà muốn làm gì thì làm. Người Việt hải ngoại và cộng đồng quốc tế không "thiếu thông tin" và dễ bị lừa gạt như người dân Việt Nam trong nước.

Thông điệp rất rõ ràng từ chính quyền Mỹ trước khi phái đoàn Việt Nam đến Mỹ là việc tổng thống Mỹ, bà chủ tịch Hạ viện Mỹ, các dân biểu Mỹ gặp gỡ và tiếp xúc với các nhà đấu tranh và vận động cho dân chủ người Việt, trong đó có nhiều người mà chính quyền vu cáo là "khủng bố" và thái độ của các giới chức Mỹ trong thời gian ông Triết và phái đoàn Việt Nam thăm Mỹ... chứng minh một điều là người Mỹ không dễ gì bỏ qua vấn đề nhân quyền và tôi hy vọng qua thông điệp này chính quyền Việt Nam đừng có quá "già néo" mà "đứt dây".

**Việt Hoàng (Moskva)**

<b>MUA BÁO</b>	<b>ABONNEMENT</b>
<b>Gia nhập HVNHĐ</b>	<b>Adhésion à VNFraternité</b>
Họ (Nom) : .....	.....
Tên (Prénom) : .....	.....
Địa chỉ (Adresse) : .....	.....
Mã số hành chính (Code postal).....	.....
Thành phố (Ville) :.....	.....
Điện thoại (Tél.) : .....	.....
Tôi đăng ký (Je m'inscris) (*) :	
<input type="checkbox"/>	mua / gia hạn mua báo (35 EUR/năm) pour un abonnement / réabonnement (35 EUR/an)
<input type="checkbox"/>	gia nhập Hội Việt Nam Huynh Đệ pour une adhésion à l'Association Vietnam Fraternité
(*) đánh dấu nếu CÓ, bỏ trắng nếu KHÔNG Cocher pour OUI, en blanc pour NON	
Ngân phiếu (Chèque à l'ordre de) : <b>Vietnam Fraternité</b>	
Gửi về địa chỉ (envoyer à l'adresse) : 7 Allée Bouleau Carreau - 77600 Bussy Saint Georges - France	
Ngày (Date) : .....	
Chữ ký (Signature).....	

## Đảng Cộng Sản Việt Nam sau khi hội nhập quốc tế

Bùi Tín

Việc hội nhập quốc tế là một sự kiện sâu sắc nhất của Đảng Cộng Sản Việt Nam, cũng như của nước Việt Nam, ta trong lịch sử hiện đại.

Sự hội nhập được đặt ra sau khi phe xã hội chủ nghĩa tan vỡ rồi tan rã, từ khi bức tường Berlin sụp đổ cuối năm 1989, các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu biến mất.

Sự hội nhập quốc tế được đánh dấu bằng việc nước Việt Nam trở thành thành viên của Liên Hợp Quốc từ tháng 9-1977, ký văn bản Công ước Quốc tế về Nhân quyền (1948) vào năm 1982.

Cuộc hội nhập được thúc đẩy mạnh sau khi Đảng Cộng Sản Liên Xô và Liên Bang Xô Viết tan rã tháng 8 năm 1991 ; Việt Nam bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc tháng 11-1991 ; bình thường hóa quan hệ với Hoa Kỳ tháng 7-1995 và ký hiệp định thương mại Việt - Mỹ (BTA) tháng 7-2000.

Có thể nói việc hội nhập quốc tế của Việt Nam được coi là sâu sắc, hoàn thiện sau khi gia nhập Tổ Chức Thương Mại Thế Giới (WTO) vào cuối năm 2006.

### Những yêu cầu quan trọng sau khi hội nhập

Cuộc hội nhập vào cộng đồng quốc tế đặt ra cho Đảng Cộng Sản Việt Nam những đòi hỏi to lớn, mới mẻ, những trách nhiệm và nghĩa vụ trọng yếu đối với nhân dân cũng như đối với cộng đồng quốc tế.

Cho đến nay, đảng cộng sản đã đáp ứng những yêu cầu ấy ra sao ? Những yêu cầu quan trọng nhất đối với chính quyền cộng sản Việt Nam sau khi hòa nhập là gì ?

Đó là :

- Thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế, kể cả các cam kết đối với nhân dân Việt Nam mình, không có thể tránh né sau bức màn "chủ quyền quốc gia" như họ thường viện ra trước đó.

- Các nước đều bình đẳng, đều bị ràng buộc như nhau, dù to, nhỏ, chế độ chính trị, trình độ kinh tế, pháp chế, văn hóa, không có trường hợp ngoại lệ, miễn trừ...

- Có đi có lại, có trách nhiệm với nhau, không thể một chiều, vô lý, bất công, bất bình đẳng, chỉ đòi điều có lợi, không làm đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ, cam kết với nước khác, chỉ thực hiện theo lựa chọn những cam kết và điều khoản có lợi.

- Toàn bộ các cam kết quốc tế là một thể thống nhất về chính trị, kinh tế, tài chính, văn hóa, pháp lý, an ninh... không thể tách rời, chỉ thực hiện những mặt này mà bỏ qua những mặt khác.

### Những điều lợi và bất lợi của chính quyền cộng sản Việt Nam sau khi hội nhập

\* *Những điều lợi chủ yếu :*

- Có nguồn đầu tư lớn để khôi phục và xây dựng kinh tế sau chiến tranh, sau khi phe xã hội chủ nghĩa tan vỡ và trụ

cột là Liên Xô gãy gục ; có điều kiện để xây dựng lại toàn bộ hạ tầng cơ sở, khai thác tài nguyên, bảo vệ môi trường, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phát triển đất nước với tốc độ khá cao...

- Thoát khỏi thế bị cô lập về chính trị sau khi gia nhập tổ chức ASEAN và vào Liên Hợp Quốc, nay lại vào WTO ; có điều kiện để nâng cao uy tín quốc tế.

- Tăng thêm các nước bạn bè, mở rộng giao thương, hợp tác hữu hảo nhằm giữ vững hòa bình ổn định cho đất nước sau chiến tranh lâu dài.

\* *Những điều bất lợi cho chính quyền độc đảng :*

- Hội nhập vào sinh hoạt quốc tế là việc làm miễn cưỡng của Đảng Cộng Sản Việt Nam vì họ hiểu rằng nó đe dọa ngày càng lớn đến nền thống trị độc đảng kiểu chuyên chính toàn trị của họ.

- Gia nhập sân chơi quốc tế gồm phần lớn là các nước dân chủ đa đảng theo chế độ dân chủ đại nghị, với những luật chơi dân chủ, công khai, minh bạch, thượng tôn luật pháp, chống lại độc đoán và chuyên chế, Việt Nam sẽ hoặc là buộc phải thích nghi, buộc phải thực hiện dân chủ hóa để hòa nhập trọn vẹn và thuận lợi, hoặc vẫn giữ nguyên bản chất độc đoán để cưỡng lại nề nếp chung, để bị cô lập và gặp nhiều vấp vấp trở ngại, tổn thất, thua thiệt và thất bại cho đất nước.

- Những bất lợi và mâu thuẫn chủ yếu nhất là : những giá trị được công nhận và thực hiện phổ biến trên sân chơi quốc tế là dân chủ đa nguyên đa đảng, nhân quyền, bình đẳng, các quyền tự do rộng rãi của công dân như tư do tư tưởng và ngôn luận, tự do báo chí và xuất bản, tự do bầu cử và tín ngưỡng, ba quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp tách rời, độc lập với nhau để kiểm soát, cân bằng quyền lực, tính công khai, minh bạch mâu thuẫn với chế độ độc quyền chuyên chế của đảng cộng sản, với bản chất toàn trị của chế độ đàn áp mọi sự bất đồng chính kiến, với bộ máy tuyên truyền kiểu cưỡng ép, nhồi sọ và lừa dối mỵ dân, với chế độ lập pháp, hành pháp và tư pháp đều là công cụ của đảng phục vụ đảng.

### Khôn ngoan kiểu khôn vặt

Vừa qua lãnh đạo đảng đã khôn ngoan kiểu khôn vặt, làm ra vẻ tôn trọng và thực thi những cam kết quốc tế theo luật chơi chung, bằng cách áp dụng chiến lược chọn lọc (select approach), thực hiện những cam kết kinh tế, tài chính trước những cam kết liên quan đến chính trị, những cam kết với quốc tế trước những cam kết liên quan trực tiếp đến người dân trong nước.

Do đó họ đã khẩn trương sửa chữa và bổ sung các luật lệ liên quan đến tiếp nhận vốn đầu tư ODA và FDI, thu hút thêm vốn nước ngoài vào các công trình chung, đến thuế xuất nhập khẩu, cải cách hành chính, nhưng cố trì hoãn những thay đổi về chính trị liên quan đến sự lãnh đạo duy nhất độc

đoán của đảng cộng sản, từ chối quyền công dân là tư nhân ra báo và xuất bản, trao đổi bình đẳng các văn hóa phẩm... Họ làm ra vẻ "khôn ngoan" chọn ăn những món ngon ngọt trước, để lại những món cay đắng khó nuốt sau, để với thời gian họ càng gập những trớ trêu gay gắt, tiến lui đều khó.

Khởi đầu, cuối năm 2006, họ trưng ra những nụ cười cố làm ra vẻ chân thành và đậm đà, bắt tay khá chặt, còn lắc lên lắc xuống vài lần, gọi nhau là "bạn thân thiết", nhưng trong nội bộ thì cắn dạn nhau phải cảnh giác, thực chất Hoa Kỳ và các nước tư bản phương Tây vẫn là "thù", không phải là đối tác (partner) gì hết, vì nguy cơ chết người "diễn biến hòa bình" đến từ đây.

Họ mở hội, cờ quạt trống kèn, chiêu đãi linh đình, áo gấm sắc sỡ để "lại quả" hai món quà lớn của Nhà Trắng là gỡ bỏ cái mũ lừa CPC (những quốc gia cần quan tâm đặc biệt) xấu xí và cấp cho cái PNTR (quy chế quan hệ thương mại bình thường và thường trực) béo bở.

Họ còn mừng rơn khi ông Bush đến tận Hà Nội xoa đầu các quan chức chớp bu, phong cho xã hội chủ nghĩa Việt Nam là "chú hổ con", để từ cái danh hiệu ấy chính quyền cộng sản rắp tâm thực thi cái bản chất "hổ báo" của mình nhằm làm le xơi thịt một loạt các chiến sĩ dân chủ ngay sau đó.

Họ nghĩ sai lầm rằng khi tư bản đã đầu tư sâu, quen mùi lợi nhuận thì sẽ cắn câu không thể nhả mỗi theo lời dạy của Marx, do đó họ mặc sức thực hiện một loạt phiên tòa "bịt miệng" thời trung cổ, không hiểu rằng ở các nước dân chủ còn có ngành lập pháp, công luận, ngành truyền thông và các cơ quan nhân quyền làm đối trọng trong cán cân quyền lực.

Theo đà chủ quan và tùy hứng, họ làm một số việc quá đáng, làm tràn ly, như ngoại trưởng Khiêm hứa hẹn với ngoại trưởng Rice trả tự do cho anh Nguyễn Vũ Bình rồi lờ tịt, như các phiên tòa "bịt miệng" ở nhục ở Huế, Sài Gòn, Hà Nội, như ông Triết hẹn đi Mỹ rồi lại thay đổi hành trình sang Bắc Kinh trước, như công an gây sự kiêu mất dạy với các bà Việt Nam và Hoa Kỳ, Na Uy ngay trước tòa đại sứ Mỹ, rồi báo công an Hà Nội dùng những từ ngữ xúc phạm với các dân biểu và nhà ngoại giao Mỹ...

### Những bài học và sức ép mới

Việc hội nhập thế giới sẽ thuận buồm xuôi gió nếu như đảng cộng sản nhận ra sâu sắc những đặc điểm và giá trị cơ bản của thế giới ngày nay, nhận ra những bất cập của mình để thay đổi tận gốc cách nghĩ của mình, thay đổi tận gốc não trạng cũ của mình cho thích hợp, lấy lợi ích nhân dân làm mục đích tối cao, từ bỏ những tư duy bè phái, ích kỷ, lấy lợi ích riêng của đảng cộng sản làm trọng. Thế nhưng đảng cộng

sản đã bị lãnh đạo theo một hướng khác hẳn, giữ nguyên não trạng chính trị cũ, lấy độc quyền lãnh đạo của đảng cộng sản làm mục tiêu để duy trì đặc lợi, nên việc hội nhập gặp vô vàn trở ngại và đổ vỡ, để vấp phải bế tắc và thất bại tất yếu.

Vì lẽ ấy, chính quyền độc đảng toàn trị đang học những bài học vỡ lòng sâu sắc ngay sau khi vừa hội nhập vào cộng đồng quốc tế.

Những bài học và sức ép như thế sẽ ngày càng nhiều, thêm sâu sắc và phong phú, đến từ mọi phía :

1. Trước hết từ các chiến sĩ dân chủ tiêu biểu cho khát vọng tự do vốn có của xã hội, tiêu biểu cho lương tâm thời đại, hàng ngũ ngày càng đông đảo, dày dặn và ngoan cường, mà những cuộc đàn áp tàn bạo của cường quyền chỉ thúc đẩy

manh mẽ thêm ; nhân dân hiểu rõ thêm về các chiến sĩ dân chủ và thêm quý mến các anh chị em dân chủ.

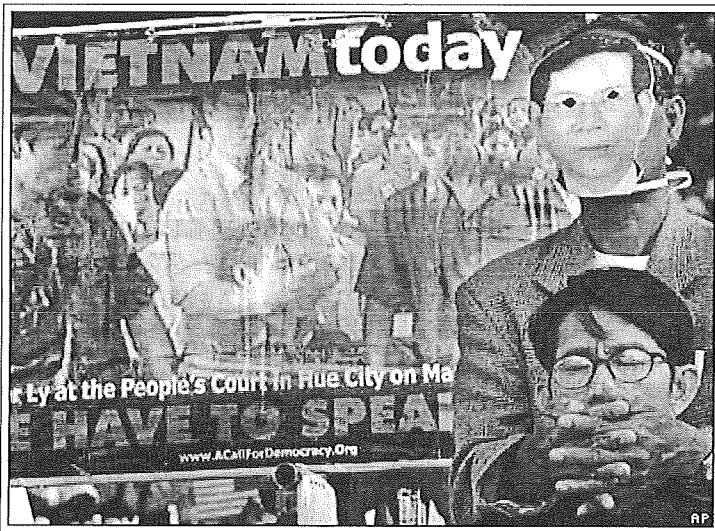
2. Từ xã hội công dân vốn bị bóp nghẹt chặt đang ngày càng có điều kiện nảy nở và lớn lên nhanh trong quá trình mở cửa, mở rộng giao lưu, thông thương, tự do thông tin, tự do ngôn luận và tự do báo chí cũng như bước đầu tự do xuất ngoại du lịch và du học, mà đảng phải buộc lòng mở ra theo mức độ, lan vào cả trong quốc hội và bộ máy chính quyền cũng

như trong các đoàn thể và cả vào đảng cộng sản. Văn nghệ sĩ, trí thức, tuổi trẻ, lao động, nông dân, đảng viên thường ở cơ sở và công dân bình thường không còn sợ bạo quyền như xưa, đang và sẽ đòi quyền tự do nhiều hơn, đòi quyền lợi, đòi công bằng, bình đẳng cho đến cả tự do bầu cử, ứng cử và đa nguyên đa đảng...

3. Sức ép từ bên ngoài, trước hết từ cộng đồng người Việt ngày càng giàu kinh nghiệm, giàu ý chí và quyết tâm, tiếp sức mạnh mẽ cho trong nước và vận động quốc tế có hiệu quả, từ Bắc Mỹ, châu Âu đến Úc châu và các nước khác.

4. Sức ép từ ngay các nhà đầu tư quốc tế và các tổ chức kinh tế tài chính của thế giới như Ngân Hàng Thế Giới (WB), Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế (IMF), Ngân Hàng Phát Triển Châu Á (ADB) ; họ đòi hỏi quản lý vốn đầu tư chặt chẽ, giải ngân gọn đúng thủ tục, chống tham nhũng nghiêm, có luật pháp minh bạch và ngành tư pháp độc lập, xử án công bằng phù hợp luật quốc tế. Những thông báo định kỳ xếp thứ bậc về tham nhũng, về tự do báo chí, về tính công khai minh bạch, về tư pháp công bằng, về hành chính thuận lợi, về rủi ro trong kinh doanh, về môi trường kinh doanh... có tác dụng phơi bày thực trạng Việt Nam ra công luận mà bộ máy tuyên truyền trong nước không có cách gì che dấu. Nó tạo nên sức ép quốc tế và trong nước khá mạnh trong đổi mới thật sự.

5. Ngay ở trong đảng cộng sản sự rạn nứt là không tránh khỏi, sự chia rẽ là tất yếu, với nhiều nhận thức khác nhau, đối lập nhau không thể điều hòa, về cả lý luận và thực tiễn



trên hầu hết các vấn đề của cuộc sống. [Chẳng hạn như về thành tích lịch sử của đảng cộng sản ; về sai lầm của đảng ; về các nhà lãnh đạo ; về vai trò lý luận Mác Lênin ; về đổi mới ; về chống tham nhũng ; về quan hệ quốc tế, quan hệ Việt-Trung, Việt-Mỹ ; về xây dựng văn hóa ; về hội nhập quốc tế...].

Những người bảo thủ giáo điều thường ở hàng ngũ quan chức trung cao cấp có quyền chức bổng lộc nhiều, nghĩ nhiều đến danh dự, vinh hạnh, thành tích, lợi ích cá nhân, thường tự mãn, ít chịu học tập, suy nghĩ, tự rèn luyện, lại ưa dạy dỗ người khác. Chưa có khuynh hướng hay phe cấp tiến trong lãnh đạo (trong trung ương và bộ chính trị).

Những người có cách nhìn thức thời, cấp tiến, phóng khoáng, dân chủ thường là người có tư duy độc lập, ham tìm hiểu thế giới, lòng mở đón cái mới, có phương pháp hoài nghi khoa học để tự tìm ra sự thật lẽ phải, tự vượt lên hiểu biết cũ của chính mình, cầu tiến bộ, không chịu kém người, không chịu để dân mình hèn kém dân tộc khác. Nhiều nhà văn hóa, giáo dục, văn nghệ sĩ, trí thức có ít nhiều phẩm chất như thế. Sinh viên, học sinh trung học, du sinh được hướng dẫn tốt cũng có phẩm chất ấy. Đảng viên thường, không quyền lực, về hưu và dân thường, với "tính bốn thiện", với bản năng trong sáng, hiền hậu cũng có nhận thức như thế tuy đơn giản, còn tự phát. Không ít nhà kinh doanh chân chính muốn làm ăn lương thiện, làm giàu bằng tài trí bản thân, giới ngoại giao tiếp xúc nhiều với thế giới và tiếp thu được những thành tựu của nền văn minh quốc tế cũng có ít nhiều phẩm chất này.

Giữa hai loại người này là đông đảo đảng viên bị rập khuôn, thực dụng, cuộc sống dễ chịu, khấm khá sau gian khổ thiếu thốn kéo dài, vừa lòng với vài cải thiện trong đổi mới, có thái độ tùy thời, chưa thức tỉnh để dẫn thân làm chủ xã hội, làm chủ cuộc đời mình và gia đình. Đây là đại khối cản tiếp cận và thức tỉnh dân, khi có thời cơ, họ có thể bùng dậy và dẫn thân hàng loạt, thành phong trào, cao trào.

### **Trở ngại và lối thoát trong quá trình hội nhập**

Trong chính sách đối ngoại, đảng cộng sản vẫn đang bị chi phối bởi hai hướng : ngả theo Trung Quốc hay ngả theo các giá trị phổ quát của thời đại là dân chủ, nhân quyền và phát triển bền vững. [Hồi ký của Trần Quang Cơ, nguyên thứ trưởng ngoại giao, từng chuẩn bị lên bộ trưởng, cho thấy cuộc đấu tranh gay gắt này.]

Từ Đại hội VII (1991), đảng cộng sản ngả theo Trung Quốc nhưng cố làm ra vẻ thẳng băng, đi trên dây, làm cho hội nhập đầy mâu thuẫn, chông chéo ; tiến lên lại lùi lại, không nhất quán, vừa tiến vừa ghè lên chân mình. Trung Quốc đã tận dụng những lấn cấn đó để lấn đất, lấn biển, kiểm chế để kiếm lợi.

Mâu thuẫn nội bộ về sự lựa chọn chính sách đối ngoại trong thời hội nhập càng thêm gay gắt, biểu hiện ngày càng công khai và đòi hỏi giải quyết rõ ràng vì lợi ích lâu dài của dân tộc.

Đã có ý kiến trong đảng cộng sản là thái độ phụ thuộc Trung Quốc chỉ có hại cho đất nước, bị khinh thường và uy hiếp, mất đất mất biển mất tài nguyên. Thời đại mới, thuyết địa lý-chính trị (geopolitic) không còn tác dụng, nên dựa hẳn

vào các giá trị và lực lượng dân chủ của thời đại, vào Liên Hợp Quốc và pháp luật quốc tế trong khi vẫn giữ quan hệ láng giềng tốt với Trung Quốc.

Trở ngại nguy hiểm nhất cho quá trình hội nhập quốc tế là một thế lực cực kỳ nham hiểm được Bắc Kinh nuôi dưỡng theo bản chất bá quyền nước lớn, biểu hiện qua uy quyền còn tồn tại của hai vị thái thượng hoàng Mười và Anh, với "tay trong" hiện nay là viên tổng bí thư Nông Đức Mạnh, và những người thực sự cầm đầu ngành cảnh sát, an ninh, bảo vệ đảng cộng sản, bảo vệ quân đội, tình báo, phản gián, nói chung là guồng máy kiểm soát. Chính thế lực này đã cản phá, trì hoãn việc bình thường hóa và ký Hiệp định buôn bán với Hoa Kỳ, trì hoãn Việt Nam vào WTO, ép ông Triết phải bãi yết Bắc triều trước chuyến đi Mỹ... Tình hình đổi mới và hội nhập tùy thuộc ở sự lộng hành của thế lực nguy hiểm này và khả năng đẩy lùi để đi đến loại bỏ.

Đảng cộng sản đang trên quá trình đi xuống vì lý luận bế tắc, đổi mới chông chéo không đồng bộ, nhận thức của xã hội đang thức tỉnh khá nhanh thời mở cửa, giao lưu quốc tế và internet; và họ cũng bị quốc tế thúc ép đi vào những giá trị thời đại.

Khó khăn của đảng cộng sản là đội đá vá trời khi cố bảo vệ cái không thể bảo vệ (lý luận cộng sản), duy trì cái không thể duy trì (chế độ chuyên chế độc đoán độc đảng). Một cán bộ cộng sản lão thành đã "nhặt đảng" gần 20 năm, vừa bỏ đảng, tâm sự : "Ta nên có chút lòng thương hại cho bọn quan chức chóp bu đang "cố chịu đấm ăn xôi, nhưng xôi lại hỏng" ; họ biết rõ là chủ nghĩa Mác Lênin đã hết thiêng, họ biết tổng cụ Hồ của họ vô đạo đức đến đâu, họ thấy rõ đang bị dân khinh và dân chửi, họ cũng thừa biết chủ nghĩa cộng sản hiện thực bị cả thế giới nguyên rủa vì tội ác chống chất thật sự ra sao, nhưng họ không có đủ dũng khí để thừa nhận sự thật. Họ đang cố bảo vệ những điều mà chính họ không còn mấy may tin tưởng. Bị kịch đáng thương mà cũng đáng trách, và đáng đời !

Lối thoát duy nhất của đảng cộng sản là trở về với dân tộc, thực hiện một cuộc đột phá chiến lược đồng bộ theo bốn hướng :

- Đổi mới mọi mặt (trọng yếu nhất là về chính trị) ;
- Trả lại đầy đủ mọi quyền tự do cho nhân dân ;
- Hòa giải với cộng đồng ta ở nước ngoài trên cơ sở bình đẳng ;
- Gần bó với thế giới dân chủ, văn minh.

### **Lời kết**

Thời gian ủng hộ chúng ta. Việt Nam hội nhập hoàn toàn vào thế giới mới là thời cơ hiếm quý chưa từng có. Cố gắng kiên trì theo phương hướng đấu tranh đúng, phối hợp chặt chẽ trong ngoài nước, phong trào dân chủ trong nước sẽ còn phát triển mạnh, những hạt giống đã nảy mầm, thành hạt, thành cây, thành vườn cây xanh, đang thành rừng.

Vì những hoạt động kiên trì có hiệu quả theo chủ trương đường lối đúng đắn của chúng ta thích hợp hoàn toàn với thời kỳ hội nhập trọn vẹn của Việt Nam vào cộng đồng thế giới và đang biến thành hiện thực sinh động hàng ngày.

**Bùi Tín** (Warsawa, tháng 6-2007)

# Đôi lời cảm tạ

Tôi đã ra khỏi nhà tù

Tuy chưa thể nói là đã được trả tự do vì đất nước chưa có tự do và trong đất nước chưa có tự do này tôi vẫn còn bị quản chế. Biện pháp quản chế này tôi không nhìn nhận, như tôi đã và vẫn không nhìn nhận bản án đối với tôi trước đây. Việc bắt giam, giải tòa và xử án những người đòi dân chủ một cách ôn hòa chỉ là những hành động đàn áp của một chính quyền cai trị bằng bạo lực.

Tuy vậy ra khỏi nhà tù cũng đã là bớt đi được một hoạn nạn lớn. Đó là nhờ những cố gắng yểm trợ của một số đồng đảo ân nhân mà hôm nay tôi xin có đôi lời cảm tạ.

Trong suốt thời gian tôi bị giam cầm, rất nhiều tổ chức và nhân sĩ đã tích cực động viên dư luận thế giới, các chính phủ dân chủ và các tổ chức nhân quyền bên vực tôi. Những cố gắng đó sau cùng đã tạo được áp lực buộc nhà cầm quyền Việt Nam phải chấm dứt việc giam giữ tôi. Cái tự do rất giới hạn mà tôi đang được hưởng là nhờ các ân nhân, chí hữu và thân hữu. Quan trọng hơn, chính niềm tin rằng mình không đơn độc đã giúp tôi giữ vững niềm tin và hy vọng để đương đầu với thực tại khó khăn trong vòng lao lý. Tôi đã rất xúc động được biết rằng trong suốt thời gian tù đầy nhiều ân nhân trong cũng như ngoài nước đã tận tình giúp đỡ gia đình tôi về cả tinh thần lẫn vật chất, nhờ đó tình cảnh vợ con tôi đã không đến nỗi bi đát. Quả thực có những lúc mà ngôn ngữ không thể diễn tả hết tình cảm. Đó chính là trường hợp của tôi trong lúc này. Tôi không tìm ra được những lời cần nói để biểu lộ hết lòng biết ơn.

Tôi mơ ước có một phép mầu nào cho phép được gặp tất cả mọi ân nhân để cảm tạ. Điều này chắc chắn là không thể thực hiện, ngay cả nguyện ước khiêm tốn hơn là gặp những đoàn thể và nhân sĩ đã giúp mình tích cực nhất cũng không làm được vì hoàn cảnh hiện nay của tôi. Tuy vậy tôi tin rằng vẫn có một cách khác để đền đáp thịnh tình của ân nhân, chí hữu và bạn bè. Tôi hiểu rằng sự yểm trợ của quý vị và anh chị em không phải vì cá nhân rất tầm thường và đầy thiếu sót của tôi mà vì những giá trị mà chúng ta cùng chia sẻ: tự do, dân chủ, phẩm giá con người và lòng yêu nước. Như thế cách bày tỏ lòng biết ơn của tôi là tiếp tục kiên trì phấn

đấu cho những giá trị đó, đem hết khả năng hạn hẹp của mình để góp phần nhỏ bé vào sự nghiệp xây dựng một đất nước Việt Nam tự do, dân chủ, công bằng và giàu mạnh, một nước Việt Nam mà mọi người Việt Nam hôm nay và mai sau có thể yêu và tự hào.

Xin gửi đến quý vị và anh chị em lời chào kính mến của một kẻ biết mình đã chịu ơn rất nhiều và sẽ không bao giờ quên.

Hà Nội, ngày 27 tháng 6 năm 2007

*Nguyễn Vũ Bình*



Lê Chí Quang và Nguyễn Vũ Bình

Đôi lời cảm tạ

Tôi đã ra khỏi nhà tù.

Tuy chưa thể nói là đã được trả tự do vì đất nước chưa có tự do và trong đất nước chưa có tự do này tôi vẫn còn bị quản chế. Biện pháp quản chế này tôi không nhìn nhận, như tôi đã và vẫn không nhìn nhận bản án đối với tôi trước đây. Việc bắt giam, giải tòa và xử án những người đòi dân chủ một cách ôn hòa chỉ là những hành động đàn áp của một chính quyền cai trị bằng bạo lực.

Tuy vậy ra khỏi nhà tù cũng đã là bớt đi được một hoạn nạn lớn. Đó là nhờ những cố gắng yểm trợ của một số đồng đảo ân nhân mà hôm nay tôi xin có đôi lời cảm tạ.

Trong suốt thời gian tôi bị giam cầm, rất nhiều tổ chức và nhân sĩ đã tích cực động viên dư luận thế giới, các chính phủ dân chủ và các tổ chức nhân quyền bên vực tôi. Những cố gắng đó sau cùng đã tạo được áp lực buộc nhà cầm quyền Việt Nam phải chấm dứt việc giam giữ tôi. Cái tự do rất giới hạn mà tôi đang được hưởng là nhờ các ân nhân, chí hữu và thân hữu. Quan trọng hơn, chính niềm tin rằng mình không đơn độc đã giúp tôi giữ vững niềm tin và hy vọng để đương đầu với thực tại khó khăn trong vòng lao lý. Tôi đã rất xúc động được biết rằng trong suốt thời gian tù đầy nhiều ân nhân trong cũng như ngoài nước đã tận tình giúp đỡ gia đình tôi về cả tinh thần lẫn vật chất, nhờ đó tình cảnh vợ con tôi đã không đến nỗi bi đát. Quả thực có những lúc mà ngôn ngữ không thể diễn tả hết tình cảm. Đó chính là trường hợp của tôi trong lúc này. Tôi không tìm ra được những lời cần nói để biểu lộ hết lòng biết ơn.

Tôi mơ ước có một phép mầu nào cho phép được gặp tất cả mọi ân nhân để cảm tạ. Điều này chắc chắn là không thể thực hiện, ngay cả nguyện ước khiêm tốn hơn là gặp những đoàn thể và nhân sĩ đã giúp mình tích cực nhất cũng không làm được vì hoàn cảnh hiện nay của tôi. Tuy vậy tôi tin rằng vẫn có một cách khác để đền đáp thịnh tình của ân nhân, chí hữu và bạn bè. Tôi hiểu rằng sự yểm trợ của quý vị và anh chị em không phải vì cá nhân rất tầm thường và đầy thiếu sót của tôi mà vì những giá trị mà chúng ta cùng chia sẻ: tự do, dân chủ, phẩm giá con người và lòng yêu nước. Như thế cách bày tỏ lòng biết ơn của tôi là tiếp tục kiên trì phấn đấu cho những giá trị đó, đem hết khả năng hạn hẹp của mình để góp phần nhỏ bé vào sự nghiệp xây dựng một đất nước Việt Nam tự do, dân chủ, công bằng và giàu mạnh, một nước Việt Nam mà mọi người Việt Nam hôm nay và mai sau có thể yêu và tự hào.

Xin gửi đến quý vị và anh chị em lời chào kính mến của một kẻ biết mình đã chịu ơn rất nhiều và sẽ không bao giờ quên.

Hà Nội, ngày 27 tháng 6 năm 2007

*Nguyễn Vũ Bình*

## Những thế lực dầu lửa mới của Châu Á

Jochim Hoelzgen

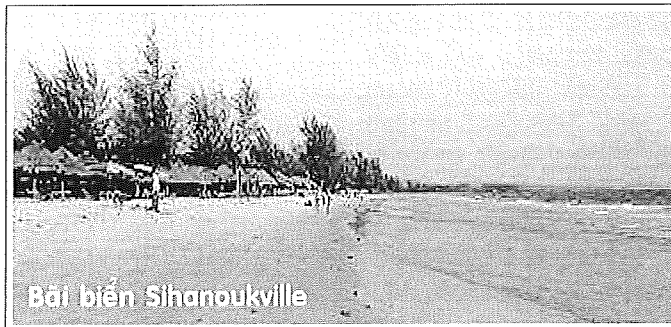
(Báo Spiegel Online, CHLB Đức, ngày 25.06.2007)

Phạm Việt Vinh chuyển ngữ

**Lời người dịch :** Nếu những điều trong bài viết dưới đây là chính xác thì có lẽ số phận không phải lúc nào cũng "cau có" với dân tộc Việt Nam. Trong khuôn khổ một bài báo trên mạng điện tử, các dữ kiện được nêu ra không đi kèm theo nguồn dẫn chưa thể chứng minh được tính xác thực của chúng, ngoài ra, chất lượng của nguồn dầu mỏ Việt Nam cũng chưa được đưa ra. Hơn nữa, tài nguyên thiên nhiên hào phóng hoàn toàn không đảm bảo sự phồn thịnh cho một quốc gia. Với túi dầu khổng lồ và dòng sông mệnh mông nước, Iraq vẫn là một quốc gia khốn khổ và loạn lạc triền miên. Sự khắc nghiệt của tạo hóa vẫn không thể ngăn cản Nhật Bản trở thành một cường quốc hàng đầu thế giới. Thí dụ về Indonesia cho thấy, một nước nằm trong các khối các quốc gia xuất khẩu dầu mỏ đã mang lại hàng tỷ Đô la vào túi riêng những chính trị gia và tướng lĩnh tham nhũng, nhưng một bộ phận lớn dân chúng vẫn phải sống ở cảnh bần cùng, vẫn đang tan tác vì khủng bố và cuộc chiến ly khai trong khi món quà tặng của thiên nhiên đang bị lãng phí. Giống như một nhà đào được vàng, nếu biết cách sử dụng, họ sẽ trở thành đại gia; còn không, vàng sẽ là đại họa. Một quốc gia, nếu được hưởng một báu vật của thiên nhiên, sẽ càng cần một thể chế khôn ngoan và trong sạch ; một xã hội dân chủ với những cơ cấu và hoạt động cạnh tranh, kiểm soát lành mạnh là một yêu cầu tất yếu, ít nhất là để người dân biết và được quyền "chọn mặt gửi vàng" !

Trước bờ biển của những quốc gia hổ vùng Đông Nam Á, các dàn khoan càng ngày càng gặp nhiều khí đốt và dầu mỏ. Việt Nam là quốc gia gặp nhiều may mắn nhất : ở đây, các bãi dầu như một tấm thảm trải dài từ Bắc chí Nam - trong đó, có cả một "supergiant field" (bãi dầu siêu khổng lồ) tầm cỡ như ở Ả Rập Xê Út.

Lâu nay, những thanh niên lang thang thế giới, những chàng trai cô gái vai khoác ba lô đi từ Châu Âu, Châu Mỹ đã phát hiện ra một tụ điểm hành hương mới : đó là bãi biển Campuchia bên thành phố Sihanoukville, nơi mà những hàng phi lao và thốt nốt chạy dài ra tận bãi cát ven bờ biển. Cuộc đời thật đáng sống khi người ta có thể thưởng thức tôm hùm nướng và duỗi lưng nằm trên những chiếc ghế mây đan dưới hàng cây cọ. Đó là chuyện cho đến hôm nay.



Còn giờ đây, trên bến cảng Sihanoukville, những hàng núi Container, những trục khoan và ống dẫn dầu đang biểu hiện cho một thứ hoàn toàn khác : đó là khí đốt và dầu lửa đã được tìm thấy ở phía ngoài thế giới nhiệt đới của những túp lều bãi biển và của những dải cát mịn như bông. Không những chỉ có Sihanoukville buồn tẻ, mà toàn bộ Campuchia - một trong những quốc gia nghèo nhất của Á Châu, đang muốn dùng nguồn nguyên liệu đã tìm thấy để làm một bước nhảy vọt về phía trước.

Trong khi khoan thử tại vùng biển trước Sihanoukville, 4 trong tổng số 5 hố khoan của tập đoàn Mỹ Chevron đã chạm vào dầu lửa - như nhận định của Chevron, đó là một kết quả tìm kiếm "đáng kể". Trong 6 bãi dầu, người ta dự đoán là sẽ có 500 triệu thùng "vàng đen" - và đây có thể

chỉ là một dấu hiệu đầu tiên như ở tất cả những nguồn mỏ khí đốt và dầu lửa khác đang hầu như được phát hiện ra từng ngày tại vùng Đông Nam Á.

### Khai thác đến tận độ sâu 2.800 mét

Malaysia đang nỗ lực để trở thành một thế lực dầu lửa và xúc tiến việc thăm dò gần bờ biển tại Sabah và Sarawak là hai bang tại phía bắc đảo Borneo. Ở đây, các trục khoan sục đến tận độ sâu 2.800 mét dưới biển.

Việt Nam đuổi kịp và đã trở thành nước xuất khẩu dầu lửa đứng thứ ba trong khu vực. Quốc gia xã hội chủ nghĩa này có một sự may mắn về địa lý : các bãi dầu lửa và khí đốt của họ nằm tại những vùng nước nông không xa bờ biển, và như một tấm thảm dưới lòng biển trải dài suốt từ Vịnh Bắc Bộ

đến tận mũi phía nam của đất nước.

Và Myanmar, trước đây là Miến Điện, cũng chuyển các dàn khoan của mình ra biển - nhưng với chức năng là vệ tinh nguyên liệu của Trung Quốc. Chính quyền quân sự của Myanmar tuyên bố rằng giờ đây, họ đã có một trữ lượng dầu 3,2 tỷ thùng. Họ cũng đã ký với công ty nhà nước National Petroleum của Bắc Kinh hợp đồng khai thác những vùng mỏ dầu khác. Qua hệ thống ống dẫn, thành quả tìm kiếm sẽ được chuyển ngay lập tức về tỉnh Yunnan miền nam Trung Quốc.

Nhưng cả nước Nga, nhà cung cấp vũ khí quan trọng nhất của chính quyền quân sự Myanmar cũng được phép tham gia tìm kiếm dầu lửa thông qua công ty "Dầu lửa ở ngoại quốc" Sarubeshneft- sau đó, cử chỉ đi lại có thể là

việc chuyển các chiến đấu cơ MiG-29 tới tay các vị tướng lãnh.

Thái Lan và Philippin cũng hăng hái và hình như đã ký hàng tá những hợp đồng chuyển nhượng quyền sản lũng các khu mỏ khí đốt và dầu lửa, những thứ được hình thành từ phù sinh vật đáy biển và rừng thực vật bờ biển sau hàng triệu năm trời. Ở một mức độ nào đó, tương lai của các quốc gia dầu lửa vùng Đông Nam Á nằm ở hy vọng là những di sản trầm tích này sẽ không bao giờ cạn, rằng sẽ không xảy ra đối với họ câu chuyện đã từng xảy ra với vương quốc Brunei- ở đó, vị chúa tể quốc gia đã dùng các dàn bơm dầu để ăn chơi xa lảng đến mức hiện nay sản lượng dầu tụt xuống chỉ còn có 198.000 thùng mỗi ngày.

Điều tương tự cũng đã xảy ra tại Indonesia, một thời đã là thế lực tiên phong về dầu lửa. Ở đây, quản lý kinh tế tồi dở và tham nhũng đã dẫn đến tình trạng các bãi dầu trở nên quá lỗi thời, lý do là người ta đã hầu như không đầu tư vào các thiết bị khai thác tối tân. Thậm chí, Indonesia là quốc gia duy nhất trong số 12 thành viên khối Opec phải thực sự nhập dầu, mặc dù người ta đã chứng minh được rằng đất nước này còn một trữ lượng dầu lửa với hơn 4 tỷ thùng. Hiện nay, người ta đang tìm cách xoay chuyển tình thế bằng việc khai thác những bãi dầu mới nằm giữa miền đông và miền trung Java.

### Khoan dầu trước núi rừng nhiệt đới

Giá dầu lửa cao trên thế giới không phải là lý do duy nhất thúc đẩy các quốc gia đang phát triển về dầu như Malaysia và Việt Nam quan tâm tới việc thăm dò dầu vùng gần bờ biển. Trong cuộc cạnh tranh giữa các quốc gia hỗ trợ nhau, hai nước này muốn dùng dầu lửa và khí đốt của chính mình trước hết là để thúc đẩy phát triển kinh tế nhằm mục đích tăng cường khả năng ghanh đua. Trong khu vực này, người ta còn chưa quên cái gọi là cuộc khủng hoảng Á Châu xảy ra trước đây đúng 10 năm, được bắt đầu bằng việc phá giá đồng tiền Thái Lan và đã đưa tất cả các quốc gia đến mép bờ phá sản.

Ngày nay, các con hổ tở hơi đó đã có lại những bắp cơ khỏe mạnh. Họ đã nhân đôi mức tăng trưởng kinh tế- và giờ đây, nhờ có dầu lửa, họ có cơ sở để nhốt kỹ con cọp trong thùng dầu. Malaysia đã đạt được bước tiến dài nhất; đất nước này đã trở thành một quốc gia công nghệ cao nhờ vào các xí nghiệp sản xuất Chip, và trên hết, đã tự mình xuất khẩu được dầu lửa.

Với trợ giúp của các công ty nước ngoài như Royal Dutch Shell và của công ty Mỹ Murphy Oil chuyên về nghiên cứu nước sâu, trước bờ biển vùng Sabah, các bãi dầu lửa mới đang liên tục được khai mở. Ví dụ như vào mùa thu tới, từ khu mỏ Kikeh sẽ trào lên dòng dầu lửa đầu tiên- nguồn lợi được mong đợi ở đây sẽ là 350 triệu thùng.

Cách đây ba năm, ở Malaysia, bãi dầu Gumusut-Kakap chứa 400 triệu thùng được phát hiện. Và cùng với ông khổng lồ về nguyên liệu Úc là tổ hợp BHP Billiton, công ty nhà nước Malaysia Petronas bắt đầu khai mở những khu mỏ mới trên biển trước vùng bờ biển thành phố Kota Kinabalu- thủ phủ của vùng Sabah, và được gọi tên theo ngọn núi với rừng nhiệt đới Mt. Kinabalu, đỉnh chóp của Đông Nam Á với độ cao 4101 mét.

Nhưng ở cái thành phố ven biển này, không chỉ có những ngôi nhà cao tầng mới tinh biểu lộ cho sự bùng phát về dầu lửa. Trên bán đảo Malaysia còn có một công trình kỳ vĩ nữa: đó là việc lắp đặt một hệ thống ống dẫn dầu xuyên ngang qua đất nước, chạy từ Ấn Độ Dương phía tây qua những nông trường chè và thung lũng rừng nhiệt đới tới tận Biển Nam Trung Quốc ở phía đông.

### Trỗi dậy để trở thành một khổng lồ dầu lửa

Công trình ống dẫn khổng lồ với chiều dài 320 Km và tổng giá 14,2 tỷ Đô la này có nhiệm vụ giải tỏa cho đường biển nhỏ hẹp vùng Malakka đang bị tràn ngập bởi những con tàu chở Container và tàu chở dầu. Tại đây, một nửa số dầu lửa được vận chuyển trên thế giới đang phải len lỏi để đến tay các nhà tiêu thụ lớn ở Nhật Bản và Nam Triều Tiên.

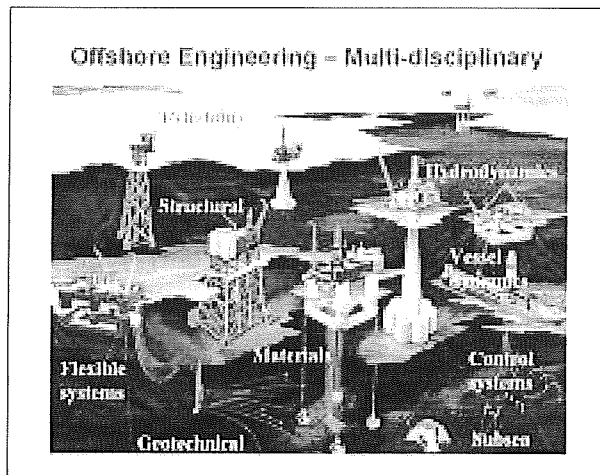
Có một nước không quan tâm đến hệ thống ống dẫn dầu, mà trước mắt, chỉ tập trung vào việc tự cung cấp cho nhu cầu bản thân: đó là Việt Nam. Quốc gia Phổ vùng Đông Nam Á này đang hối hả khoan dầu trên hải phận trước vùng bờ biển.

Hiện nay, ba khu mỏ mới với trữ lượng 700 triệu thùng đang được khai mở trước vùng biển phía nam Việt Nam tại khu vực được gọi là lưu vực sông Cửu Long, và mới đây, tổ hợp JapanVietnam Petroleum lại công bố về việc phát hiện ra một bãi dầu mới với trữ lượng 37 triệu thùng.

Nhưng, trữ lượng dầu lớn nhất lại nằm ở lưu vực sông Hồng, ở giữa đất liền và hòn đảo nghỉ mát Hải Nam của Trung Quốc. Đối với khu vực 50.000 Ki lô mét vuông mặt biển này, ngày 11 tháng Sáu vừa qua, Hà Nội đã ra thông báo đầu thầu cho 7 khu mỏ khai thác- với trữ lượng được cho biết là 5 tỷ thùng dầu. Nếu đúng như vậy, thì con số này sẽ ứng với một bãi dầu siêu khổng lồ "supergiant field", cái mà lẽ ra chỉ có ở Ả Rập Xê Út và vùng Sibiri.

Ở đất nước Campuchia bên cạnh, việc trỗi dậy để trở thành một khổng lồ dầu lửa như vậy chỉ có thể có trong mơ. Ở đây, trước hết người ta còn phải chống chọi với nạn tham nhũng của giới thương lưu tham lam đang ngự trị ở thủ đô Phnom Penh để có thể dùng đồng tiền tương lai của dầu mỏ vào việc xây dựng trường học và xây dựng nhà thương.

**Phạm Việt Vinh** chuyển ngữ



## Dân chủ và phát triển : lý thuyết và chứng cứ

Trần Hữu Dũng

Từ cuộc Cách mạng Công nghiệp cuối thế kỷ 18 đến nay, thế giới đã chứng kiến hai sự kiện chưa từng có trong lịch sử : một là sự tăng vọt mức sống của con người (nói gọn là phát triển kinh tế) và hai là ngày càng nhiều quốc gia trở thành dân chủ. Tuy hai làn sóng này xảy ra không đồng đều mọi nơi, và thường gián đoạn, có lúc giạt lùi, không thể không nghi ngờ rằng chúng có liên hệ ít nhiều với nhau. Liên hệ ấy, và nói chung là liên hệ giữa phát triển kinh tế và thể chế chính trị, không những là quan tâm của những người hoạt động chính trị mà còn là một chủ đề học thuật hàng đầu. Trong lịch sử trí thức cận đại, có thể xem nó như "hậu thân" của cuộc tranh biện giữa «kế hoạch» và "thị trường", và xa hơn nữa là giữa tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa.

Vấn đề có thể gút lại qua hai câu hỏi căn bản : (1) các quốc gia chuyên chế có phát triển nhanh hơn các quốc gia dân chủ ?, và (2) phát triển có sẽ đem lại dân chủ ? Rất tiếc, hai câu hỏi này thường được đặt ra không phải để thực tâm nghiên cứu một cách khách quan, khoa học, song chỉ có tính tu từ, hùng biện, với câu trả lời đã định trước, nhằm biện hộ cho một thể chế chính trị nào đó [1]. Vì không ai có thể phủ nhận phát triển kinh tế là cần thiết, người ủng hộ chuyên chế thì tìm cách chứng minh rằng các nước chuyên chế phát triển nhanh hơn (hoặc ít ra là không chậm hơn) những nước được xem là "dân chủ". Tất nhiên, những người ủng hộ dân chủ thì khẳng định ngược lại : muốn phát triển nhanh, vững, thì phải có dân chủ [2].

Nhìn từ góc độ khoa học thì sự việc không đơn giản như vậy. Khoa học không cho phép chủ quan lựa chọn vài đặc điểm trong kinh nghiệm cá biệt của vài nước (nhất là khi kinh nghiệm ấy có nhiều cách diễn dịch khác nhau), trong một giai đoạn nào đó, rồi suy diễn (thậm chí khẳng định) cho những nước khác, trong một giai đoạn khác. Một công trình nghiên cứu chỉ có sức thuyết phục khi nó căn cứ trên một khối lượng thống kê dồi dào và khả tín, trong nhiều lãnh vực (không chỉ kinh tế) về nhiều nước, qua nhiều thời kỳ. Rồi cũng phải có những mô hình đủ quy mô, phương pháp phân tích đủ "cơ bắp" để khai thác khối dữ kiện ấy.

Nên để ý rằng liên hệ nhân quả (nếu có) giữa dân chủ và phát triển, không chỉ là từ quá khứ đến hiện tại mà còn tùy vào kỳ vọng ở hiện tại hướng về tương lai. Một thí dụ đơn giản : nếu dân chủ có ảnh hưởng đến thành tựu kinh tế thì một phần không nhỏ của ảnh hưởng này hẳn là xuyên qua những quyết định về đầu tư, tức là tùy thuộc vào kỳ vọng. Như thế, triển vọng dân chủ tương lai sẽ là một nhân tố quyết định thành tích kinh tế hiện tại. Điều này có nghĩa là, để thẩm định tác động kinh tế của dân chủ, ta phải nhìn xa hơn chế độ đương thời, xét cả đến kỳ vọng của dân chúng (thậm chí của cả giới đầu tư nước ngoài) về sự ổn định của chế độ ấy. Muốn biết kỳ vọng này thì cần những cuộc thăm dò ý kiến quy mô, hay khảo sát tác động của

tin tức (qua các phương tiện truyền thông) trong sự thiết lập kỳ vọng. Tất cả đều là những thách thức vô cùng to lớn cho nhà khoa học muốn thực tâm nghiên cứu.

Công bình mà nói, cho đến khoảng những năm 1980, giới nghiên cứu khó làm gì hơn được vì "hộp đồ nghề" phân tích định lượng (như kinh lượng học) còn tương đối thiếu sót, thô sơ. Rất may, gần đây họ được hai cú hích. Cú hích thứ nhất là tiến bộ trong kỹ thuật phân tích, cách đặt vấn đề, phương pháp "xoá nắn" dữ kiện, đặc biệt là những dữ kiện không thể định lượng. Cú hích thứ hai là sự thu thập nhiều dữ liệu khá phong phú từ nhiều quốc gia, khắp các châu lục, qua nhiều năm [3]. Nhờ hai tiến bộ này, một số nghiên cứu quy mô về liên hệ giữa chế độ chính trị và thành tích kinh tế đã xuất hiện [4]. Tuy vẫn còn nhiều "khoảng trống" to lớn trong kiến thức về vấn đề này, giới học thuật đã phát hiện một số kết quả đáng lưu ý.

Hầu hết mọi nghiên cứu đều đồng ý rằng khó tìm ra câu trả lời trắng đen cho câu hỏi : liệu hể có một thể chế chính trị nào đó thì phát triển tất sẽ nhanh? Song, cũng chẳng phải là không có một kết luận rõ rệt nào cả. Điều cần thiết là phải gạt giữa câu hỏi cho có ý nghĩa khoa học, tránh những ý niệm mơ hồ, chung chung, và nhất là phải tìm những kỹ thuật thích hợp để phân tích, sàng lọc khối lượng thông tin, dữ kiện (dù không bao giờ là đầy đủ) mà, may mắn thay, giới học thuật thu thập ngày càng nhiều.

Bài này lược duyệt một số khảo cứu kinh điển về liên hệ giữa phát triển và thể chế chính trị, đặc biệt là giữa phát triển và dân chủ. Phần I tóm lược những ý kiến tạm gọi là "xưa", đa số xuất hiện trong những năm 60, 70, 80 thế kỷ trước. Đại để, những ý kiến này căn cứ trên vài "án tượng" tương đối rời rạc về một số quốc gia (phần lớn là ở châu Âu) nhìn qua lăng kính kinh tế tân cổ điển và những suy luận xã hội học. Phần II tường thuật những phát hiện của Adam Przeworski (và các cộng sự) về thành tích kinh tế và dân chủ hóa. Dấu ấn của nhóm học giả này là cách họ đặt đối tượng nghiên cứu : nhìn dân chủ hóa như một tiến trình, rồi xem mức độ phát triển có ảnh hưởng gì không đến (a) sự xuất hiện, và (b) sự tồn tại, của dân chủ. Phần III tóm tắt các công trình của Francesco Giavazzi và Guido Tabellini. Hai nhà kinh tế này nêu câu hỏi : chính trị và kinh tế liên hệ với nhau ra sao trong thứ tự thời gian của "cởi trói" ? Phần IV là kết luận.

### I. Những quan điểm "xưa"

Cho đến khoảng giữa những năm 1980, hầu như mọi ý kiến về liên hệ giữa phát triển kinh tế và dân chủ đều có tính giai thoại (ghi nhận chấm phá về một vài nước) và căn cứ vào khung phân tích kinh tế tân cổ điển. Ở đây, "tiếp cận tân cổ điển" có thể được hiểu là quan niệm cho rằng tiết kiệm và đầu tư (thay vì tiêu dùng) là yếu tố quyết định của tăng trưởng. (Nói cách khác, trong tiếp cận này, vai



trò của lịch sử, địa lý, thể chế, giáo dục, v.v., trong tăng trưởng chưa được để ý nhiều như ngày nay). Như vậy, theo những người có ý kiến này, "dân chủ" sẽ giảm tốc tăng trưởng bởi lẽ, trong thể chế ấy, (a) người có thu nhập thấp, là đa số, sẽ đòi phân bổ tài sản từ người giàu (có khuynh hướng tiết kiệm và đầu tư cao) sang người nghèo (có tiết kiệm và đầu tư thấp), và (b) nhà nước sẽ bị áp lực của đông đảo cử tri sử dụng ngân sách cho những tiêu dùng ngay hiện tại, thay vì đầu tư cho tương lai.

Có thể phân biệt hai dòng ý kiến (không hẳn là trái ngược nhau). Dòng thứ nhất xuất phát từ khẳng định rằng phát triển sẽ đem lại dân chủ, hoặc nói khác hơn, chuyên chế không thể tồn tại trong một xã hội đã phát triển. Dòng thứ hai cho rằng phát triển cần chuyên chế.

### 1. Phát triển sẽ đem lại dân chủ ?

Ý kiến cho rằng kinh tế phát triển sẽ từng bước tạo nên các định chế dân chủ, cuối cùng là dân chủ toàn bộ, thường dựa vào năm lập luận chính.

Thứ nhất, phát triển kinh tế sẽ bành trướng giai cấp trung lưu, có học. Khi đủ lớn, thành phần này sẽ đòi hỏi dân chủ, và chính họ sẽ là chỗ dựa cho chế độ dân chủ ấy. Seymour Martin Lipset (1959) có lẽ là học giả đầu tiên đưa ra lý giải này. Theo ông, dân chủ vừa là một hậu quả, vừa là một nhân tố của phát triển kinh tế.

Thứ hai, phát triển kinh tế sẽ ảnh hưởng đến tư duy của đa số trong xã hội : hướng tư duy ấy về cá nhân thay vì tập thể, tăng ý thức về cái riêng, về tự do cá nhân và quyền tự quyết. Nói cách khác, phát triển kinh tế sẽ khơi dậy những "giá trị chính trị" (political values) lấy cá nhân làm gốc. Theo những người có ý kiến này, những giá trị ấy là mầm mống của dân chủ.

Thứ ba, kinh tế phát triển sẽ nâng cao dân trí. Khi biết rõ hơn về cơ cấu chính trị, ý thức hơn về quyền lợi và quyền hạn của họ, người dân sẽ bảo vệ quyền của họ tích cực hơn, theo những đường lối có hiệu quả hơn. Đó là dân chủ.

Thứ tư, phát triển sẽ làm giàu khu vực tư, tăng cường khả năng khu vực này trong các hoạt động độc lập, không lệ thuộc vào nhà nước, tăng sức nặng của xã hội dân sự như một đối trọng đối với khu vực công. Hơn nữa, khi đời sống người dân càng sung túc thì xã hội càng hài hoà, giảm đi những đòi hỏi tái phân bổ của cải, dân chủ nhờ thế mà ổn định hơn.

Thứ năm, vì phát triển thường đòi hỏi mở cửa kinh tế, một quốc gia phát triển cũng là một quốc gia nhiều tiếp xúc với thế giới về văn hóa, xã hội cũng như chính trị. Sự giao lưu này sẽ làm thông thoáng hơn các luồng thông tin mà chính quyền chuyên chế khó kiểm soát, đồng thời kềm hãm sự chuyên chế ấy qua áp lực của các đối tác quốc tế.

Về mặt kiểm nghiệm, những công trình theo chân Lipset thường bị chỉ trích là có giá trị khá hạn chế vì chúng chỉ dùng những dữ kiện về mức thu nhập của nhiều nước vào cùng một thời điểm. Lipset cũng nhìn nhận rằng ý kiến của ông là rút từ kinh nghiệm của Tây Âu, và có thể không đúng cho nơi khác.

### 2. Phát triển có cần chuyên chế ?

Khác với quan điểm trên đây (cho rằng dân chủ là hậu quả tất nhiên của phát triển kinh tế) là quan điểm cho rằng các chính sách kinh tế sẽ có hiệu quả hơn dưới chế độ chuyên chế. Có thể nói rằng theo quan điểm này thì dân chủ là một xa xỉ phẩm, chỉ nên có khi quốc gia đã phát triển [5].

Dân chủ bị cho là không thuận lợi cho phát triển vì nhiều lý do. Một là, quyền sở hữu (property rights) của người giàu sẽ không được đảm bảo, bởi lẽ người nghèo, là đa số, có thể dùng lá phiếu của họ để đòi phân chia tài sản. Hai là, hoạt động chạy chọt (rent seeking) của các hội đoàn tranh giành quyền lợi (special interest groups), qua các vận động chính trị với các đảng phái, các cơ quan chính phủ, chẳng những sẽ làm phung phí nguồn lực quốc gia mà còn bóp méo chính sách nhà nước. Ba là, bị áp lực của cử tri, các chính phủ dân chủ sẽ chi tiêu quá mức cho hiện tại thay vì đầu tư cho tương lai [Galenson (1959), Schweinitz (1959), Huntington (1968, 1975)].

Chuỗi nhân quả được mô tả như sau : (1) người có thu nhập thấp muốn tiêu dùng ngay, (2) khi lao động có tổ chức (thành công đoàn) thì họ sẽ "đẩy" lương lên, giảm lợi nhuận cho giới kinh doanh, làm nản lòng người đầu tư, (3) áp lực của cử tri sẽ làm nhà nước có khuynh hướng phân phối thu nhập ra khỏi đầu tư (hoặc là đánh thuế người giàu thật nặng để phân phát cho người nghèo, hoặc là tiêu ít hơn vào các dự án đầu tư công), (4) đầu tư thấp đi thì sẽ giảm tốc tăng trưởng.

Những ý kiến trên đây dựa vào giả định căn bản : (i) vốn vật thể là nhân tố cốt lõi của tăng trưởng ; (ii) chính quyền do dân bầu thường bị áp lực phải tiêu xài cho hiện tại [6]. Đây là những giả định không phải luôn luôn đúng vì ngoài vốn vật thể còn có những yếu tố khác cần thiết cho phát triển (ví dụ sự trong sạch của thể chế) mà chuyên chế thường không có, và chưa chắc là chính phủ dân cử nào cũng thiếu cận vung vãi tiêu xài thay vì chất bóp để đầu tư. Hơn nữa, ý kiến cho rằng phát triển sẽ nhanh hơn trong chuyên chế so với dân chủ là dựa vào những lập luận tiêu cực thay vì tích cực. Những người đưa ý kiến này không viện dẫn ưu thế (dù là chỉ theo họ) của chuyên chế mà chỉ vạch ra những nhược điểm (theo họ) của dân chủ [7]. Để thấy một lỗ hổng của lập luận ấy, chỉ cần hỏi : Dù dân chủ quả có ba nhược điểm nói trên, có gì bảo đảm rằng chuyên chế không có những nhược điểm ấy ?

Xem vấn đề bảo đảm quyền sở hữu chẳng hạn. Trong chuyên chế thì tư pháp và lập pháp đều trong một tay nhóm nhỏ, họ có toàn quyền đánh thuế, sung công, bội tín trong các nghĩa vụ tài chính. Thực vậy, lịch sử cho thấy hầu hết các chế độ chuyên chế đều có khuynh hướng lấy của công làm của riêng. Sao có thể cho rằng quyền sở hữu sẽ được đảm bảo hơn trong chế độ ấy ? Ví dụ nữa : Để giữ quyền lực, các lãnh tụ độc tài thường ban phát đặc quyền, đặc lợi cho thuộc hạ (độc quyền kinh doanh, trợ cấp, miễn thuế). Như vậy, hoạt động chạy chọt - và những lãng phí của nó đâu phải là không có trong chế độ chuyên chế ?

## II. Phát triển kinh tế và sự bền vững của dân chủ

Cùng mục đích xác định tương quan giữa dân chủ và phát triển nhưng Adam Przeworski [8] nhìn vấn đề từ nhiều góc cạnh khác những người đi trước. Ông cũng muốn biết chế độ chính trị có ảnh hưởng đến thành tích kinh tế hay không, và ra sao, nhưng ông nghĩ rằng vấn đề ấy không thể tách rời khỏi câu hỏi : Phát triển kinh tế có ảnh hưởng gì đến sự xuất hiện và tồn tại của các chế độ chính trị ?

Theo Przeworski, chỉ sau khi xem chế độ chính trị xuất hiện trong hoàn cảnh nào và tồn tại ra sao, thì mới có thể phân biệt được (1) đâu là ảnh hưởng của thực trạng xung quanh một chế độ chính trị, và (2) đâu là tác động của chính chế độ ấy. Nói cách khác, theo Przeworski, phải tách hai câu hỏi ra khỏi nhau : (1) kinh tế phát triển có dẫn đến dân chủ không? và (2) dân chủ có giúp phát triển nhanh hơn không ?

### A. Lỗi lầm thường gặp

Przeworski lưu ý ba điểm chính :

Một là, mỗi nước một khác, mỗi thời một khác, không thể so sánh nước này với nước nọ, giai đoạn này và giai đoạn kia. Chính Przeworski đưa ra ví dụ : vào năm 1985, Mali là một quốc gia độc tài, có tốc độ tăng trưởng tương đối thấp (5,35%), song không thể kết luận rằng nếu năm ấy Mali là dân chủ thì sẽ tăng trưởng nhanh hơn, vì đâu có quốc gia nào giống hệt Mali, nhưng dân chủ, để so sánh ? Cũng năm ấy thì nước Pháp (quả là dân chủ) chỉ tăng trưởng với tốc độ 1,43% ! Ai dám bảo rằng nếu Pháp là độc tài thì sẽ tăng trưởng nhanh hơn [9] ? Nói chung, theo Przeworski, dù có thấy rằng, vào một thời điểm nào đó, đa số nước nghèo là độc tài và đa số nước giàu là dân chủ, cũng chưa thể kết luận rằng tăng trưởng là nhanh trong dân chủ hơn trong độc tài. Tốc độ tăng trưởng của một quốc gia tùy thuộc vào xã hội, lịch sử, địa lý... của quốc gia ấy, không nhất thiết là hậu quả của chỉ những gì mà chính phủ nước ấy đang làm.

Hai là, nếu không nhìn vào diễn biến trong khoảng thời gian dài thì khó tránh những kết luận sai lầm. Ví dụ các quốc gia dân chủ dễ bị chao đảo khi có khủng hoảng kinh tế (mà nguyên nhân có thể là do tác động từ ngoài), còn các quốc gia độc tài thì ổn định hơn. Điều này sẽ dẫn đến hiện tượng "ngược đời" là dân chủ có vẻ tăng trưởng nhanh hơn ! Song (theo Przeworski) ta thấy như vậy chỉ vì các chính thể dân chủ thường bị sụp đổ khi kinh tế gặp khó khăn, và trở thành độc tài, có khả năng tồn tại, có thể sống được trong hoàn cảnh khó khăn ấy. Nói cách khác, chế độ độc tài bị "mang tiếng" (trong trường hợp này) là làm chậm phát triển có thể chỉ vì nó kế thừa một nền kinh tế đã trên đà suy thoái.

Ba là, hãy nghĩ đến trường hợp có một yếu tố nào đó (tạm gọi là yếu tố X), tuy không hiển hiện thường xuyên, đều đặn, song tác động đến chế độ chính trị lẫn tốc độ tăng trưởng. Giả dụ yếu tố X là sự "sáng suốt", nhìn xa thấy rộng của cấp lãnh đạo, và vì sự sáng suốt ấy mà cấp lãnh đạo vừa chọn dân chủ, vừa có những chính sách phát triển kinh tế hữu hiệu. Trong trường hợp này, nếu kết luận rằng

tăng trưởng nhanh là nhờ dân chủ, thì quả là sai, bởi vì sự thành công kinh tế ấy là do yếu tố X, không phải do dân chủ.

Tóm lại, một phân tích khoa học phải phân biệt bối cảnh (kinh tế, xã hội, lịch sử...) xung quanh một chế độ, và sự thành bại của chế độ ấy. Muốn như vậy, cần xem : trong tình huống nào mà chế độ xuất hiện, và hoàn cảnh nào mà chế độ vẫn tồn tại, hoặc sụp đổ. Chỉ khi biết rõ như thế thì mới có thể xác minh thành tích kinh tế nào là do thể chế chính trị, thành tích nào là do các yếu tố khác. Đây là một bài toán phân tích cực kỳ khó khăn, may là James Heckman (1976, 1988) đã phát minh nhiều thủ thuật kinh lượng để làm việc này.

### B. Kết quả của Przeworski

Przeworski phát hiện một điều nổi bật : chế độ chính trị không ảnh hưởng đến suất đầu tư và tốc độ tăng trưởng của tổng thu nhập cả nước. Tuy nhiên, vì dân số thường tăng nhanh hơn trong các quốc gia độc tài [10], thu nhập đầu người thường tăng nhanh hơn trong các nước dân chủ. Przeworski kết luận : không có lý do nào để hy sinh dân chủ cho phát triển.

Năm phát giác khác của Przeworski cũng đáng để ý :

(a) Không có bằng cứ nào cho thấy phát triển kinh tế bao giờ cũng đem lại dân chủ. Đặc biệt, nếu một quốc gia đã khá giàu có mà vẫn là độc tài thì ít khi quốc gia ấy sẽ trở thành dân chủ.

(b) Tuy đa số các nước giàu hiện nay là dân chủ, không có một mức thu nhập nào mà kể trên mức ấy là độc tài sẽ sụp đổ, dân chủ sẽ xuất hiện.

(c) Cũng không rõ ràng là tốc độ tăng trưởng có ảnh hưởng, hay không, đến sự bền vững của chuyên chế. Trung bình, khả năng tồn tại của chính quyền độc tài trong một nền kinh tế đang tăng trưởng thì cũng ngang bằng khả năng mà chế độ ấy tụt dốc trong một, hai, hoặc ba năm. Vài chế độ độc tài sụp đổ sau nhiều năm tăng trưởng liên tục, song cũng có chế độ độc tài sụp đổ sau nhiều năm kinh tế suy sụp liên tục.

(d) Vì không đủ thông tin, khó xác định ảnh hưởng của phân phối thu nhập. Tuy nhiên, dường như độc tài càng dễ sụp đổ khi phân bố thu nhập càng chênh lệch.

(e) Khi đem yếu tố khác (ví dụ như quá khứ chính trị, sự đa dạng ngôn ngữ, tỷ lệ các tôn giáo chính, và truyền thống thuộc địa) vào mô hình thì kết quả cũng không rõ rệt gì hơn.

Przeworski nhận xét : các chế độ độc tài «chết» trong nhiều hoàn cảnh khác nhau. Đôi khi nó sụp đổ khi kinh tế khủng hoảng, lúc khác thì sau một thời kỳ thịnh vượng lâu dài. Nhiều khi thì độc tài chết theo người sáng lập ra nó, lúc khác thì độc tài chấm dứt khi một quốc gia bị thất trận. Và cũng có khi độc tài sụp đổ vì áp lực quốc tế.

### Sự bền vững của dân chủ

Przeworski khám phá rằng dù xuất hiện qua lộ trình lịch sử nào, dân chủ cũng bền vững hơn trong các nước đã phát triển. Đặc biệt, chưa hề có một nền dân chủ nào sụp

đổi khi thu nhập đầu người vượt trên ngưỡng 6.000 USD/năm (đo bằng đô la năm 1965). Giáo dục (đo theo số năm đến trường) cũng làm dân chủ bền vững hơn. Tuy nhiên, dù giáo dục và thu nhập có tương quan khá chặt chẽ, Przeworski đã có thể xác định là ảnh hưởng của giáo dục không mạnh bằng ảnh hưởng của thu nhập đối với sự tồn tại của dân chủ. Nôm na : nước giàu mà dốt thì dân chủ khó sập hơn nước có học nhưng hơi nghèo !

Przeworski cũng phát giác rằng khó xác định ảnh hưởng của tăng trưởng kinh tế đến sự tồn vong của dân chủ. Đúng là dân chủ yếu và thu nhập trì trệ là hai hiện tượng thường đi đôi, song khó biết là dân chủ thoi thóp vì nó không hiệu quả, hoặc nó không hiệu quả vì (dân chúng cảm thấy là) nó sắp không còn ?

Tuy rằng giáo dục, phân bố thu nhập, định chế chính trị, và tương quan giữa các lực lượng chính trị đều có vài ảnh hưởng đến sự bền vững của dân chủ độc lập với thu nhập đầu người, ảnh hưởng của mức độ thu nhập là lớn nhất.

Przeworski (2002) lý giải như sau. Ở các nước giàu, mọi người đều ủng hộ dân chủ bởi lẽ nếu chống nó thì có thể mất mát rất nhiều. Ở các nước nghèo thì trái lại : của cải xã hội không có là bao, cho nên nhóm nào chống lại dân chủ, dù bị thất bại, cũng không có gì nhiều để mất. Ở các nước nghèo, thu nhập của những người dưới ách độc tài cũng không thấp hơn thu nhập của những người sống trong dân chủ (dù họ có thắng cử hay không). Ở nước giàu thì khác : khoảng chênh lệch thu nhập giữa những người trong phe thất cử (trong dân chủ) và những người bị đàn áp trong chế độ độc tài là rất lớn. Ví dụ ngay như một nhóm nào đó hi vọng là thu nhập của họ khi quay chống dân chủ sẽ là cao hơn trong dân chủ, cái "cơ may" là họ sẽ là bên bại trận sau khi độc tài thiết lập là rất lớn (trong xã hội phần thịnh) và do đó họ sẽ ngại chống dân chủ. Nói chung, theo lập luận của Przeworski, thu nhập càng cao thì cái có thể bị mất mát càng lớn, do đó ngay đến nhóm luôn luôn thất cử cũng thà chấp nhận kết quả bầu cử còn hơn. Chính thái độ tránh rủi ro (risk aversion) là động cơ khiến mọi người các nước trừ phú tuân theo kết quả bỏ phiếu [11].

Przeworski tóm tắt : Lý do các nước dân chủ thường là các nước kinh tế phát triển, và ít khi là các nước nghèo, không phải vì dân chủ thường xuất hiện như là hậu quả của phát triển, song vì nó có hi vọng sống lâu hơn nếu nó may mắn xuất hiện trong quốc gia đã phát triển. Đúng là lộ trình mà dân chủ xuất hiện là rất đa loại, khó thể tiên đoán, nhưng, một khi nền dân chủ đã thành hình thì sự tồn tại của nó tùy thuộc vào một số yếu tố rất dễ thấy. Đứng đầu danh sách các yếu tố ấy là mức độ phát triển kinh tế, như được đo bằng thu nhập đầu người. Các định chế chính trị cũng có ảnh hưởng.

### C. Đánh giá Przeworski

Một chỉ trích Przeworski và Limongi (xem *Lời Dẫn Nhập* của Bhardan trong *Journal of Economic Perspectives*, 1993) là hai ông này chỉ dùng thu nhập làm thước đo tăng trưởng. Nhiều nghiên cứu khác cũng cho thấy là thu nhập có ảnh hưởng (dù không lớn) đến dân chủ. Chẳng hạn như

Londregan và Poole (1996) cho biết nếu tăng thu nhập gấp đôi thì sẽ tăng "mức độ dân chủ" của các chế độ chuyên chế khoảng 30% nếu nước ấy là chuyên chế "vừa phải" (moderately authoritarian), nhưng nếu nước ấy là cực kỳ chuyên chế thì tăng gấp đôi thu nhập như thế chỉ tăng mức dân chủ chừng 5-15% mà thôi. Và nếu nước ấy đã tương đối phóng khoáng thì tăng đôi thu nhập không tăng thêm mức độ dân chủ.

Cũng nên kể thêm là kết quả của Barro (1996, bản thảo 1994) cho thấy là liên hệ giữa dân chủ và phát triển có thể có dạng chữ U ngược : Tăng trưởng là chậm nhất ở các quốc gia thiếu tự do nhất. Ở những nơi này, nếu thêm dân chủ một chút là tăng trưởng tăng thấy rõ, đạt đến cao đỉnh vào khoản thu nhập trung bình. Và ảnh hưởng này yếu đi khi dân chủ tăng lên ở các quốc gia thu nhập cao hơn thêm.

### III. Cởi trói kinh tế và cởi trói chính trị

Như đã lược thuật ở Phần I, phần lớn ý kiến "xưa" về liên hệ giữa thể chế chính trị và phát triển đều dựa vào nhận định đơn giản : muốn phát triển thì cần đầu tư, vậy chế độ nào có tác động tăng đầu tư thì sẽ tốt cho phát triển. Nhận định này ngày càng bị cho là thiếu sót. Những năm gần đây manh nha một lối nhìn khác, với nhận định là phát triển cần cả một định chế chính trị thuận lợi, không chỉ ở mức độ đầu tư. Do đó, muốn biết liên hệ giữa ảnh hưởng của chế độ chính trị đến phát triển thì phải xem ảnh hưởng của chế độ ấy đến các định chế cần thiết cho phát triển (xem thêm Rodrik, 2004). Các định chế ấy gồm (1) luật pháp bảo vệ quyền sở hữu, (2) luật pháp bảo vệ tự do cá nhân (vì tự do ấy được xem như cần thiết để thúc đẩy óc sáng tạo và tinh thần kinh doanh), và (3) những cơ chế "kiểm chế và đối trọng" (checks and balances) để ngăn ngừa tham ô, lấy của công làm của riêng, thường thấy ở các quốc gia chuyên chế.

Francesco Giavazzi và Guido Tabellini định nghĩa "cởi trói kinh tế" như là những cải cách toàn diện để mở rộng thị trường, nhất là thị trường quốc tế, và dùng cụm từ "cởi trói chính trị" như đồng nghĩa với dân chủ hóa.

Trong một loạt bài từ đầu những năm 2000, hai nhà kinh tế người Ý này đặt bốn câu hỏi :

(1) Cởi trói kinh tế và cởi trói chính trị có ảnh hưởng đến thành tích kinh tế (chẳng hạn như tăng trưởng và đầu tư), đến chính sách vĩ mô (chẳng hạn như lạm phát và ngân sách), và chính sách cơ cấu (ví dụ như bảo vệ quyền sở hữu và kiểm chống tham nhũng) hay không ?

(2) Có quả là cởi trói kinh tế kích động (induce) cởi trói chính trị, hoặc ngược lại ? Hoặc hai loại cởi trói ấy không dính dáng gì đến nhau ?

(3) Hai loại cởi trói này tương tác qua lại ra sao (hiệu quả của hai loại cởi trói, nếu thực thi cùng lúc, có lớn hơn tổng cộng của chúng nếu thực hiện riêng rẽ ?)

(4) Thứ tự thời gian của hai đợt cởi trói ấy (đợt nào trước, đợt nào sau) có quan hệ gì không ? Nói cách khác, nếu một nước đang "đóng cửa", và không dân chủ, quyền định "mở cửa" trong cả hai lãnh vực, thì khởi điểm của nước ấy có quan hệ gì không ?

Tất nhiên, đây không phải là lần đầu tiên mà các câu hỏi ấy được đặt ra (ngay cả Przeworski và Limongi cũng đã đề cập đến chúng), song trước Giavazzi và Tabellini (và Persson cũng có đóng góp) thì hầu như tất cả đều phân tích hai loại cởi trói đó riêng rẽ, bỏ mất cơ hội xem xét ảnh hưởng qua lại giữa chúng.

### Cởi trói nào trước ?

Tiên nghiệm (a priori) thì chiều nhân quả nào cũng là có thể : Thương mại có khuynh hướng đem lợi ích cho đa số và chỉ tổn hại thiểu số, vậy có thể là số đông (trong dân chủ) sẽ "đẩy" tự do thương mại (nhiều kết quả thực nghiệm xác nhận điều này). Song cũng có thể là một nền kinh tế cởi trói sẽ tạo sức ép "đẩy" chính trị về phía dân chủ, chẳng hạn vì nó tăng sức mạnh và quyền lực (kinh tế) của giới trung lưu (như quan điểm "xưa", nói ở Phần I). Theo Giavazzi và Tabellini thì chiều nhân quả có khuynh hướng đi từ chính trị đến kinh tế thay vì ngược lại (nói nôm na, đừng tưởng là dân giàu thì sẽ đòi dân chủ !).

Những quốc gia mà cải cách kinh tế đi trước dân chủ gồm : Hàn Quốc, Đài Loan, Chile, Mexico. Ngược lại thì có thể kể : Argentina, Brazil, Philippin và Bangladesh. Theo kết quả của Giavazzi và Tabellini, những quốc gia cải cách "kinh tế trước, chính trị sau" có những thành tích tốt hơn. Cụ thể :

(1) Thứ nhất, cởi trói kinh tế bởi một chính quyền chuyên chế có công hiệu hơn bởi một chính quyền dân chủ. Có hai bằng chứng. Một là, khi nhà nước chuyên chế cởi trói kinh tế thì kim ngạch ngoại thương sẽ tăng nhiều hơn khi nhà nước đó đã là dân chủ. Hơn nữa, khi nhà nước đó trở thành dân chủ sau này thì mức tăng đó cũng còn kéo dài hơn. Hai là, nếu cởi trói kinh tế trước (khi chính trị vẫn còn là chuyên chế) thì lạm phát sẽ giảm nhanh hơn.

Theo Giavazzi và Tabellini, sự khác biệt về mức công hiệu (và ảnh hưởng đến ngoại thương) nói trên có thể là vì nội dung các chính sách kinh tế vĩ mô. Khi một chính quyền chuyên chế ban bố thì nội dung này là khác khi nhà nước dân chủ ban bố. Xem vấn đề mở cửa kinh tế chẳng hạn. Những nước dân chủ, khi mở cửa kinh tế, cũng còn đặt nhiều rào cản thương mại (vì bị áp lực của các thành phần kinh tế "nạn nhân" của mở cửa). Trong lúc đó, dù rằng các nước chuyên chế thường ít mở cửa hơn, song khi mở cửa thì họ không bị áp lực của các "nhóm lợi ích" (interest group) trong nước, và do đó ít có rào cản thương mại hơn.[12]

(2) Thứ hai, dân chủ hóa được tiến hành trong một không khí kinh tế "tự do" sẽ đem đến một nền dân chủ "tốt" hơn. Có nhiều cách giải thích hiện tượng này.

Giải thích thứ nhất là, khi một chế độ chuyên chế chính trị cởi trói kinh tế thì chẳng những tăng trưởng nhanh hơn mà môi trường cũng có nhiều cạnh tranh hơn. Nhờ thế, khi quốc gia ấy trút phế nhà độc tài và trở thành dân chủ thì nó sẽ là một nền dân chủ tốt hơn bởi hai lý do. Một là, nó đã sẵn mở cửa cho thương mại và cạnh tranh, và hai là, nhờ đã phát triển khá, quốc gia ấy có đủ nguồn lực để phân phối cho dân chúng, một điều mà mọi chính thể dân chủ đều cần làm. Mặt khác, một nền dân chủ phiêi thai, trong

một nền kinh tế còn tương đối đóng kín, sẽ dễ bị tê liệt do các thế lực đòi phân bố thu nhập, và sẽ đi quá xa trong những chính sách thoả mãn quần chúng (populist policies), có tính lãng phí.

Giải thích thứ hai là, có thể chính sự cởi trói kinh tế trước cởi trói chính trị là lộ trình do một lãnh tụ nhìn xa thấy rộng định trước. Trái lại, khi dân chủ hóa đến trước thì nó thường là hậu quả của một cuộc cách mạng (hay đảo chánh) đột ngột, có tính xáo trộn. Như vậy, nó thường đi kèm với những xáo trộn kinh tế.

Tóm tắt, cởi trói kinh tế sẽ có hậu quả tốt về mọi mặt, bởi vì nó sẽ đưa đến những chính sách tốt về cơ cấu cũng như về những mặt vĩ mô. Cởi trói chính trị, trái lại, không có ảnh hưởng nhiều đến tăng trưởng và đầu tư, dù có vẻ tăng chất lượng của các chính sách cơ cấu. Ảnh hưởng của cởi trói chính trị đến chính sách vĩ mô thì có khi tốt, khi xấu. Tuy nhiên, Giavazzi và Tabellini khám phá rằng, những quốc gia cởi trói kinh tế lẫn chính trị là khá hơn cả.

Persson and Tabellini (2006) đề nghị ý niệm "vốn dân chủ" (democratic capital) mà họ giải thích như sau. Sự cảm nhận của dân chúng đối với giá trị của dân chủ không phải ngày một ngày hai mà có. Trái lại, nó là một tiến trình dần dần, từng bước, như là tích lũy "của cải" dân sự và xã hội, khi mà quốc gia ấy học được từ kinh nghiệm của chính họ cũng như kinh nghiệm của các nước láng giềng.

### IV. Kết luận

Cần khẳng định rằng những nghiên cứu định lượng (hay cố gắng về hướng đó) như lược duyệt trong bài này không nhất thiết sẽ là gần "chân lý" hơn những phân tích không định lượng [13]. Tuy nhiên, khảo hướng này vạch trần những khó khăn trong việc tìm hiểu những liên hệ phổ quát giữa dân chủ và phát triển, những khó khăn mà mọi nghiên cứu khách quan, khoa học, cần lưu tâm và khắc phục.

Dù rằng liên hệ giữa phát triển kinh tế và thể chế chính trị (cụ thể là dân chủ) đã được nhiều người khẳng định (và là một cương lĩnh tuyên truyền của nhiều chính phủ), cho đến nay chứng cứ khoa học cho liên hệ này vẫn chưa rõ ràng và, theo tôi, sẽ không thể rõ ràng, vì có quá nhiều thông số. Nó hết sức phức tạp, tùy vào thể chế, lịch sử của quốc gia và, thật vậy, vào chính mức độ phát triển hiện tại của quốc gia ấy nữa. Ngay từ căn bản : thể nào là phát triển, và thể nào là mức độ dân chủ, cũng khó có một thước đo mà mọi người đều đồng ý, và như Tabellini và Giavazzi nhấn mạnh, mỗi hình thức dân chủ (dân chủ đại nghị, dân chủ tổng thống, v.v.) có những hậu quả khác nhau.

Nhưng đặt câu hỏi về liên hệ giữa dân chủ và phát triển (như đo bằng mức thu nhập) có thể là quá hẹp hòi, bởi vì "dân chủ" phải được xem như một phương tiện để thực hiện những ao ước khác của con người, đó là sống một cuộc đời mà khả năng được phát triển toàn vẹn. Đó là tự do.

Người phân tích sâu sắc nhất về tự do và phát triển có lẽ là Amartya Sen (1999). Theo ông, sự bành trướng tự do [14] là (1) mục tiêu bậc nhất (primary end) và (2) phương tiện chính (principal instrument) của phát triển. Có thể gọi

vai trò thứ nhất của tự do là vai trò thành tố, và vai trò thứ hai là vai trò công cụ. Theo Sen, phát triển, chính nó, có thể được xem như là một tiến trình mở rộng tự do cho con người, nói cách tổng quát. (Nhờ là trong vai trò công cụ, tự do có nhiều loại (a) tự do chính trị, (b) tự do kinh tế, (c) cơ hội thăng tiến trong xã hội, (d) bảo đảm tính minh bạch (transparency guarantees).) Như vậy, theo Sen, câu hỏi thật sự quan trọng là liên hệ giữa tăng trưởng và tự do, không phải giữa dân chủ và phát triển. Và nếu hỏi như vậy thì, theo Sen, câu trả lời thật quá rõ ràng : tự do sẽ gia tốc tăng trưởng, và tăng trưởng sẽ mở rộng tự do (cụ thể là không còn bị đe dọa bởi đói khát, có nhiều cơ hội học hành...) [15].

Tách rời dân chủ và phát triển (không phủ nhận, cũng không khẳng định) như hai mục tiêu khác nhau còn giúp "giải phóng" nhà khoa học khỏi những thiên kiến ngoài kinh tế. Cần tập trung vào những yếu tố không thể phủ nhận (1) tham nhũng, lãng phí, bất công xã hội chắc chắn sẽ làm trì trệ phát triển, và (2) "tự do" có một giá trị to lớn, tự tại, biệt lập với phát triển kinh tế. Cũng nên thêm một nhận xét : dù có cho rằng dân chủ sẽ có lợi cho phát triển, lộ trình dân chủ hóa của một quốc gia không đang là dân chủ tùy thuộc vào bối cảnh lịch sử, xã hội, và chính trị cá biệt của quốc gia ấy. Hoặc có cho rằng dân chủ và phát triển là hai mục tiêu đánh đổi, thì vấn đề tiếp theo sẽ là thể chế nào là tốt nhất để làm quyết định đánh đổi này.

**Trần Hữu Dũng** (© Thời Đại Mới)

Department of Economics, Wright State University,  
Dayton, OH 45435, USA.

(Bài này được viết lại theo báo cáo tại Hội thảo về "Dân chủ và phát triển", 28-29 tháng 7, 2006, tại Berkeley, California (Hoa Kỳ).

Thời Đại Mới

## Chú thích

[1] Trong số này cũng có thể kể một bài báo khá nổi tiếng gần đây, tuy có nhiều nhận xét mới lạ và hữu ích, nhưng khá phiến diện và không có tính học thuật cao, đó là bài của De Mesquita và Downs (2005). Đúng ra, hai tác giả này chỉ là áp dụng lý thuyết của Chong (1991) và Chwe (1998, 2001) cho "thời đại Internet".

[2] Tuy nhiên, cũng có nhiều người không đồng ý là phát triển là cần thiết, thậm chí dân chủ cũng là không cần thiết. Xem, chẳng hạn, Gordon Graham, *The case against the democratic state*, Imprint Academic, 2002. Về vấn đề phát triển có thực sự đem lại hạnh phúc cho con người không, xem, chẳng hạn, Richard Layard, *Happiness : Lessons from a new science*, Penguin, 2006.

[3] Đồ chưa nói đến các máy tính điện tử ngày càng mạnh và rẻ.  
[4] Hai bài "mở đường" cho những tiến bộ này là Lucas (1988) và Barro (1991), nhưng công trình có ảnh hưởng nhất phải là Barro (1996) - tuy được in năm 1996 nhưng bản thảo đã được giới học giả chuyển tay nhau xem từ đầu thập kỷ 1990.

[5] Điển hình là Galenson (1959), Schweinitz (1959), La Palombara (1963), Huntington và Nelson (1976).

[6] Một giả định nữa là thu nhập càng thấp thì khuynh hướng tiêu dùng càng cao. Giả định này giải thích tại sao dân chủ là có thể đi đôi với tăng trưởng khi mức thu nhập (bình quân) đã là cao, nhưng không như vậy khi thu nhập (bình quân) còn là thấp.

[7] Xem, chẳng hạn, Minxin Pei (1999).  
[8] Giáo sư chính trị học, đại học New York.  
[9] Quốc gia độc tài trù phú nhất giữa 1951 và 1990 là Singapore, có thu nhập đầu người là 11.698 USD, tức là cũng không giàu bằng Pháp.

[10] Đây là một sự thật mà tôi chưa thấy ai giải thích.  
[11] Độc giả quen thuộc với thuyết trò chơi (game theory) hẳn đã thấy ngay ảnh hưởng của thuyết này trong lý giải của Przeworski.

[12] Tôi không nghĩ điều này là đúng.  
[13] Xem, chẳng hạn, Fukuyama, "Remembering Seymour Martin Lipset", *American Interest* "blog", mùa thu 2006.

[14] Theo tôi, cụm từ "bành trướng tự do", thay vì chỉ "tự do", diễn tả chính xác hơn ý của Sen.

[15] Một khái niệm khá có ích trong khung cảnh này là khái niệm "vô tự do" (unfreedom).

## Tham khảo

- Adsera, Alicia, và Carlos Boix, 2002, "Trade, Democracy, and the Size of the Public Sector : The Political Underpinnings of Openness", *International Organization* 56, 2, tr. 229-262.
- Barro, Robert J., 1991, "Economic Growth in a Cross Section of Countries", *Quarterly Journal of Economics*, Bộ 106, tháng 5, tr. 407-443.
- Barro, Robert J., 1996, "Democracy and Growth", *Journal of Economic Growth*, Bộ 1, Số 1, tháng 3, tr. 1-27.
- Caplan, Bryan, và Tyler Cowen, 2004, "Do we underestimate the benefits of cultural competition ?", *American Economic Review*, Papers and Proceedings, Bộ 94, Số 2, tháng 5, tr. 402-407.
- Chong, David, 1991, *Collective Action and the Civil Rights Movements*, Chicago, University of Chicago Press.
- Chwe, Michael, 1998, "Culture, Circles, and Commercials", *Rational and Society*, Bộ 10, Số 1, tr. 47-75.
- Chwe, Michael, 2001, *Rational Ritual*, New Jersey, Princeton University Press.
- de Mesquita, B. B., và George W. Downs, 2005, "Development and Democracy", *Foreign Affairs*, tháng 9/10, bản dịch.
- Galenson, Walter, 1959, *Labor and Economic Development*, New York, John Wiley and Sons
- ; Giavazzi, Francesco, và Guido Tabellini, 2005, "Economic and Political Liberalizations", *Journal of Monetary Economics*, Bộ 52, 1297- 1330.
- Heckman, James J., 1976, "The Common Structure of Statistical Models of Truncation, Sample Selection, and Limited Dependent Variables and a Simple Estimator for Such Models", *Annals of Economic and Social Measurement*, Số 5, tr. 475-492.
- Heckman, James J., 1988, "The Microeconomic Evaluation of Social Programs and Economic Institutions", trong *Chung-Hua Series of Lectures by Invited Eminent Economists*, Số 14. Taipei : The Institute of Economics, Academia Sinica.
- Huntington, Samuel P., 1968, *Political Order in Changing Societies*. New Haven : Yale University Press.
- Huntington, Samuel P., và Joan Nelson, 1976, *No Easy Choice : Political Participation in Developing Countries*, Cambridge : Harvard University Press.
- *Journal of Economic Perspectives*, 1993, Hội thảo về Dân Chủ và Phát Triển, Mùa hè.
- Lipset, Seymour Martin, 1959, "Some social requisites of democracy : Economic Development and Political legitimacy", *American Political Science Review*, Bộ 53, 69-105.
- Lipset, Seymour Martin, 1960, *Political Man : The Social Bases of Politics*, Garden City : Doubleday.
- Londregan, John, và Keith Poole, 1996, "Does High Income Promote Democracy ?", *World Politics* 46, tháng 10.
- Lucas, Robert E., 1988, "On the Mechanics of Economic Development", *Journal of Monetary Economics*, Bộ 22, Số 1, 3-42.
- Moore, W.H., 1995, "Rational rebels : Overcoming the Free-rider Problem", *Political Research Quarterly*, Bộ 48, tr. 417-54.
- Pei, Minxin, 1999, "Economic Institutions, Democracy, and Development", Báo cáo đọc tại *Conference on Democracy, Market Economy, and Development*, do Ngân hàng Thế giới và Chính phủ Hàn Quốc đồng đầu, 26-27 tháng 2.
- Persson, Torsten, 2003, "Consequences of constitutions", *National Bureau of Economic Research Working Paper*, số 10170, tháng 12.
- Persson, T., 2005, "Forms of democracy, policy and economic development", *National Bureau of Economic Research Working Paper*, số 11171, tháng 3.
- Persson, Torsten, và Guido Tabellini, 1994, "Is inequality harmful for growth ?", *American Economic Review*, Bộ 84, Số 3, tháng 6, tr. 600-621.
- Persson, Torsten, và Guido Tabellini, 1999, "Political economic and public finance", *National Bureau of Economic Research Working Paper*, Số 7097, tháng 4.
- Persson, Torsten, và Guido Tabellini, 2004, "Constitutions and economic policy", *Journal of Economic Perspectives*, Bộ 18, Số 1, mùa đông, tr. 75-98.
- Persson, Torsten, và Guido Tabellini, 2006, "Democracy and development : The Devil in the details", *American Economic Review*, *Papers and Proceedings*, tháng 5, 2006 (Phiên bản chi tiết hơn : *National Bureau of Economic Research Working Paper*, Số 11993).
- Persson, Torsten, và Guido Tabellini, 2006, "Democratic capital : The nexus of political and economic change", *National Bureau of Economic Research Working Paper*, Số 12175, tháng 4.
- Persson, Torsten, Guido Tabellini, và Francesco Trebbi, 2001, "Electoral rules and corruption", *National Bureau of Economic Research Working Paper*, Số 8154, tháng 3.
- Persson, Torsten, Gérard Roland, và Guido Tabellini, 2003, "How do electoral rules shape party structures, government coalitions, and economic policies", *National Bureau of Economic Research Working Paper*, Số 10176, tháng 12.
- Przeworski, Adam, 1991, *Democracy and the Market*, Cambridge, Cambridge University Press.
- Przeworski, Adam, 2004, "Economic Development and Transitions to Democracy", bản thảo, *Department of Politics*, New York University, tháng 3.
- Przeworski, Adam, ?, "Democracy and Economic Development", trong *Political Science and the Public Interest* (Mansfield và Sisson chủ biên), Columbus : Ohio State University Press.
- Rodrik, Dani, Arvind Subramanian, và Francesco Trebbi, 2004, "Institutions Rule : The Primacy of Institutions over Geography and Integration in Economic Development", *Journal of Economic Growth*, Bộ 9, Số 2, tháng 6, tr. 131-165.
- Schweinitz, Karl, 1964, *Industrialization and Democracy*, New York : The Free Press.
- Sen, Amartya, 1999, *Development as Freedom*, New York : Oxford University Press.

**Tìm đọc Thông Luận trên internet :**  
**<http://www.thongluan.org>**

# Thuyền, hay chữ và nghĩa

Nguyễn Thôi Thủ

Có những chữ ngoại lai một khi trở thành tiếng Việt rồi thì nhuần nhuyễn đến độ không ai còn nghĩ nó đến từ tiếng nước ngoài nữa. Khó mà nhận dạng được một gốc tích nào dù gần, xa của nó, nó tròn trịa, trơn tru như một hòn bi. Mà ngay cả chữ hòn bi chẳng hạn, bây giờ số người biết rằng đó là một từ gốc tiếng Pháp ở Việt Nam chắc cũng không phải là nhiều. Còn nếu nói đến chữ Hán trong tiếng Việt thì thôi khỏi bàn. Có một lần tôi thử nhắm tính những chữ Việt Nam bắt đầu bằng vần kh chẳng hạn thì thấy có lẽ đến 8 trên 10 từ đã là tiếng Hán Việt rồi, mà lại là những từ rất cơ bản như kiêu, khát, khách, khám, khoái, khổ, khóc, khốn, không, khu,...

Hồi trẻ, tôi vẫn nghĩ thuyền là một từ tiếng Việt vì thấy nó được ghép với rất nhiều chữ gốc Việt như thuyền bè, thuyền chài, thuyền mảnh, thuyền mủng, thuyền nan, thuyền thúng, rồi đi thuyền, ngồi thuyền, chèo thuyền... Cho đến một lúc

lớn hơn, học thơ chữ Hán (thế hệ tôi còn được học một hai tiết tiếng Hán vào những năm đầu trung học ở trường tỉnh, mà ông thầy tài tử của chúng tôi chỉ dạy tiếng Hán qua thơ Đường), tôi mới vỡ lẽ là cái từ nhuần nhuyễn tiếng Việt này cũng như biết bao chữ khác nữa đã là một từ tiếng Hán trước khi trở thành tiếng Hán Việt.

Như trong bài *Trường can hành* của Thôi Hiệu :

*Đình thuyền tạm tá vấn  
Hoặc khủng thị đồng hương.  
(Dừng thuyền lại xin hỏi  
Biết đâu người đồng hương)*

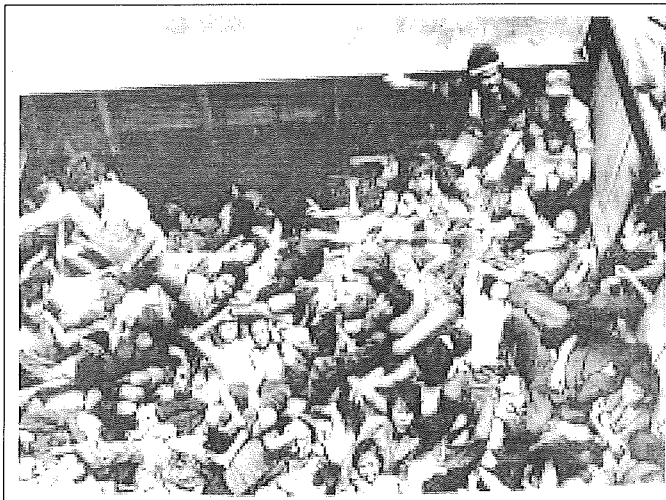
Hoặc trong *Tây tá sơn hoài cổ* của Lưu Vũ Tích :

*Vương Tuấn lâu thuyền há Ích châu  
Kim lăng vương khí ẩm nhiên châu  
(Thuyền lâu Vương Tuấn xuống Ích châu  
Tiêu điều vương khí ở Kim lăng)*

Rồi : *Thuyền kiên pháo lợi* (Tàu sắt súng đồng) là thành ngữ các cụ nhà ta dùng để chỉ cái nghề giỏi riêng của người phương Tây, thật ra vì ta thua trận bị đô hộ nên nói thế chứ ngoài nghề đóng tàu sắt và đúc súng đồng họ còn có biết bao nghề khác lúc ấy cũng giỏi hơn ta nữa chứ ?

Thế mà lâu lắm sau này, vào cuối những năm 1970 và đầu năm 1980, khi nghe từ thuyền nhân thì tôi rất lạ tai, đó là một từ đối với tôi thật mới mẻ vì tôi chưa hề nghe qua nó bao giờ, đọc qua nó bao giờ trước đây. Trong văn

*Thuyền về xuôi mái sông Hương,  
Hỡi ai tâm sự đời đường đặng cay  
(Ca dao miền Trung)*



học hay trên báo chí Việt Nam và trong một thời gian khá dài, nó đã theo đuổi, ám ảnh tôi như một hệ lụy cùng với những hình ảnh khó quên đi kèm. (Hình ảnh rõ ràng nhất là chiếc tàu Hải Hồng, rồi sau đó là bao nhiêu những thuyền nhỏ ọp ẹp khác, chông chất lúc nhúc những người mặt mày xanh mướt, hốc hác, bơ phờ, đói khát, bệnh tật, bị cướp, bị hãm hiếp...).

Cái gì đang xảy ra ở Việt Nam ? Họ đâu chỉ là những người gốc Hoa, mà cho dù có gốc Hoa đi nữa ? Cái gì đã đẩy họ vào con đường chọn sự ra đi giữa cái chết và cái sống ? Thủ tướng Việt Nam vừa sang Pháp năm 1978 mà cái tàu Hải Hồng cũng từ Việt Nam ra khơi năm 1978... Biết bao câu hỏi, bao hoang

mang trong giai đoạn đó không ai trả lời được.

Tôi loay hoay với mấy quyển từ điển Hán Việt và sách vở cũ, tỉ mỉ mở ra thử xem nó đã hiện hữu bao giờ chưa thì đúng là không thấy ở nơi nào có từ thuyền nhân này. Đối với tôi rõ ràng có một cái gì đó không ổn. Cái từ này nó lạ lắm, có vẻ hơi đầu Ngô mình Sở. Bây giờ nghĩ lại, tôi còn lạ hơn nữa là ngoài các từ điển tiếng Việt, tiếng Hán Việt cũ thời ấy tôi không tìm được nó đã đành ; ngay cả trong mấy quyển xuất bản gần đây (thậm chí trong quyển gọi là *Đại từ điển Tiếng Việt* của Bộ Giáo dục và Đào tạo in ở Hà Nội) tôi vẫn không hề thấy bóng dáng nó (chỉ có từ thuyền chủ là gần với nó nhất mà thôi). Tôi nghi hình như Đảng và nhà nước ở Việt Nam đã có chỉ thị phải kiểm duyệt nó, tiêu diệt nó trong những sách chính thức. Chỉ có cách suy diễn này là tạm ổn để giải thích tại sao một từ có tính lịch sử quan trọng đến như vậy, có tính thời sự lâu dài đến như vậy, cụ thể và dễ nhớ đến như vậy mà lại bị cấm cửa, cấm sinh tồn, hiện diện.

Tuy đây là hai từ Hán Việt đi với nhau rất hoàn chỉnh nhưng tôi nghi ngay từ đầu nó chỉ là một từ được người ta vội vàng đặt ra để đáp ứng cho một nhu cầu cấp bách : dịch chữ *boat people* đang âm ỉ trên đài báo của thế giới lúc bấy giờ, mà chính cái từ tiếng Anh *boat people* này hình như cũng vậy (tôi không hề tìm thấy nó trong một số từ điển tiếng Anh vào thời đó), hình như nó cũng đã ra đời riêng

chỉ để gọi những người trong cái thảm cảnh này mà thôi. Nó như một ngọn lửa chỉ nhoáng một cái mà đã cháy bùng lên trong tất cả các ngôn ngữ và tâm tư con người thời đại đó cái thảm kịch của người Việt ở biển Đông này. Rồi hầu như mọi thứ tiếng khác cũng đều dùng từ tiếng Anh đó để nói về cái thảm cảnh nọ và thậm chí cho đến bây giờ khi nhắc lại thảm cảnh quá khứ này vẫn chỉ là từ tiếng Anh đó, vẫn chỉ là từ tiếng Việt đó, vội vàng sinh ra để đáp ứng tình hình, thời cuộc lúc bấy giờ mà không ngờ lại không hề bị chết yểu.

Sau này từ năm 1980 đến đỉnh cao là năm 1994, báo chí lại dùng một từ tiếng Tây Ban Nha khác, *balseiros*, để nói về thảm cảnh những đợt trong đó 130.000 bè nhân Cuba (*Cuban rafter*) rời đảo ra đi. Có những người chỉ với một chiếc xăm xe ô-tô đã quyết định vượt gần 150 cây số đường biển để đến Miami. Rồi không biết từ bao đời những chiếc *pateras* (tàu nhỏ không boong) mỏng manh, vá vúi, chông chất những người Phi châu trẻ tuổi, nếu không bị chìm đắm trong lòng Địa Trung Hải thì vẫn tiếp tục đổ họ vào các đảo, các bờ biển của Ý, Tây Ban Nha, của miền nam Âu châu cho đến ngày hôm nay và sẽ còn tiếp tục chưa biết đến bao giờ. Mỗi một từ, mỗi một tên gọi âm vang một thảm cảnh riêng, mang lấy hình ảnh của thời đại và bối cảnh của con người, đẹp đẽ hay bi thương, vui vẻ hay buồn bã. Nói như các nhà ngôn ngữ học thì ngôn từ là một phương tiện, công cụ biểu đạt với bản chất xã hội và thẩm mỹ của nó.

Có lần tôi cũng đã tự hỏi tại sao người ta lại dùng chữ thuyền thay vì chữ tàu, bởi vì vượt biên thường ngày nay người ta dùng tàu hơn là dùng thuyền, vốn là một loại công cụ chuyên chở đường thủy nhỏ hơn và hay dùng ở trong sông ngòi. Nhưng trong thâm tâm tôi hình như vẫn có một cái gì nằm ngủ trong tiềm thức nói với tôi rằng chữ thuyền nhân này không chỉ gắn gũi về mặt tình cảm mà cả về lý tính. Điều đó hóa ra vì ai đấy tôi không còn nhớ rõ từng nói với tôi đã lâu rồi ta gọi người Trung Quốc, Minh Hương là người Tàu bởi vì thuở cập bến vào xứ Đàng Trong để xin chúa Nguyễn cho tá túc, họ đến bằng tàu. Tôi chưa biết có ai kiểm chứng được điều này không. Nhưng có điều chắc chắn là cái loại người vượt biên bằng đường biển này đã có một lịch sử lâu đời, từ thời Tống, thời Minh, từ thời Trịnh Hòa đã đóng được những tàu đi biển lớn đi được đến cả những bờ biển Phi châu chứ không phải chờ đến những năm bảy mươi của thế kỷ trước. Những Người Tàu đi tàu từ miền bắc xuống, người Việt Nam năm 1954 di cư vào trong Nam bằng tàu há mỗi rồi cũng từ đó năm 1975 tung đi khắp thế giới bằng ghe, bằng thuyền, bằng tàu, thì cũng giống nhau lắm. Có thể nói cùng chung một thân phận. Nhưng đối với người Việt Nam hôm nay, người ta không thể gọi họ là Tàu nhân được, lại cũng không gọi được là ghe nhân, cho nên chắc chắn không có chữ gì thích hợp hơn là thuyền nhân để dịch từ *boat people* rồi. Còn chuyện tại sao người ta không gọi theo kiểu tiếng Việt là người thuyền thay vì thuyền nhân thì điều này vẫn còn là một bí mật đối với tôi. Chắc có lẽ vì sợ nó nôm na, làm mất vẻ trang trọng của "người vượt biên" ?

Rồi không hiểu từ bao giờ từ này cũng đã được chấp nhận một cách ổn định, trong tri thức, trong tâm lý, tâm hồn, trong văn học hải ngoại. Nói chung nó đã được bình thường hóa, mất dần đi cái vẻ dị dạng của buổi ban đầu. Năm 1980 tôi được dịp quay về thăm lại Việt Nam sau gần 15 năm ra đi như nàng Kiều. Lúc ấy phong trào vượt biên vẫn còn đang đương độ lắm. Ở trong Nam tôi thường nghe giới thanh niên hay nhắc đến câu tuyên bố đầu lưỡi :

- Nếu đi được thì cái cột đèn nó cũng đi !

Để nói lên cái quyết tâm vượt biên của họ, có chàng còn dùng một câu đợm mầu triết học hơn :

- Có vượt biên thì mới nên người, nên người đứng thẳng được. (Ý muốn nói là *Homo erectus*, chứ không phải loại đi bằng hai tay hai chân)

Phong trào ra đi rầm rộ có thể nói cũng như đoàn quân xuất trận, đến độ bọn trẻ thời ấy đem một bài hát quân sự "Cùng nhau đi hùng binh" ra để nhái :

*Cùng nhau đi vượt biên,  
Mười hai cây vàng lá  
Cùng nhau xuống Rạch Giá  
Ta quyết chí đi Tây  
Anh em cùng đình !*

...

"Cùng đình" ở đây dĩ nhiên không chỉ nói về mặt vô sản, mà còn nói về mặt tinh thần : là những kẻ cùng đường, mặt lộ, thúc thủ, không nhìn thấy một tương lai nào trong một xã hội mới với mọi giá trị đều bị đảo lộn, đổ nhào. Lúc này khái niệm yêu nước là một khái niệm vô cùng lạc lõng đã vắng bóng từ lâu trên vũ đài. Con người cá thể đa phần chỉ còn chút bám víu gần gũi, cụ thể : gia đình.

Nhiều người ở miền Nam đều biết câu ca dao cũ dùng để gói ghém tình tự đậm đà giữa mẹ và con :

*Không gì bằng cơm với cá  
Không gì bằng má với con*

Có lẽ cũng từ câu trên mà trong dân gian thuở ấy mới sinh ra câu sau này để cho những người trẻ tuổi thổ lộ tâm sự của mình với mẹ già lúc bước chân đi làm thuyền nhân, với tâm trạng của kẻ lâm hành nhất khứ bất phục phản, vì biết mình đang dần thân vào cõi 50% (sống) - 50% (chết).

*Một là má nuôi con, hai là con nuôi cá, ba là con nuôi cả nhà*

(Một là nếu con đi không lọt mà bị bắt thì má nuôi con, vì con sẽ đi tù, cải tạo; hai là nếu con đi ra lọt mà không tới được bến bờ nào thì con đành nuôi cá, nghĩa là vào bụng cá giữa biển khơi; nhưng ba là nếu tới được nơi nào đó thì rồi nhất quyết thế nào con cũng sẽ nuôi được cả nhà).

Mà tại sao con lại phải ra đi ? Muốn làm chứng nhân lịch sử của dân tộc, câu trả lời lại trở nên khôi hài rằng :

*Chung quy cũng tại vua Hùng,  
Sinh ra một lũ khùng khùng điên điên,  
Thằng khôn thì đã vượt biên,  
Những thằng ở lại điên điên khùng khùng.*

Khảo dị :

*Chung qui chỉ tại vua Hùng  
Đẻ ra một lũ vừa khùng vừa điên*

*Thằng khôn thì đã vượt biên  
Thằng ngu ở lại không điên cũng khùng !*

*Bác Hồ chết đúng giờ trùng  
Nên bây con cháu nửa khùng nửa điên  
Thằng tỉnh thì đã vượt biên  
Những đứa ở lại hỏng điên thì khùng !*

Chú giải : Cũng chỉ vì ở đất này bây giờ chỉ còn toàn những kẻ khùng điên thôi, mà con lại không muốn bị trở thành những kẻ điên điên khùng khùng như họ, nên con đã buộc lòng phải ra đi. Nhưng trong thực tế chưa chắc những kẻ đó đã là khùng điên hẳn đâu, vì người điên thì đâu biết đếm tiền mà cũng chẳng bao giờ thèm đếm tiền, vì vậy cũng lại có câu :

*Thằng ngu thì đã vượt biên*

*Thằng khôn ở lại đếm tiền như điên !*

(Và điều này nghiệm lại cho đến bây giờ càng thấy đúng, nhưng chỉ buồn rằng số thằng khôn đang "đếm tiền" tại quê nhà bây giờ lại không phải là tất cả những người ở lại, mà trong số tiền chúng đếm rất nhiều khi lại lẫn tiền của kẻ vượt biên gửi về !).

Lại cũng có lúc người ta đưa ra lý do để giải thích chuyện bỏ nước liều chết ra đi của mình một cách khá tỉnh bơ : chỉ giản dị là vì bị "tụi nó" dí rất quá :

*Đồng-chí mà dí đồng-bào*

*Đồng bào xin chào đồng-chí !*

Hay chỉ giản dị vì... dói quá :

*Năm điều Bác dạy đã thông*

*Nhưng vì dói quá tạm mượn ông chiếc xuồng*

(Năm điều bác Hồ dạy học-sinh : yêu tổ-quốc, yêu đồng-bào, học-tập tốt...)

Hoặc một cách bông đùa hơn :

**Vì tại bác Hồ**

*Một hôm Phạm Văn Đồng hỏi Lê Đức Thọ :*

*- Không hiểu sao bọn dân miền Nam bây giờ bỏ đi di tản nhiều như thế ?*

*Lê Đức Thọ trả lời :*

*- Tại Bác Hồ lúc trước không để ý nên viết : "Mười bốn triệu đồng bào trong trái tim tôi, bây giờ tăng lên 60 triệu, chúng nó thấy mình là số không nằm trong tim Bác nên phải tìm cách bỏ đi là hợp lý rồi !".*

Về cái điên dại và khôn ngoan thì như thế, còn về chuyện gan dạ và liều lĩnh thì cũng có chuyện vui kể như sau :

**Ai gan hơn ai ?**

*Đài BBC phỏng vấn một người vượt biên bằng mấy cái thùng phi kết lại với nhau thành chiếc bè mong manh :*

*- Thưa ông, sao ông gan như vậy, ông dám vượt biển bằng những cái thùng phi mong manh như thế này ?*

*- Tôi chưa gan lắm đâu, những thằng ở lại còn gan hơn*

*tôi nhiều !*

*Nghĩ ra không phải là không có lý, nhưng những thằng ở lại là ai nhỉ ?*

Rồi trong số thuyền nhân ra đi đó, người ta cũng chỉ đoán chừng một con số không chính xác lắm những kẻ trời cho đến được bến bờ, còn những kẻ không may mắn thì không ai có được một số liệu nào cả. Các tổ chức nhân đạo quốc tế một dạo, lúc vạch mặt, tố cáo mấy chính quyền địa

phương vùng Đông Nam Á đã thả lỏng cho cướp biển hoành hành như một biện pháp không chính thức nhằm ngăn chặn và làm nhụt chí những thuyền nhân tiềm ẩn ở Việt Nam, có đưa ra con số là từ 500.000 đến 600.000 thuyền nhân đã trở thành nạn nhân bất hạnh mà mồ chôn là đáy đại dương. Nhưng nhiều người bảo con số thật sự còn lớn hơn nhiều. Không biết rồi một ngày nào đó chúng ta có được một cuộc điều

tra về vấn đề này để đi đến một con số tương đối chính xác hơn trước khi quá muộn màng để điều tra ?

Ở nước ngoài, đôi khi đón những người ở đảo đến nhập cư, chúng tôi còn được nghe những câu về thuyền nhân rầu rĩ hơn :

*Ga-lăng tình xù*

*Anh đi anh để cái dù cho em*

Vì trên đảo buồn, mưa nhiều và mù mịt chờ mong cho đến lúc được bốc đi nước thứ ba. Nhưng cũng có dị bản giải thích cái dù là :

*Ga-lăng tình xù*

*Anh đi anh để cái dù (bầu) cho em !*

*Than ôi !*

*Bidong có lít (liste) thì đi !*

(chơi chữ giữa bidon và lít)

*Vượt biên không tới Bi-Đông thì đời bi đát!*

...

Pulau Bidong (tên một đảo ở Đông Nam Á, từng là trại tiếp nhận người vượt biên từ Việt Nam)

Có một điều rất ít ai để ý là rất nhiều người Trung Quốc nghèo khổ ở các tỉnh vùng ven biển (Hải Nam, Phúc Kiến...) cũng đã lợi dụng "nạn kiều" Việt Nam để đi làm thuyền nhân, tổ chức thâm nhập di dân vào nước Nhật làm dân tị nạn trong thời gian này, nhất là khi phong trào vượt biên lan ra miền Bắc với định hướng là phao số không hoặc Hồng Kông, họ tổ chức ra đi thành từng tàu rất lớn mang theo hàng trăm thuyền nhân ; trên tàu chỉ đem một, hai người biết nói tiếng Việt để đứng ra đại diện khi đến nơi, có người chỉ biết nói lơ lơ vài câu tiếng Việt. (Một người bạn Nhật biết nói tiếng Việt đứng ra làm thông dịch trong thời gian này đã kể lại chuyện trên).

Ngày 31-5-2000, Hồng Kông đã đóng cửa trại tị nạn cuối cùng, 137 người còn sót được giúp định cư tại Hoa Kỳ, chấm dứt 25 năm lịch sử thuyền nhân Việt Nam, chấm dứt một thảm cảnh như một nỗi ô nhục còn mãi trên cả dân tộc



chúng ta. Nỗi ô nhục này càng hằn lên chúng ta vì bây giờ đào bới lại lịch sử thời đó, nhiều người đã xác định rằng thảm cảnh này thật ra không phải là một sự kiện tình cờ, một tai nạn lịch sử mà là một chủ trương, một chính sách hằn hoi ! (Xin xem bài : "Mấy suy nghĩ về tiền đồ phát triển đất nước Việt Nam trong đầu thế kỷ XXI" của Lê Hồng Hà, một quan chức trong Đảng đã về hưu).

Và cũng để đối chiếu với từ thuyền nhân, hoặc lấy nó làm một hệ quy chiếu mà sau này dần dần người ta đã đặt ra nhiều từ khác. Có một từ ra đời sau từ thuyền nhân, nghe cũng khá khôi hài, là *phi cơ nhân*. Đó là từ để chỉ những người may mắn hơn nhiều so với thuyền nhân, đã được vượt biên chính thức trong sự an toàn dưới nhiều diện, hoặc ra đi theo kiểu đoàn tụ gia đình, theo dạng con lai, HO... cũng có thể chỉ là người được đi ra ngoài làm công vụ gì đó mà bỏ trốn tị nạn được... Nói chung, cái chính là phương tiện di tản của những người này đều bằng máy bay nên họ được gọi là phi cơ nhân, hoặc nhiều khi chính họ đi dõm tự vỗ ngực xưng mình như thế để phân biệt với thuyền nhân. (Tiện đây cũng xin nhắc lại để tưởng niệm một loại phi cơ nhân mới, những trẻ em người châu Phi bị chết cồng mà người ta tìm thấy xác ở cầu sau - chỗ gập chân bánh máy bay - của một máy bay chở hành khách như hai em người Guinée ngày 2-8-1999 tại phi trường Bruxelles, và một em khác cũng bám càng phi cơ rồi đã bị rơi xuống ruộng ở Đức. Ngoài ra có một em người Mali đã sống sót được khi máy bay đáp xuống một phi trường Pháp, nhưng cuối cùng lại vẫn bị gửi trả về châu Phi !).

Đến danh từ phi cơ nhân này là ta nghe đã thấy có cái gì đó có vẻ hơi "tếu" trong chuyện đặt từ rồi. Nhưng sau đó và vẫn còn tồn tại đến bây giờ những từ khác càng ngày càng mang tính tếu nặng nề hơn, mặc dù chúng có ưu điểm là cụ thể và chuyên môn hơn : *du nhân, lao nhân, học nhân, tường nhân, rừng nhân, suối nhân, giả nhân...* Những từ sinh sau đẻ muộn này thì cuộc đời của chúng sẽ ra sao, trong tương lai sống được bao nhiêu lâu, có khả năng được chấp nhận đến mức độ nào, bình thường hóa được hay không ? Đó là một chuyện có lẽ chưa ai trả lời được đối với một loạt từ có cùng chung một phạm trù bỏ nước ra đi này.

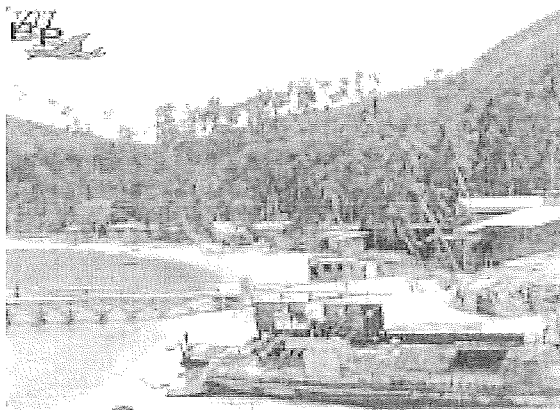
Nhưng tôi cũng xin giải thích rõ ràng về chúng :

Sau khi phong trào vượt biên chấm dứt, những người mạnh tiền, quen biết, xin được phép làm một chuyến du lịch ra nước ngoài rồi nhân dịp đó mà "dù..." luôn thì theo từ ngữ hiện nay sẽ được gọi là *du nhân*. (Có lẽ chỉ giản dị là để đỡ rườm rà hơn từ du lịch nhân).

Những người trong diện đi lao động rồi lân la, nấn ná đến lúc hết hạn lại lưu vong, "bộ đội hóa" (trốn lại) luôn thì được gọi là *lao nhân* (thay vì lao công nhân) thường ở các nước xã hội chủ nghĩa cũ.

Để chỉ chung các sinh viên đi học rồi bằng cách này cách nọ xin đi làm và chuyển đổi giấy tờ trở thành thường trú ở nước sở tại một cách chính thức thì được gọi là *học nhân*. (Tôi có bàn với một người về chữ này, tôi hỏi tại sao không gọi là lưu nhân - Lưu học sinh mà lưu lại luôn, nhưng người đối thoại với tôi bảo coi chừng từ lưu đây có thể bị người ta để hiểu nhầm là từ lưu vẫn đi với manh, vả lại chữ học còn ám chỉ sự khôn ngoan của những người chọn cách vượt biên này và chính sách khôn ngoan của nước muốn lấy chất xám). Nhiều nước như Pháp gần đây đã siết chặt về mặt thủ tục, mặc dù đang áp dụng một chính sách "tuyển chọn di dân - immigration choisie" với mục đích thu hút chất xám của các nước nghèo, đã trở thành chọn lọc hơn đối với học nhân, vì nhận thấy chuyện đi học đối với rất nhiều thanh thiếu niên các nước nghèo đôi lúc đã không phải là động cơ chính.

Sau khi bức tường Bá Linh bị vỡ (xây năm 1961 và bắt đầu vỡ năm 1989, cuối năm 1990 thì hoàn toàn bị phá bỏ), ngay những đợt đầu tiên đã cũng có rất nhiều người Việt đi lao động ở Đông Đức chưa về nước, mặc dù đã lấy được tiền "bồi thường" của chính phủ sở tại, lợi dụng khe hở của các bức tường ấy để làm *tường nhân*. Sau đó lúc các trại tị nạn mọc lên như nấm khắp Tây Đức thì tất cả người Việt ở các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu cũ, bất cứ diện nào, nếu được, đều đã lợi dụng dịp này tìm cách trốn chạy sang, làm tường nhân để nhập trại. Sau này việc thâm



nhập vào Đức càng ngày càng trở nên khó khăn, rất nhiều người đã phải vượt rừng biên giới, nhất là rừng biên giới Đức-Tiệp, lại có người đã phải cởi cả quần áo lội qua sông, suối miền biên giới buốt lạnh vào mùa đông, đặc biệt phía biên giới Đức-Ba Lan, những người xuyên biên giới Đức tìm tự do trong các đô thị ánh sáng văn minh này oái oăm thay lại bị gọi là *rừng nhân, suối nhân*. Tiếp đến vì biên giới bị kiểm tra quá ngặt nghèo, lại đến những đợt người phải chui cả vào trong các thùng, cốp xe để vượt biên nên được gọi là *ô-tô nhân*.

Sau này, để thoát ra khỏi được cái hình chữ S và để thành "...nhân" (nghĩa là để "nên người" như bọn trẻ thời nay hay nói), nhiều người, đàn ông hoặc phụ nữ, nhưng nhiều nhất vẫn là các cô gái, từ các gia đình khá giả hoặc có người thân khá giả ở nước ngoài mà cha mẹ muốn cho xuất ngoại đã phải dùng đến con bài làm hôn thú giả ("đám cưới trắng" như người Pháp gọi) với một người ở nước ngoài, thậm chí có khi phải cược rất nhiều vàng (một thời đã có quy định cả biểu giá). Dù sao cũng chỉ là những đám cưới giả, sang đến nước ngoài rồi thì ai về nhà nấy, nên mấy người này bị gọi là *giả nhân* (chuyện làm đám cưới giả, lấy vợ lấy chồng giả để đi các nơi, tuy rằng hiện nay đang gặp nhiều quy định khá gắt gao, nhưng vẫn còn tiếp tục khởi sắc và có trường hợp bắt đầu tuy là chuyện

giả nhưng sau lại thành thật !).

Song song với những con đường vượt biên kiểu mới này, lối vượt biên cổ điển bằng tàu thính thoảng vẫn còn tiếp diễn (tháng 6-2002 hai chiếc thuyền từ Việt Nam còn đến Phi và Nam Dương, tháng 4-2003 theo tin của AFP từ Sydney 42 thuyền nhân Việt Nam đã được chính phủ Indonesia cho lên một chiếc tàu gỗ chặt chội và không an toàn để lên đường sang Úc (Việt Báo, Orange County, 23-4-2003). Nhưng vì các trại tị nạn Á châu đã bị xem như vĩnh viễn đóng cửa và các nước Đông Nam Á, Úc đã có kinh nghiệm và quyết tâm chặn đứng nạn

vượt biên để làm nản lòng những thuyền nhân tiềm ẩn đã có những biện pháp cực mạnh. Vì vậy hiện nay vượt biên chỉ còn lại vồn vẹn mấy con đường chính thức : đi lao động, đi lấy chồng nước ngoài và vài vụ lẻ tẻ do đường dây buôn bán hộ chiếu có thông đồng với các đại sứ quán Việt Nam tại nước ngoài và chủ yếu để đến một số nước đặc biệt ở đó nghề "trồng cỏ" (cần sa) của người Việt Nam (đa số gốc

Hải Phòng) rất phát triển, có thể giúp họ kiếm được tiền nhanh chóng để hoàn số vốn lớn lao đã phải bỏ ra cho bọn buôn người. Dù sao đi nữa, cái giá phải trả cho bọn đưa người, buôn người tại Việt Nam bây giờ đã trở nên đắt đỏ đến độ nhiều người sau khi hết hợp đồng xuất khẩu lao động cũng không kiếm đủ tiền để trả nợ, và tình cảnh này đã đưa họ vào con đường bán thân ở Đài Loan, Nam Hàn, Mã Lai, Nhật Bản... hoặc trốn lại sống một cách bất hợp pháp để tiếp tục lao động cho đủ tiền trả nợ. Điều đau đớn là dù vẫn biết tin về những thảm cảnh của nhiều người đã ra đi, nhưng vì bức xúc bởi hoàn cảnh cuộc sống trong nước, nên phong trào bỏ nước ra đi vẫn không hề giảm xuống mà còn có khả năng trở thành một "định hướng" phát triển kinh tế của thị trường lao động Việt Nam hình thành do chế độ hiện nay.

Người ra đi đến bến bờ vô định đã đau đớn là thế, người ở lại thì sao ? Chỉ cần nhắc lại một câu người ở dặn người đi một thuở nào đã xa xôi và ngẫm nghĩ thì thấy tình cảnh bây giờ vẫn chẳng khác là bao, có lẽ còn đau lòng hơn nữa vì đất nước đã hòa bình độc lập hơn 30 năm nay rồi:

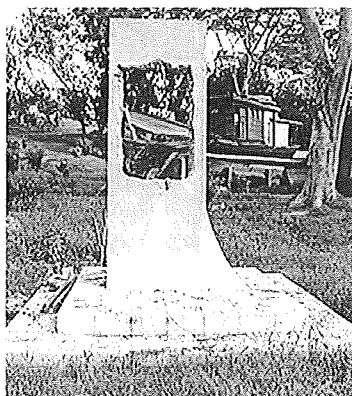
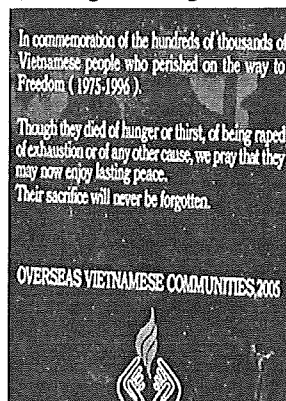
*Em đi anh nắm cổ tay*

*Anh dặn câu này em chớ có quên*

*Đôi ta đã có lời nguyện*

*Lấy ai thì lấy đừng quên gửi đồ !*

Em ơi, lấy ai thì lấy, Đài Loan, Hồng Kông, Đại Hàn, Tàu lục địa... gì cũng được, cứ miễn là đừng quên gửi kiệu hối về để cho anh đóng góp nuôi các *dã nhân* (có lẽ chỉ giản dị là để đỡ rơm rạ hơn từ *dã man nhân*), nuôi các đại nhân, các đảng nhân mà người trong nước bây giờ lại gọi là các "đại gia" để họ nuôi "con nuôi", nuôi các "em chân dài", để họ đánh



tư, kinh doanh rồi, nhưng khổ nỗi chúng vẫn còn nấn ná lại chưa muốn đi đâu cả, vì hiện thời đang giữ được trong tay bao nhiêu đặc quyền, đặc lợi và còn đang hốt được khẳm lăm, không chỉ trong công cuộc tham nhũng, rút ruột, mà nhất là trong dịch vụ lành nghề bấy lâu nay gọi là xuất khẩu lao động, nghĩa là bán công nhân, phụ nữ ra nước ngoài để làm khổ sai, lấy chồng, làm ôshin và đủ các ngành nghề khác, kể cả đi làm nô lệ tình dục để cho người mặc tay phỉ nhỏ, hành hạ, đánh đập, giết chóc.

Ôi, Mong thay!

**Nguyễn Hồi Thủ (Paris)**

*Đọc báo thay Tái bút :*

**Người ta muốn giấu kín sự ô nhục này...**

Trung-tuần Tháng Sáu, 2006, tờ *Buu-báo* ở Jakarta đã có bài nói Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (CXCv) làm áp lực lên nhà cầm quyền Nam Dương, yêu cầu họ dỡ bỏ Đài Tưởng Niệm Galang. Như báo này tiết lộ thì Hà Nội "cho rằng hàng chữ nổi trên đài có lời lẽ xúc phạm thanh danh chế-độ Việt Nam". Trong công hàm trao đổi với Malaysia, quan chức chế độ cộng sản cũng kêu là Việt Nam đã bị bôi nhọ. Mấy tháng sau, chính quyền Kuala Lumpur cũng lại nhượng bộ Hà Nội và ra lệnh dẹp bỏ Đài kỷ niệm Bidong.

Ở Mã Lai và Phi Luật Tân tình hình cũng tương tự. Chính quyền Việt Nam đòi hỏi các nước trên phá bỏ các đài kỷ niệm của những người di tản, các dấu tích tưởng niệm thuyền nhân Việt Nam. Nhưng thử hỏi thuyền nhân

đã viết gì mà các vị phải nổi giận đến thế?

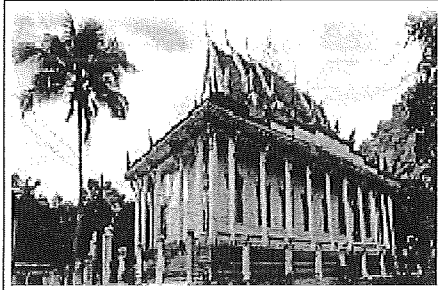
Ở Galang, Ủy Ban Xây Dựng Đài Tưởng Niệm chỉ đã viết : thuyền-nhân muốn có chỗ hàng năm làm lễ "cầu an cho hương-hồn cả trăm ngàn người đã bỏ mình trên đường đi tìm tự do..."; và ở Bidong, là nơi riêng trong năm đầu đã tiếp nhận 58.000 thành phần tị nạn, Ủy ban chỉ viết muốn "Ghi ơn nhân dân Malaysia đã mở lòng nhân từ như sông biển đùm bọc hàng chục vạn người dương nước lã lúc cùng đường mặt lộ".

## 4. Ao Bà Om (tỉnh Trà Vinh)

Lê Văn Hào

Trên phần đất tỉnh Trà Vinh có Ao Bà Om, một danh thắng ở miền Nam nước ta, cũng là một di tích lịch sử - văn hóa thiết thân với người Khmer Nam Bộ, một trong 54 sắc tộc thuộc đại gia đình dân tộc Việt Nam.

Trước khi nói thêm chi tiết về cái ao đẹp đẽ này, mời bạn tới thăm Trà Vinh và người Khmer ở đây.



Chùa Bà Om (Chùa Âng)

### Trà Vinh - con người, xã hội và văn hóa Khmer Nam Bộ

Dân số gốc Khmer hiện nay (2007) ở miền Nam là trên dưới một triệu người, tập trung nhiều nhất ở hai tỉnh Trà Vinh - Sóc Trăng, với các huyện tỉnh Châu Đốc dọc biên giới Việt - Miên; và rải rác ở vài tỉnh khác: Kiên Giang, An Giang, Cà Mau.

Nơi cư trú của người Việt là làng xã, xóm thôn, còn người Khmer ở trong phum, sóc. Phần lớn người Khmer làm nhà nền đất, lợp lá; vài chục căn họp thành một *phum*, tức là một xóm thôn nhỏ. Nhiều phum qui tụ vài trăm

người họp lại thành *sóc* (làng).

Ở Nam Bộ, ta dễ dàng gặp người Việt, người Hoa ở khắp nơi khắp chốn nhưng ta ít thấy người Khmer vì họ có khuynh hướng sống khép kín trong các phum sóc xa thành thị.

Phụ nữ Khmer thích mặc *xà-rông* nhiều màu sắc tươi tắn mà không quá sặc sỡ. Đàn ông cũng mặc *xà-rông* nhưng hiếm thấy hơn trừ trong những dịp cưới hỏi, vì nó là bộ phận lễ phục

bắt buộc của chú rể Khmer bên cạnh cô dâu với chiếc *xà-rông* rực rỡ.

Thường ngày, người Khmer nữ cũng như nam mặc áo bà ba đen, quàng thêm chiếc khăn rằn coi rất khiêm tốn, giản dị, đậm bạc. Nam giới khoảng 10 tuổi trở lên phải vào chùa tu học từ 5, 7 tới 10 năm mới được xã hội công nhận là trưởng thành.

Gia đình Khmer có nền tảng quyền cha (phụ quyền), nhưng đàn bà và con gái luôn luôn được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không hề có chuyện trọng nam khinh nữ. Hầu hết người Khmer Nam Bộ theo đạo Phật tiểu thừa, khi



Toàn cảnh Ao Bà Om với những đóa sen hai mùa hè thu



Những rễ cây độc đáo trên bờ Ao Bà Om

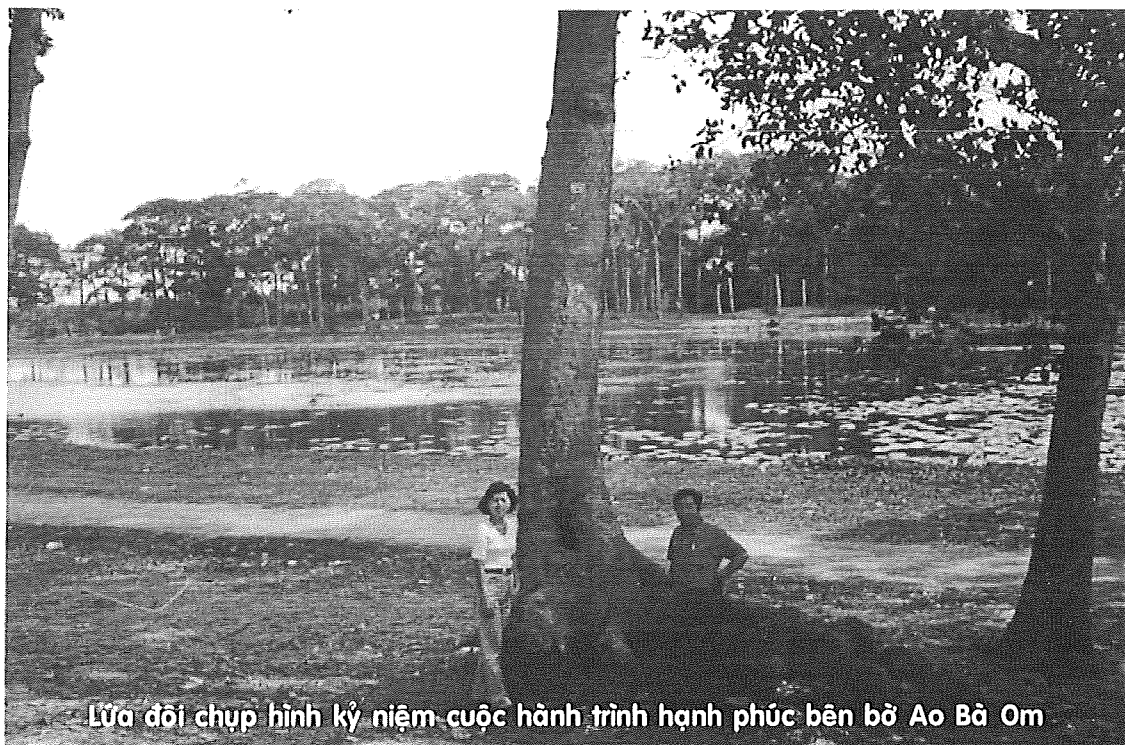
lìa đời được hỏa thiêu, vì vậy phum sóc không có nghĩa địa.

### Chùa Khmer, một nét đẹp của đồng bằng sông Cửu Long

Tới các vùng có người Khmer trú ngụ, hấp dẫn và đẹp đẽ nhất là các ngôi chùa lớn hay nhỏ. Tiêu biểu cho văn hóa kiến trúc tôn giáo Khmer Nam Bộ là các chùa : Ăng tức là chùa Bà Om vì nằm cạnh Ao Bà Om ; Samrông Ek ; Kampong Chray (chùa Hang) ; Cò Giồng Lớn (chùa Cò) ; Xêray Têcô Mahatúp (chùa Dơi) ; Xà Lông ; Đômini ; Put Tlê ; Ratanarausi ; Prektun ; Wat Munivongxa ; Wat Munirangsay ; Xanghamangala (chùa Vững Liêm), v.v...

### Huyền thoại về Bà Om và thắng cảnh Ao Bà Om

Nói tới văn hóa Khmer Nam Bộ nhất thiết phải đề cập tới Ao Bà Om, một thắng cảnh nhuộm màu huyền thoại. Các cụ già kể rằng thuở xưa con gái Khmer phải đi cưới chồng, vừa vất vả nhọc nhằn vừa hao tiền tốn của. Bà Om,



Lừa dối chụp hình kỷ niệm cuộc hành trình hạnh phúc bên bờ Ao Bà Om



Không khí tung bùng ngày lễ hội bên bờ ao

người đứng đầu phái nữ, cho như thế là không công bằng, nên đã thách thức cánh đàn ông con trai thi đua đào ao để coi ai tài giỏi hơn ai.

Phe nam giới vốn tự tôn chủ quan, cậy mình khỏe mạnh, tin rằng vừa đào vừa chơi cũng dư sức thắng cuộc. Nào ngờ bà Om đã nghĩ ra một diệu kế là vào chập tối thả một cây đèn gió, loại đèn giấy bay lên không trung bằng sức nóng. Cánh đàn ông nhìn thấy chấm sáng của cây đèn trên trời tưởng là sao Mai đã mọc, bèn rủ nhau ngừng tay về nhà ngủ. Phe nữ cảm cú đào cho tới sáng và đã toàn thắng.

Từ đó ấy, phe nam phải đi hỏi vợ dù gian nan vất vả tốn kém. Và bà Om, người phụ nữ thông minh, đảm lược ấy, được tôn kính như một nữ thần của sắc tộc Khmer.

Ao Bà Om ngày nay là một địa điểm văn hóa - du lịch của Trà Vinh và cả đồng bằng sông Cửu Long. Khách du thưởng thức cảnh quan xanh tươi ngào ngạt hương sen hai mùa hè-thu, và có thể ngắm nghía các bộ rễ cây độc đáo hiếm thấy trên bờ ao. Với một trí tưởng tượng tối thiểu, người ta sẽ nhìn ra thiên hình vạn trạng : nào là rùa lớn ra

biển, gấu mẹ đi săn, cọp dữ về hang, ác quỷ vô mô, khủng long tranh hùng, cây cối đi cà kheo, trẻ em chơi dung dăng dung dể... đều là những sáng tạo kỳ lạ của một nghệ sĩ lớn : Thiên Nhiên.

Danh thắng Ao Bà Om với tên gọi như thế quả thật xứng đáng với một trong những hình tượng người phụ nữ tài hoa của pho huyền thoại Việt Nam.

Lê Văn Hảo  
(Paris)

## Chính quyền Palestine tan vỡ

Người Palestine còn hy vọng có được một quốc gia độc lập không ?

Câu hỏi này được đặt ra sau khi lực lượng Hamas của thủ tướng Ismail Haniyeh tấn công và đánh bại lực lượng Fatah của tổng thống Mahmoud Abbas tại dải Gaza, và làm chủ hoàn toàn mảnh đất rộng 360 km<sup>2</sup> với gần một triệu rưỡi người này, từ ngày 15-6-2007.

Để trả đũa, tổng thống Mahmoud Abbas đã giải tán toàn bộ chính phủ Haniyeh và lập ra một chính quyền mới, nhưng ông cũng chỉ kiểm soát được vùng West Bank (Cisjordany), tây ngạn sông Jordan, với 6.000 km<sup>2</sup> và khoảng 3 triệu dân (trong đó có 500.000 người Do Thái do chính quyền Do Thái cai trị). Như vậy, kể từ ngày 15-6-2007, trên thực tế có hai nước Palestine kình địch nhau. Sự chia rẽ này hầu như không hàn gắn được vì mới trước đó không đầy một tháng, hai lực lượng Fatah và Hamas đã hòa giải trong một hội nghị tại Saudi Arabia. Thỏa ước hòa giải này, và sự thành lập một "chính phủ đoàn kết dân tộc", đã chỉ sống được không đầy một tuần lễ và nhường chỗ cho xung đột vô trang.

Hamas (tên viết tắt, có nghĩa là phong trào kháng chiến Hồi giáo) được thành lập từ năm 1987, là một tổ chức cực đoan bị hầu hết các quốc gia phương Tây liệt vào danh sách các tổ chức khủng bố và quả thực đã thực hiện nhiều hành động khủng bố đẫm máu. Hamas đã phát triển mạnh nhờ sự chán ghét của dân chúng Palestine đối với sự tham nhũng quá lộ liễu của Fatah.

Fatah là lực lượng vừa chính trị vừa võ trang do Yasser Arafat thành lập năm 1964. Fatah đã liên kết với nhiều tổ chức kháng chiến chống Do Thái để thành lập PLO (Tổ chức giải phóng Palestine), rồi dần dần sáp nhập các tổ chức này; cuối cùng PLO đồng nghĩa với Fatah. Sau khi đã tạm thống nhất được các lực lượng kháng chiến, Yasser Arafat trở thành ôn hòa hơn với Do Thái và chấp nhận sự sống chung của hai quốc gia Do Thái và Palestine sau khi ký thỏa thuận Oslo năm 1993. Ông trở thành tổng thống Palestine. Tuy vậy, cũng từ đó chính quyền Palestine trở thành tham nhũng. Năm 2006, Hamas thắng lớn trong cuộc bầu cử quốc hội và thành lập chính phủ. Lập tức Do Thái và các chính quyền phương Tây cô lập Palestine, khủng hoảng giữa hai lực lượng Fatah và Hamas nhanh chóng bùng nổ.

Chính quyền Gaza của Hamas khó sống được lâu, nó bị phong tỏa về mọi mặt, ngay cả tài nguyên cần thiết nhất là nước nó cũng cần Do Thái cung cấp 5 triệu m<sup>3</sup> nước mỗi năm. Nhưng Hamas lại được sự ủng hộ của nhân dân Palestine dù nó có thể đưa miền đất khổ này trở lại thời kỳ đồ đá. Ngược lại Fatah được Do Thái và các nước phương Tây yểm trợ nhưng lại bị nhân dân Palestine chán ghét vì quá tham nhũng. Hy vọng của các nước phương Tây là những khó khăn của cuộc sống sẽ khiến người Palestine

trở thành thực tiễn và ngừng ủng hộ Hamas để Fatah nắm lại chính quyền trên toàn cõi Palestine và thực hiện chính sách sống chung hòa bình với Do Thái.

Chính quyền Do Thái đã hỗ trợ tổng thống Mahmoud Abbas bằng cách tháo khoán số tiền thu thuế và đối thoại với ông và trả tự do cho 250 tù nhân Palestine thuộc phe Fatah. Đây chỉ là là đợt

phóng thích tù nhân đầu tiên, nhiều đợt khác đang được dự trù trong những ngày sắp tới để tăng thêm uy tín cho Abbas.

Người Palestine thật đáng thương vì họ chỉ có chọn lựa giữa hai đảng cầm quyền, một đảng quá khích mù quáng và một đảng tham nhũng.

## Quân bắt kiến Hoàng Hà chi thủy ?

*Quân bắt kiến Hoàng hà chi thủy thiên thượng lai, bôn lưu đảo hải bắt phục hồi ?* (Người thấy chằng nước sông Hoàng Hà từ trời đổ xuống, chảy tuôn ra biển chẳng quay về ?) là một trong những câu thơ trong bài *Tương Tiến Tửu*, một bài phú nổi tiếng của văn học Trung Quốc.

Nhưng ngày nay nếu được hỏi câu hỏi đó, người Trung Quốc sẽ trả lời là không. Lý do : sông Hoàng Hà không còn nước nữa. Một phần do hiện tượng sa mạc hóa miền Bắc Trung Quốc, một phần do các tỉnh ở thượng lưu thi nhau đào kinh giữ nước vì nhu cầu sản xuất, đoạn cuối sông Hoàng Hà đã cạn. Thay vì nước ngọt chảy ra biển, ngày nay nước mặn từ biển chảy vào lục địa, đất đai hai bên bờ sông không còn canh tác được nữa.

Một con sông lớn khác của Trung Quốc cũng đang bị hủy diệt : Dương Tử Giang. Sông Dương Tử, con sông lớn thứ ba trên thế giới, vẫn còn nước nhưng nước bị nhiễm độc nặng vì các nhà máy hai bên bờ sông thi nhau trút nước thải kỹ nghệ đầy hóa chất độc vào sông. Riêng một thành phố Tây An, theo tổ chức World Wild Life, mỗi ngày 8 triệu m<sup>3</sup> nước thải hóa học từ các nhà máy đổ vào lòng sông.

Năm 2002 chính quyền Bắc Kinh đã bỏ ra một ngân khoản 5 tỷ USD để cứu con sông này. Đến nay số tiền đó đã dùng hết và chính quyền Bắc Kinh bỏ cuộc, nhìn nhận không cứu được con sông này nữa, tất cả sự sống động vật trên sông Dương Tử sẽ chấm dứt trong một vài năm nữa. Hai con sông Hoàng Hà và Dương Tử là cái nôi của nền văn minh Trung Quốc.

Theo thống kê của Liên Hiệp Quốc, Trung Quốc thiếu nước một cách trầm trọng. Lượng nước trung bình sử dụng hàng ngày trên mỗi đầu người tại Trung Quốc là 87 lít, bằng 10% mức tiêu thụ của các nước phương Tây. [Đây là lượng nước sử dụng trên toàn quốc cho mọi mục tiêu công nghiệp, nông nghiệp cũng như sinh hoạt gia đình chia cho dân số]. Ở các tỉnh phía Bắc, số lượng nước tiêu thụ còn ít hơn con số trung bình này. Ở nhiều nơi, trong lục địa và phía Bắc, mong ước của người dân chỉ giản dị là được tắm một lần nước sạch. Nguy cơ thiếu nước của Trung Quốc đang ngày càng trầm trọng hơn. Đây là hậu quả của chính

sách tăng trưởng kinh tế, bất chấp môi trường.

Một trong những di sản chưa được đánh giá đúng mức của chủ nghĩa cộng sản là sự tàn phá môi trường. Thiên nhiên và môi trường hoàn toàn vắng mặt trong ý thức hệ Mác-Lênin.

Chính quyền cộng sản thất bại trên mọi mặt : đạo đức, giáo dục, y tế, xã hội. Sự chính đáng của chính quyền chỉ đặt trên mức tăng trưởng kinh tế cao (xấp xỉ 10%). Bắc Kinh bắt buộc phải giữ đà tăng trưởng này và tiếp tục tàn phá môi trường. Nhưng nếu đất không còn sống được nữa thì còn gì để nói ? Một điểm ít ai lưu ý là đa số người Trung Quốc mong muốn được di dân sang nước khác sinh sống.

## **Một chuyến công du quan trọng ?**

Ông Nguyễn Minh Triết, chủ tịch nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, đã thăm viếng Hoa Kỳ trong một tuần lễ, từ ngày 17 đến 23-6-2007. Chuyến thăm viếng khá dài của một quốc trưởng này đã thiếu hẳn sự long trọng. Ông Triết chỉ được tổng thống George W. Bush tiếp tại văn phòng Tòa Bạch Ốc trong một thời gian ngắn, khoảng một giờ kể cả thời gian phiên dịch, kế tiếp là một bữa ăn trưa cũng rất nhanh chóng. Không có thông cáo chung và cũng không có họp báo chung. Phần chính của cuộc gặp gỡ là để tổng thống Bush nhắc nhở ông Triết rằng Việt Nam phải cải thiện về nhân quyền. Tại trụ sở hạ viện Mỹ đã chỉ có 7 dân biểu đến gặp ông Triết để phê phán chính quyền cộng sản Việt Nam vi phạm nhân quyền và yêu cầu trả tự do cho các tù nhân chính trị. Tóm lại ông Triết không được tiếp đón như một nhân vật quan trọng, chưa nói là một quốc trưởng.

Cách tiếp đón rẻ rúng này có lý do của nó : ông Nguyễn Minh Triết không phải là một quốc trưởng đúng nghĩa, ông chỉ là một thành viên trong một ban lãnh đạo với nhiều người quyền lực hơn ông. Hơn thế nữa, ngay trước chuyến công du này, chế độ mà ông đại diện đã vi phạm nhân quyền một cách thô bạo, một loạt những người đòi dân chủ một cách ôn hòa bị bắt giam, bị xét xử trong những phiên tòa thô bỉ, trong đó các bị can không có luật sư và cũng không được tự bào chữa. Ông Triết cũng đã làm một việc không làm tăng thêm thế giá của ông trước mắt chính phủ Mỹ : trước khi đi Mỹ ông đã sang Trung Quốc, cử chỉ này được nhìn như là một sự xác nhận vị thế chư hầu của Hà Nội đối với Bắc Kinh.

Đây không phải là lần đầu tiên mà những người lãnh đạo hàng đầu của Việt Nam đi thăm các nước phương Tây. Các ông Lê Đức Anh, Trần Đức Lương, Nông Đức Mạnh, Phan Văn Khải đã từng thăm viếng các nước châu Âu, ông Phan Văn Khải trong chức vụ thủ tướng cũng đã từng thăm viếng Mỹ. Tất cả những cuộc thăm viếng này đều không gây một sự chú ý nào. Tại châu Âu, báo chí, các đài phát thanh và truyền hình không hề nhắc tới, dù chỉ là thoáng qua.

Lần này chuyến viếng thăm Hoa Kỳ của ông Triết đã gây được sự sôi nổi hơn hẳn, chủ yếu nhờ những cuộc biểu tình phản đối của người Việt tại Mỹ. Vô tình ông Triết đã

là người đầu tiên tạo đoàn kết giữa người Việt hải ngoại. Không chỉ người Việt tại Mỹ mà hầu hết mọi người Việt trên khắp thế giới đều ủng hộ những cuộc biểu tình này. Chuyến đi của ông Triết đã là cơ hội để họ bày tỏ sự phẫn nộ đối với đợt đàn áp dân chủ bắt đầu từ Tết Đinh Hợi. Hàng ngàn tấm ảnh linh mục Nguyễn Văn Lý bị một công an bịt miệng được trưng lên trong các các biểu tình, cùng với hình ảnh Lê Thị Công Nhân, Nguyễn Văn Đài, v.v. Cuộc biểu tình tại Washington DC, qui tụ khoảng 2.000 người, được báo chí Mỹ đánh giá là cuộc biểu tình lớn nhất từ xưa đến nay tại Mỹ để chống lại một quốc trưởng đến thăm viếng. Tại California, nơi ông Triết mở cuộc tiếp tân, hơn 5.000 người đã tụ tập hô khẩu hiệu phản đối. Một điểm cần được ghi nhận : ông Triết đã là vị quốc trưởng thăm viếng Hoa Kỳ bị phản đối mạnh nhất trong lịch sử nước này, dù ông đến và đi một cách lặng lẽ.

Có lẽ ông Triết phần nào hơi bị oan và đã phải trả giá cho những sự kiện mà ông chỉ có một trách nhiệm rất tương đối. Nhiều nguồn tin từ trong nước cho biết ông Triết không phải là người chủ trương đợt đàn áp dân chủ vừa xảy ra, ba người quyết định các biện pháp đàn áp dân chủ là các ông Nguyễn Tấn Dũng, Trương Vĩnh Trọng và Lê Hồng Anh.

Ông Triết đã tỏ ra lúng túng trong các tiếp xúc với báo chí. Nghệ thuật lười gõ của ông không cao. Ông nói những câu ngây ngô như : "Chúng tôi không nở tàn nhẫn với nhân quyền", hoặc "trong thời chiến tranh chúng tôi có dùng vũ khí đầu mà cũng bị đàn áp", và "chúng tôi không bắt họ vì bất đồng chính kiến mà vì họ vi phạm luật pháp". Ở Việt Nam phát biểu ý kiến trái ngược với đảng cộng sản là phạm pháp.

Tuy vậy chuyến công du Hoa Kỳ của ông Triết cũng có ý nghĩa của nó. Ngay việc ông Triết chấp nhận mất mặt cố duy trì chuyến đi này cũng là một điều tích cực. Ông cũng đã tỏ ra nhẫn nại tìm mọi cách để gia tăng hợp tác giữa Hoa Kỳ và Việt Nam (trong chuyến đi của ông một hiệp ước khung về thương mại và đầu tư đã được ký kết, trị giá trao đổi có thể lên đến 8 tỷ USD). Ở một mức độ nào đó, có thể nói là quan hệ hợp tác Việt-Mỹ đã được tăng cường sau chuyến đi này. Quan trọng hơn, việc ông Triết duy trì chuyến đi Mỹ trong những điều kiện khó khăn có thể là chỉ dấu của một khuynh hướng tiến gần với Mỹ đang ngày một mạnh hơn trong nội bộ Đảng Cộng Sản Việt Nam.

## **Hội nghị trung ương của Đảng Cộng Sản Việt Nam nhóm họp**

Hiện nay Ban chấp hành trung ương gồm 160 ủy viên chính thức và 21 ủy viên dự khuyết đang họp hội nghị trung ương 5 trong 10 ngày, từ 5 đến 14-7-2007.

Nội dung có khá nhiều, trong đó việc sắp xếp nhân sự cấp cao là việc hệ trọng nhất để giới thiệu ra phiên họp đầu của Quốc hội khoá 12 sẽ khai mạc sau đó vào ngày 19 tháng 7. Đó là các chức vị chủ tịch và phó chủ tịch nước, thủ tướng và các phó thủ tướng (3 hoặc 4 phó, đang còn cân

nhắc), xếp sắp các bộ trưởng và thứ trưởng cho các bộ (hiện là 26 bộ, sẽ giảm xuống còn 20 hay 21 bộ), xếp đặt các chức vị cao nhất của quốc hội (chủ tịch, một hoặc hai phó chủ tịch), ban thường trực, chủ nhiệm các ban chuyên trách.

Các chức chủ tịch nước, chủ tịch quốc hội, thủ tướng vẫn giữ như trong dịp Đại hội X đã phân chia vai vế, các chức dưới sẽ có thay đổi không ít.

Nhân vật được bàn nhiều là nhân vật số 2 của chính phủ - phó thủ tướng thường trực Nguyễn Sinh Hùng, nguyên bộ trưởng tài chính hơn 13 năm, "tài ít, tật nhiều" trong quản lý tài chính quốc gia, lỏng lẻo, nhập nhèm đến kinh hồn trong phân phối và thanh toán ngân sách nhà nước, sẽ có thể được "đưa lên" ghế phó chủ tịch quốc hội thay ông Nguyễn Văn Yếu. Một loạt vị cao cấp sẽ về nghỉ, như bà phó chủ tịch nước Trương Mỹ Hoa, các bộ trưởng y tế Trần Thị Trung Chiến, lao động Nguyễn Thị Hằng, viễn thông Đỗ Trung Tá, tài nguyên và môi trường Mai Á Trục, thương mại Trương Đình Tuyển, tổng cục trưởng du lịch Võ Thị Thắng... Một số vị ghế đang rung rinh như thống đốc ngân hàng Lê Đức Thúy không trong sạch và bộ trưởng khoa học - công nghệ Hoàng Văn Phong quá yếu kém, mờ nhạt. Những nhân vật đang lên là ông Cao Đức Phát sẽ kiêm nhiệm bộ nông nghiệp, xây dựng nông thôn với tài nguyên - môi trường, và ông Hoàng Trung Hải có thể kiêm bộ công nghiệp với bộ thương mại.

Ông Nguyễn Tấn Dũng đang có ý đòi được tự mình chọn lựa trước các bộ trưởng và thứ trưởng rồi đưa ra quốc hội xét duyệt, nhưng xem chừng ban tổ chức trung ương đảng do ông Hồ Đức Việt cai quản vẫn muốn giữ chặt quyền như cũ.

Vấn đề quan trọng nữa là cải cách hành chính, cực kỳ hệ trọng nhằm đơn giản hoá và tăng hiệu quả bộ máy nhà nước và bộ máy đảng, hiện đang ở thế bùng nhùng; do nền nếp quan liêu của cơ chế cũ còn đề rất nặng, càng hội nhập quốc tế càng phơi bày sự kìm hãm tệ hại; hiện chưa có lối thoát, vì viên chức không thành thạo chuyên môn, giấy tờ chồng chất, hợp hành lu bù, công việc ách tắc. Các chuyên gia quốc tế coi đây là khâu cần đột phá, hiện vẫn gần như hoàn toàn bế tắc. Một thử thách không nhỏ cho cuộc họp này.

Hội nghị dự định để ba ngày thảo luận về vấn đề lý luận, tư tưởng và báo chí. Cũng là những vấn đề hóc búa, rối ren, chưa có hướng giải quyết và lời giải rõ ràng. Chủ nghĩa Mác Lênin còn giá trị và áp dụng ra sao? Nội dung định hướng xã hội chủ nghĩa là gì? Có thể xây dựng nền dân chủ độc đảng không? Về báo chí lại càng bế tắc. Báo chí có tự do mới tham gia đắc lực chống tham nhũng trong bộ máy nhà nước và tiêu cực tràn đầy xã hội. Giới hạn tự do đến đâu? Ai quy định mức giới hạn ấy. Vừa rồi cả một đội quân báo chí quay phim chụp ảnh đi theo ông Triết nhưng dân trong nước muốn biết rõ và đúng sự thật về chuyến đi lại phải tìm sự thật trên báo và đài từ ngoài nước để tự mình so sánh và tìm hiểu.

Hội nghị Trung ương 5 họp trong thời hội nhập, trong thời "hậu WTO". Để xem cơ quan lãnh đạo của đảng cộng

sản trong thời kỳ mở rộng cửa, quan hệ quốc tế rộng rãi khắp các lục địa và khu vực, sẽ tỏ ra thức thời và nhạy cảm tiếp thu những giá trị mới của thời đại đến mức nào. Mong đợi và chờ xem. (B.T. 5-7-2007).

## **Năm học 2007-2008 : học phí tăng từ ba đến năm lần**

Theo thông tư của Sở giáo dục Sài Gòn ngày 6-7-2007, mức thu học phí tại các trường công lập trong nội thành Sài Gòn trong niên khóa 2007-2008 sẽ tăng từ 3 đến 5 lần.

Một vài thí dụ. Học phí các lớp trung học cơ sở (cấp 1) sẽ tăng từ 63.333 VND /tháng lên 160.000 VND. Đối với học sinh trung học phổ thông (cấp 2) nội thành, nếu chỉ học một buổi/ngày học phí sẽ tăng từ 38.333 VND lên 140.000 VND, nếu học hai buổi/ngày mức học phí sẽ tăng từ 88.333 VND lên 220.000 VND. Nếu cộng thêm những phụ phí khác liên quan đến việc học hành, tổng số tiền mà các bậc cha mẹ ở Sài Gòn hay Hà Nội phải chi cho một học sinh : thấp nhất là từ 400 đến 500.000 VND/tháng và cao nhất khoảng một triệu VND/tháng. Mức tăng học phí này vượt quá sức chịu đựng của đại đa số dân chúng Việt Nam.

Ông Phạm Ngọc Huy, một công nhân may mặc, cho biết hai vợ chồng ông là công nhân công ty may mặc, lương tháng được 3.200.000 VND (đã tính thêm tiền tăng ca). Nếu tăng học phí, tổng chi của gia đình ông là 3.150.000 VND, tiền đâu để lo cho con đi học? Ông Huy chiết tính chi phí cụ thể như sau : tiền thuê nhà : 700.000 VND, điện nước : 300.000 VND, tiền ăn cho 3 người (hai vợ chồng và một con) : 900.000 VND (30.000 VND \* 30 ngày), chi phí lặt vặt (thuộc, sữa, xăng...) : 500.000 VND, tiền học của con : 750.000 VND (với học phí mới). Nếu có hai con đi học thì đành phải cho một đứa nghỉ học vì không đủ tiền đóng học phí.

Bắt đầu từ đầu năm học tới, người ta sẽ chứng kiến một hiện tượng mới : tuổi làm việc của người Việt Nam sẽ xuống dưới mức 16, vì sẽ có rất nhiều gia đình không đủ tiền cho con em tiếp tục đến trường và buộc chúng tìm việc làm sớm. Người ta cũng sẽ không ngạc nhiên khi thấy nạn bán dâm phát triển mạnh, nạn trộm cướp hoành hành.

Theo lời giải thích của Sở giáo dục và đào tạo Sài Gòn, thì mức phí đang áp dụng hiện nay cho các trường công lập đã có từ 10 năm trước (1998) do đó không còn phù hợp với nhu cầu thực tiễn. Một lý do khác, phù phiếm hơn, là Việt Nam vừa gia nhập WTO đại học nước ngoài sẽ vào Việt Nam đầu tư vì lợi nhuận, do đó phải tăng mức học phí để thích ứng với thị trường mới vì sẽ có 40% học sinh và sinh viên ghi tên vào học các trường ngoài công lập.

Vấn đề đặt ra là với sự gia tăng mức học phí này, chương trình giáo dục của Việt Nam có đáp ứng kịp thời với đà tiến bộ chung của thế giới hay không? Chắc chắn là không, vì mục tiêu chính của sự gia tăng mức học phí này là để tăng lương cho các thầy cô (85%), số còn lại là để thay thế những trang thiết bị của nhà trường. Do đó cho dù có tăng mức học phí, chương trình giáo dục tại Việt Nam hiện nay vẫn còn rất lạc hậu so với thế giới.

## Chủ tịch Nguyễn Minh Triết báo cáo

Bộ chính trị đã họp để nghe chủ tịch Nguyễn Minh Triết báo cáo về chuyến công du Hoa Kỳ.

Mở đầu chủ tịch Nguyễn Minh Triết nói :

- Báo cáo các đồng chí, chuyến công du Mỹ của tôi đã đạt kết quả rất tốt. Ngay khi đặt chân lên đất Mỹ tôi đã vào ngay thành phố Niu Ốc, trung tâm của tư bản Mỹ, tôi và phái đoàn đã xâm nhập dễ dàng thị trường chứng khoán, cơ quan đầu não của nền kinh tế Mỹ. Sau đó tôi đã đến Oa Sinh Tơn, vào thẳng Nhà Trắng, nơi tổng thống Mỹ và bộ tham mưu làm việc, rồi trụ sở quốc hội Mỹ. Tôi cũng đã đến bang Ca Li Foóc Nha, bang giàu có nhất nước Mỹ. Tôi và phái đoàn không gặp một sự chống cự nào từ các lực lượng võ trang Mỹ.

Về khả năng hợp tác với Hoa Kỳ, ông Triết nói:

- Khả năng này là có thật, tuy nhiên nước Mỹ vẫn còn nhiều giới hạn. Họ chưa hiểu rõ thế nào là pháp luật, ngay cả ở cấp cao nhất. Tổng thống Mỹ cũng như các dân biểu, nghị sĩ đều đặt với tôi vấn đề nhân quyền, họ chất vấn tôi tại sao lại bắt giam một số người đối lập và đòi ta phải trả tự do cho các phạm nhân mà họ gọi là những người không cùng chính kiến. Tôi đã giải thích cho họ rằng nước ta không hề có việc đàn áp những người khác ý kiến, ngay trong nội bộ đảng ta cũng có những ý kiến khác nhau trên các vấn đề cụ thể. Tất cả những người bị bắt đều đã chỉ bị bắt vì vi phạm luật pháp. Nước ta không cho phép công dân hoạt động chính trị và có chính kiến ngoài khuôn khổ đảng và nhà nước, những phần tử xấu đó đã vi phạm qui định này và bị trừng trị như mọi thường phạm. Phải nói với các đồng chí về điểm này, các cấp lãnh đạo Mỹ tỏ ra chưa hiểu, họ còn kém về mặt luật pháp. Sự yếu kém về mặt luật pháp và an ninh của Mỹ biểu lộ rõ ràng trong sinh hoạt thường ngày. Họ thiếu hẳn chính sách hộ khẩu và các qui định về tạm trú, tạm vắng. Ai muốn đi đâu thì đi, ở đâu thì ở. Về thông tin báo chí thì quả thực là hỗn loạn, ai muốn ra báo cứ ra, gửi bất cứ gì lên mạng Internet cũng được. Từ chỗ không có luật pháp, Mỹ đi đến thái độ sai lầm khi cho rằng các biện pháp quản lý trị an của ta là vi phạm nhân quyền.

Chủ tịch Nguyễn Minh Triết nhận định rằng về mặt quản lý trị an Mỹ còn cần rất nhiều tiến bộ và Việt Nam sẵn sàng giúp Mỹ cải tiến.

So sánh với những chuyến công du trước đây của các đồng chí Nông Đức Mạnh, Lê Đức Anh,

## MỤC LỤC

01. Cột mốc của một tiến trình không thể đảo ngược ?  
*Thông Luận*
02. Cố gắng xây dựng một lý thuyết mới để duy trì chế độ  
*Nguyễn Minh*
04. Kịch bản nào cho cuộc cờ này ?  
*Nguyễn Gia Kiểng*
08. Già néo đứt dây  
*Việt Hoàng*
10. Đảng Cộng Sản Việt Nam sau khi hội nhập quốc tế  
*Bùi Tin*
13. Đòi lời cảm tạ  
*Nguyễn Vũ Bình*
14. Những thế lực dầu lửa mới của châu Á  
*Phạm Việt Vinh*
16. Dân chủ và phát triển : lý thuyết và chứng cứ  
*Trần Hữu Dũng*
22. Truyền, hay chữ và nghĩa  
*Nguyễn Hải Thu*
27. Áo Bà Om (tỉnh Trà Vinh)  
*Lê Văn Hào*
28. Thế giới và Việt Nam
32. Chủ tịch Nguyễn Minh Triết báo cáo  
*Đầy*

Trần Đức Lương và Phạm Văn Khải, chủ tịch Nguyễn Minh Triết cho rằng chuyến đi của ông đã gây được tiếng vang hơn hẳn. Trước đây những chuyến viếng thăm cao cấp này không có được một tin nhỏ, trái lại chuyến viếng thăm của ông ta đã là chủ đề của rất nhiều bài báo ; nhiều hãng truyền hình Mỹ cũng đã đưa lên hình ảnh của đồng bào tại Mỹ tiếp đón ông. Chủ tịch Nguyễn Minh Triết nhấn mạnh rằng tại khắp nơi ông đã đi qua, Niu Ốc, Oa Sinh Tơn cũng như Ca Li Foóc Nha, hàng ngàn đồng bào Việt Nam đã tập trung hai bên đường để đón ông nhưng chính quyền Mỹ đã ngăn cản không cho đồng bào đến gặp ông để trả đũa việc chính quyền ta ngăn cản không cho các dân biểu và nghị sĩ Mỹ gặp một số người có vấn đề tại Hà Nội trước đây. Báo chí Mỹ đều nhìn nhận rằng chưa bao giờ mà một quốc trưởng đến thăm nước Mỹ được nhiều người nghênh đón tưng bừng như vậy.

Trả lời câu hỏi của bộ trưởng công an Lê Hồng Anh về sự kiện có tin cho rằng những người Việt Nam biểu tình là để chống lại chuyến đi của ông, chủ tịch Triết nói rằng báo chí Mỹ đã thông tin sai lạc vì thiếu sự quản lý chặt chẽ của nhà nước. Chủ tịch Nguyễn Minh Triết nói thêm trong cộng đồng người Việt tại Mỹ cũng có một số phần tử phản động nhưng Nhà Trắng đã triệu tập họ để cảnh cáo trước khi ông đến Mỹ. Sau khi ông ra về, Nhà Trắng cũng đã triệu tập họ, ra lệnh cho họ phải im lặng. Sau đó những phần tử này đã không dám phát biểu gì cả.